

Số: 472/PTSC-BTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2023

V/v Công bố Báo cáo thường
niên 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 028.3910 2828 Fax: 028.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam công bố Báo cáo thường niên 2022 của Tổng công ty được lập theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên 2022: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, BTK (NĐT,04).

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Đức Thủy



PTSC
A member of PETROVIETNAM

*Báo
Cáo*
THƯỜNG NIÊN
2022

Wonderful



*Báo
Cáo*
THƯỜNG NIÊN
2022

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐHCD	Đại hội cổ đông	SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị	KHCN	Khoa học công nghệ
BKS	Ban Kiểm soát	NLĐ	Người lao động
Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc	TĐDKVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
		NLTTNK	Năng lượng tái tạo ngoài khơi

MỤC LỤC

01

Crossing Challenges

- 10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 12 Thông tin doanh nghiệp
- 14 Mạng lưới hoạt động
- 24 Cơ sở vật chất
- 32 Sơ đồ tổ chức
- 34 Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng
- 40 Quá trình 30 năm hình thành và phát triển

02

Achieving Success

- 46 Thành tựu, giải thưởng tiêu biểu 1993-2023
- 48 Điểm sáng trong năm 2022
- 52 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 56 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 76 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 84 Báo cáo của Ban Kiểm soát

05

Chứng khoán PVS

- 120 Thông tin cơ bản
- 121 Cổ đông
- 124 Quan hệ Cổ đông
- 128 Đánh giá cổ phiếu PVS
- 132 Lịch sử chi trả cổ tức

03

Change For Chances

- 94 Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC
- 100 Quản trị rủi ro

06

Báo cáo tài chính

- 136 Báo cáo tài chính

04

Winderful

- 108 Tổng quan phát triển bền vững
- 114 Báo cáo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2022

CROSSING CHALLENGES

Chặng đường 30 năm xây dựng và phát triển, đối với PTSC, không lúc nào là dễ dàng, mỗi giai đoạn đều có những khó khăn và thách thức. Từ giai đoạn khởi đầu trong bối cảnh cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu thốn, thị trường dịch vụ dầu khí có nhiều biến động, sau đó lại chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính trong và ngoài nước, khủng hoảng giá dầu và đặc biệt là chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, là một biến cố chưa từng xảy ra với cả nhân loại trong hơn 100 năm qua, đã đặt ngành dầu khí nói chung và PTSC nói riêng phải đương đầu với khủng hoảng kép của "Đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu". Tuy nhiên, xuyên suốt chặng đường 30 năm, trải qua nhiều thế hệ tiếp nối, nhưng người lao động PTSC với trí tuệ, bản lĩnh và nghị lực kiên cường, đoàn kết, năng động, sáng tạo, đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức để cùng nhau sẵn sàng vươn mình đón gió mới, đón những thành công mới.



01

- 10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 12 Thông tin doanh nghiệp
- 14 Mạng lưới hoạt động
- 24 Cơ sở vật chất
- 32 Sơ đồ tổ chức
- 34 Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng
- 40 Quá trình 30 năm hình thành và phát triển

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín - nhà cung cấp giải pháp trọn gói hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng với trọng tâm là ngành dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi.

SỨ MỆNH

Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và NLD, góp phần xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

P : Professional/Chuyên nghiệp

Tính chuyên nghiệp là tiêu chí hàng đầu quyết định sự thành công của thương hiệu PTSC.

T : Trustworthy/Tin cậy

Niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và NLD tạo nên sức mạnh, gia tăng lợi thế cạnh tranh cho PTSC.

S : Sustainable/Bền vững

Với năng lực vượt trội sau quá trình 50 năm hình thành xây dựng và phát triển, PTSC tự tin hướng đến lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi nhằm góp phần xanh hóa nguồn năng lượng, xây dựng xã hội và cộng đồng bền vững, có bề dày thành tích và xây dựng được cơ sở vật chất, hệ thống nguồn lực lớn mạnh với lợi thế đa dịch vụ, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững trong chuỗi giá trị của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

C : Creative/Sáng tạo

Luôn đổi mới, sáng tạo là đặc tính tiêu biểu tạo nên thương hiệu PTSC. Với nguồn nhân lực có trình độ cao, tiêu chuẩn quốc tế, PTSC luôn sẵn sàng chủ động hội nhập, phát triển, mở rộng các loại hình dịch vụ mới nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

Thông điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!



Năm 2023 đánh dấu mốc trải qua 30 năm hoạt động của Tổng công ty, một hành trình dài có những lúc thăng trầm, những vất vả, khó khăn, thách thức, các thế hệ Lãnh đạo, Cán bộ công nhân viên, Người lao động Tổng công ty - PTSC đã "kiên cường, bền bỉ, vững vàng vượt khó", đoàn kết, nỗ lực phấn đấu trong lao động sản xuất vì sự tăng trưởng và phát triển ổn định, bền vững;

Kính gửi Quý vị Cổ đông,

Tình hình thế giới Năm 2022 biến động rất nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ, khó khăn và thách thức lớn hơn so với khi Tổng công ty - PTSC xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022, xung đột Nga-Ukraine kéo dài, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, lạm phát thế giới tăng cao, suy thoái kinh tế mạnh, rủi ro về tài chính, tiền tệ, mất an ninh năng lượng, lương thực hiện hữu, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại, biến động giá dầu, khủng hoảng chuỗi cung ứng... Tình hình trong nước với bối cảnh khó khăn, thách thức "kép" cả bên trong và bên ngoài; giá xăng dầu, nguyên vật liệu, chi phí vận tải biến động mạnh ảnh hưởng rất lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; đối với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí trong nước, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ truyền thống của Tổng công ty - PTSC, chịu sự suy giảm mạnh do khối lượng công việc, dự án trong ngành liên quan đến lĩnh vực chính của Tổng công ty - PTSC tiếp tục khan hiếm, các loại giá dịch vụ tiếp tục duy trì ở mức thấp, trong khi đó công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài rất khó khăn do cạnh tranh khốc liệt, sức ép giảm giá, giảm chi phí, yêu cầu của khách hàng đối với các điều khoản rất nhiều rủi ro về phía nhà thầu, các vấn đề về luật pháp, văn hóa, sự bảo hộ và ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong nước của nước sở tại ngày càng gia tăng, làm tăng các rủi ro và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dầu khí nói chung và của Tổng công ty - PTSC nói riêng.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt khó "vượt lên chính mình" Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2022, doanh thu hợp nhất đạt 17.081 tỷ VNĐ, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.174 tỷ VNĐ, tương ứng đạt 171% và 192% so với Kế hoạch năm, đạt 116% và 121% so thực hiện Năm 2021, tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Đơn vị thuộc Tập đoàn chỉ đạt 19,6% trong khi đây là thị trường chính của PTSC trong những năm trước đó. Thành công của sản xuất kinh doanh Năm 2022 thể hiện sự nỗ lực, cố gắng của Tập thể Người lao động Tổng công ty - PTSC, tinh thần đoàn kết đồng lòng, quyết liệt, chủ động, nỗ lực thay đổi, chuyển đổi linh hoạt, tìm kiếm công ăn, việc làm, tìm kiếm ra các cơ hội trong khó khăn, khủng hoảng để vươn tới các thị trường, công việc có tính khả thi, triển khai áp dụng hàng loạt, đồng bộ hệ thống các giải pháp hiệu quả để đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, nâng cấp năng lực toàn diện, đẩy mạnh tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng tái tạo, quyết liệt tháo gỡ, xử lý các khó khăn... cắt giảm chi tiêu, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo việc làm, đãi ngộ, hài hòa lợi ích Nhà nước, Cổ đông, Người lao động, duy trì ổn định, phát triển hoạt động của Tổng công ty.

Năm 2023 đánh dấu mốc trải qua 30 năm hoạt động của Tổng công ty, một hành trình dài có những lúc thăng trầm, những vất vả, khó khăn, thách thức, các thế hệ Lãnh đạo, Cán bộ công nhân viên, Người lao động Tổng công ty - PTSC đã "kiên cường, bền bỉ, vững vàng vượt khó", đoàn kết, nỗ lực phấn đấu trong lao động sản xuất vì sự tăng trưởng và phát triển ổn định, bền vững; Năm 2023 cũng là năm có ý nghĩa quan trọng tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Tổng công ty, song dự báo tình hình quốc tế và trong nước tiếp tục diễn biến với nhiều thách thức, thậm chí khó khăn hơn Năm 2022; lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí trong nước tiếp tục suy giảm và khan hiếm công việc. Tuy nhiên, các cơ hội mới cũng xuất hiện, sự hỗ trợ, xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu mạnh mẽ; Tổng công ty tiếp tục có những lợi thế trong việc đầu tư, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho lĩnh vực năng lượng tái tạo, ngoài khơi sẽ mở ra một thời kỳ phát triển mới cho Tổng công ty - PTSC...

HDQT tin tưởng rằng "thử thách càng lớn, cơ hội càng lớn", với sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp, Tập đoàn, bề dày tích lũy, phát triển, giá trị văn hóa truyền thống PTSC 30 năm, đội ngũ CBCNV đang ngày càng tự tin, giàu nhiệt huyết, PTSC quyết tâm thực hiện thành công, hoàn thành cao nhất nhiệm vụ SXKD Năm 2023 mà ĐHQĐ, cấp trên giao phó, quan tâm đầy đủ, hài hòa các quyền, lợi ích hợp pháp của Quý cổ đông, Người lao động.

Thay mặt HDQT Tổng công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới Ban Điều hành, các cấp quản lý, toàn thể CBCNV Tổng công ty - PTSC qua các thời kỳ, vì tất cả sự đóng góp, cống hiến, những nỗ lực, cố gắng, lao động trong hành trình 30 năm của PTSC; và tới các Cơ quan quản lý Nhà nước, cấp trên, chức năng các cấp, Quý Cổ đông, Tập đoàn, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác đã luôn đồng hành, tin tưởng, hợp tác, hỗ trợ to lớn, hiệu quả đối với Tổng công ty; kính chúc Quý vị, Quý cơ quan Năm 2023, các năm tiếp theo luôn dồi dào sức khỏe, nhiều niềm vui, hạnh phúc và thành công mới.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phan Thanh Tùng

Thông tin **Doanh nghiệp**

TỔNG QUAN VỀ PTSC

Được sáp nhập từ 2 đơn vị: Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), tháng 2 năm 1993, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã ra đời và là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, PTSC đã ghi được nhiều dấu ấn với vị trí hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong thị trường dầu khí, công nghiệp khu vực; riêng đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi, PTSC là đơn vị giữ vai trò tiên phong và duy nhất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý để chính thức tham gia với vai trò nhà đầu tư và phát triển dự án vào lĩnh vực đầy tiềm năng và triển vọng này.

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation

Tên giao dịch viết tắt: PTSC

Mã chứng khoán: PVS

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150577

Vốn điều lệ: 4.780 tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 12.948 tỷ VNĐ (theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)

Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà Petrovietnam, Số 1 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84) 028.39102828

Fax: (+84) 028.39102929

Website: ptsc.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Cơ khí dầu khí



Kho nổi chứa, xử lý
và xuất dầu thô
(FSO/FPSO)



Lắp đặt, vận hành,
bảo dưỡng
công trình biển



Căn cứ cảng dịch vụ



Tàu dịch vụ dầu khí



Khảo sát địa chất,
khảo sát sửa chữa
công trình ngầm



Công trình công nghiệp



Năng lượng tái tạo



Mạng lưới hoạt động

Tổng công ty PTSC là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam, và là thương hiệu lớn trên thị trường dịch vụ dầu khí, công nghiệp trong khu vực. Đến nay, Tổng công ty PTSC có 06 chi nhánh, 01 văn phòng đại diện, 12 công ty con và 06 công ty liên kết tại 03 miền của đất nước và tại khu vực Châu Á.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật
Dầu khí Việt Nam (PTSC)

BÀ RỊA - VŨNG TÀU	SÓC TRĂNG	QUẢNG NGÃI	ĐÀ NẴNG	QUẢNG BÌNH	THANH HÓA	HẢI PHÒNG	HÀ NỘI	MALAYSIA	SINGAPORE	UAE
PTSC Marine PTSC Supply Base PTSC M&C PTSC G&S Petro Hotel PTSC Phu My PPS PVSB POS PV Shipyard	PTSC Long Phu	PTSC Quang Ngai	PTSC Da Nang	PTSC Quang Binh		PTSC Thanh Hoa	PTSC Dinh Vu PTSC Ha Noi PV Security	PTSC Labuan VOFT MVOT	SEA AP MV12	PTSC Abu Dhabi

Mạng lưới hoạt động (tiếp theo)



CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

- 01 Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)**
 Địa chỉ: Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý khai thác và cung cấp tàu dịch vụ
- 02 Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (PTSC Supply Base)**
 Địa chỉ: Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
- 03 Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng (PTSC Da Nang)**
 Địa chỉ: Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
- 04 Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình (PTSC Quang Binh)**
 Địa chỉ: Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
- 05 Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú (PTSC Long Phu)**
 Địa chỉ: Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và công trình công nghiệp
- 06 VPĐD PTSC tại Hà Nội (PTSC Ha Noi)**
 Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao
- 07 PTSC Abu Dhabi**
 Địa chỉ: Phòng 1721, tầng 17 The Offices World Trade Center, Central Market. Al Markazyia, Abu Dhabi, UAE
 Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ
 Ngành nghề kinh doanh chính: Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị tại mỏ dầu và khí tự nhiên; Vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu và khí; Dịch vụ hàng hải liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí; Dịch vụ cho các công trình khai thác và mỏ dầu, khí trên bờ và ngoài khơi.

Mạng lưới hoạt động (tiếp theo)

CÔNG TY CON

01

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C)

Địa chỉ: Số 31, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ/đầu tư: 628 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp

02

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC (PTSC G&S)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

03

Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC (Petro Hotel)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 20 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước

04

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan)

Địa chỉ: Unit 3A-25, U0350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 572.565 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí

05

Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quang Ngai)

Địa chỉ: Lô 4H, Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính:

Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

06

Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (POS)

Địa chỉ: Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 84,95%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp



Mạng lưới hoạt động (tiếp theo)



CÔNG TY CON

01

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ (PTSC Phú Mỹ)

Địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ/đầu tư: 350 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 59,61%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

02

Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hoa)

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 54,69%

Ngành nghề kinh doanh chính:

- » Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp
- » Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp
- » Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.
- » Cung cấp dịch vụ lặn, khảo sát và thi công các công trình ngầm dưới nước.
- » Tái chế phế liệu (Phá hủy tàu)
- » Xây dựng công trình thủy (Đường thủy, cảng và các công trình trên sông.)

03

Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)

Địa chỉ: Tầng 16, Khách sạn Dầu khí, Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 200 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí

04

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PTSC Đình Vũ)

Địa chỉ: Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container

05

Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security)

Địa chỉ: Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
Vốn điều lệ/đầu tư: 30 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

06

Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PVSMB)

Địa chỉ: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 500 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

01

Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)

Địa chỉ: B01-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 14.640.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 60%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

02

Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (SEA)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 32.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

03

Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (AP)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 60.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

04

Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam (MVOT)

Địa chỉ: B01-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 35.222.268 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 49%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

05

Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 (MV12)

Địa chỉ: 9 North Buona Vista Drive #04-05, The Metropolis Tower 1, Singapore 138588

Vốn điều lệ/đầu tư: 20.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 33%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

06

Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Địa chỉ: Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 595 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 28,75%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi



Cơ sở vật chất của PTSC

Đội tàu dịch vụ của PTSC



PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 19 tàu đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành hoàn toàn bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT	STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1	Tàu PTSC Sao Vàng	6.500 BHP	12	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 03 (Utility towing)	4.750 BHP
2	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 BHP	13	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 BHP
3	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 BHP	14	Tàu PTSC 05 (Tug)	3.200 BHP
4	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 BHP	15	Tàu PTSC 06 (Tug)	3.200 BHP
5	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 BHP	16	Tàu PTSC 07 (Tug)	1.600 BHP
6	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 BHP	17	Tàu PTSC 08 (Tug)	800 BHP
7	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 BHP	18	Tàu PTSC 09 (Tug)	5.000 BHP
8	Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 BHP	19	Tàu PTSC 10 (Tug)	2.700 BHP
9	Tàu PTSC Sài Gòn (AHTS DP2)	5.150 BHP	20	Tàu PTSC 11 (Tug)	1.600 BHP
10	Tàu PTSC Hải An (AHTS DP1)	5.150 BHP	21	Tàu PTSC 12 (Service boat)	1.430 BHP
11	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 02 (Utility towing)	3.500 BHP	» AHTS: Tàu dịch vụ đa năng » Utility towing, Tug: Tàu lai kéo, tàu kéo » DP1: có hệ thống định vị động học DP 1 » DP2: có hệ thống định vị động học DP 2		

Kho nổi chứa xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/ FPSO/ MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)



Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 06 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

STT	TÊN KHO NỔI	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1	FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2	FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3	FSO PTSC Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4	FPSO PTSC Lam Son	350.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5	FSO Golden Star	777.695 thùng	Cụm Mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt
6	FSO Rồng Đôi MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đôi

Cơ sở vật chất của PTSC (tiếp theo)



Căn cứ cảng PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam với tổng diện tích trên 360ha và trên 2.700m cầu cảng, phục vụ các khách hàng đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 750m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -6,5m đến -9m
2	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 11,02 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -9,2m

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
3	Cảng Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Diện tích: 7,5 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,5m
4	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 14,5 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 210m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy điện -11m. + Bến số 3: chiều dài 160m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2m. + Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí: chiều dài 70m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy điện -7,0m
5	Cảng PTSC Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 04 + Bến số 1: chiều dài 384,3 m; khả năng tiếp nhận tàu 80.000 DWT, độ sâu thủy điện -14,5 m. + Bến số 2: chiều dài 130m; khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -4,8 m. + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7 m. + Bến số 4: chiều dài 60m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -4,8 m.
6	Cảng Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Diện tích: 43,9ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -9,5m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -12m.
7	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Diện tích: 15,28 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -8,0m
8	Cảng Sao Mai - Bến Đình	Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 113 ha

Cơ sở vật chất của PTSC (tiếp theo)

Cơ sở vật chất phục vụ chế tạo, đóng mới công trình dầu khí



Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu các khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cẩu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- » Công trường thi công chính tại Vũng Tàu với diện tích gần 160 ha. Ngoài ra, PTSC còn có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Thanh Hóa với diện tích trên 40 ha.
- » Hệ thống cầu cảng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Riêng tại Vũng Tàu có cầu cảng dài gần 1.000 mét được thiết kế 03 đường trượt chuyên dụng cho công tác thi công, hạ thủy các cấu kiện dầu khí lớn (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) với tải trọng phân phối trên khu vực mở trên 50 tấn/m².
- » Hệ thống nhà xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc được đầu tư đồng bộ và hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (22.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...
- » Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cẩu từ 50 – 550, 1.200 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển



Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN KHO NỔ	SỨC CHỨA
1	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao mạn 7,3m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
2	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Hệ thống Xưởng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa được đầu tư phương tiện trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị có hàm lượng kỹ thuật cao như máy nén khí (Gas Compressor), máy phát điện, van, thiết bị trao đổi nhiệt, thiết bị bình bồn công nghệ của các công trình dầu khí và các công trình công nghiệp trên bờ.

Cơ sở vật chất của PTSC (tiếp theo)

Cơ sở vật chất phục vụ các công tác khảo sát

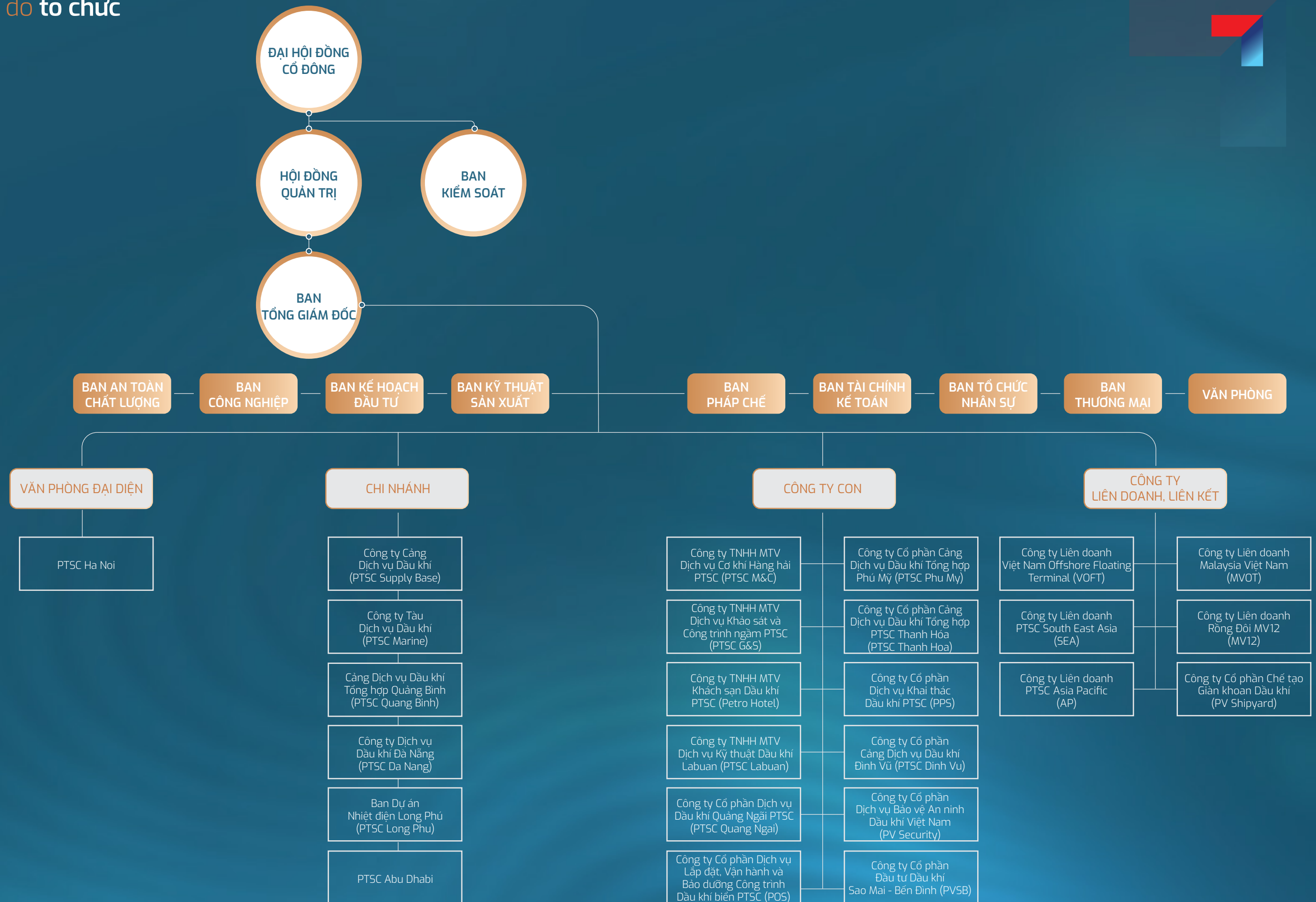


Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, địa vật lý, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Tàu khảo sát địa chất Bình Minh	Tàu có hệ thống định vị động học DP1, chiều dài 61,0 m, chiều rộng 14,95 m, mớn nước 4,8 m, tổng dung tích 1624 GT; Tổng công suất máy chính 2x22753 = 5506 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống khoan khảo sát địa chất công trình trên biển và hệ thống tời 4 điểm neo.
2	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Researcher	Chiều dài 50,3 m, chiều rộng 11,58 m, mớn nước 4,27 m, tổng dung tích 798 GT; Tổng công suất máy chính 2x1200 = 2400 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống thiết bị khảo sát địa vật lý bao gồm khảo sát Analogue và địa chấn phân giải cao.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
3	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m-3.000m.
4	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass (02 thiết bị)	ROV Quasar Compact 007 và ROV II-30 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m-3.000m. Trong đó, ROV II-30 vừa được đầu tư trong năm 2021, công suất 150HP thuộc loại mạnh và hiện đại nhất Việt Nam hiện nay.

Sơ đồ tổ chức



Hội đồng Quản trị



Ông **Phan Thanh Tùng**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật sản xuất và công nghiệp,
Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Anh Văn



Ông **Lê Mạnh Cường**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông **Đỗ Quốc Hoan**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển,
Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông **Nguyễn Xuân Ngọc**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1976 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí



Ông **Trần Ngọc Chương**

Thành viên Hội đồng Quản trị

(được bầu ngày 04/01/2022)

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị nhân sự



Ông **Hoàng Xuân Quốc**

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

(được bầu làm thành viên độc lập ngày 28/4/2022)

Sinh năm: 1957 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Cơ khí năng lượng,
Cử nhân kinh tế

Ban Tổng Giám đốc



Ông **Lê Mạnh Cường**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông **Nguyễn Hữu Hải**

Phó Tổng giám đốc

(Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2022)

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông **Trần Hồ Bắc**

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư Cơ khí



Ông **Trần Hoài Nam**

Phó Tổng giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 16/11/2021)

Sinh năm: 1978 tại Bình Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Kỹ sư Điện - Điện tử, Cử nhân Kinh tế



Ông **Nguyễn Trần Toàn**

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông **Tạ Đức Tiến**

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị kinh doanh



Ông **Nguyễn Xuân Cường**

Phó Tổng giám đốc

(Được bổ nhiệm lại ngày 18/02/2022)

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp



Ông **Phạm Văn Hùng**

Phó Tổng giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 04/10/2022)

Sinh năm: 1977 tại Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế

Kế toán Trưởng



Ông **Nguyễn Văn Bảo**
Kế toán trưởng

Sinh năm: 1977 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng

Ban Kiểm soát



Bà **Bùi Thu Hà**
Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị kinh doanh



Ông **Bùi Hữu Việt Cường**
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1981 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điều hành Quản trị Kinh doanh quốc tế,
Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Kế toán



Ông **Phạm Văn Tiến**
Kiểm soát viên

(Bắt đầu từ ngày 28/04/2021)

Sinh năm: 1983 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ, Cử nhân Kinh tế



Quá trình 30 năm Hình thành và Phát triển

1993

Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp Nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí và cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 - 2005

Tách một số bộ phận của PTSC để làm nòng cốt thành lập các đơn vị dịch vụ chuyên ngành mới của ngành dầu khí.

- » Đầu tư phát triển đội tàu dịch vụ chuyên dụng hiện đại và mở rộng xây dựng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu trở thành căn cứ dịch vụ đa năng, hiện đại.
- » Thực hiện thành công khối nhà ở LQ- CPC 99 cho Khách hàng Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ cơ khí dầu khí.
- » Triển khai hợp đồng O&M Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và Giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời và làm chủ loại hình dịch vụ O&M.
- » Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess với PVI và PVFC, đánh dấu sự ra đời một lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cao đầy tiềm năng, dịch vụ FPSO/ FPSO.

2006 - 2010

- » Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).
- » 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tạo ra bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của PTSC với sức mạnh mới.
- » 09/02/2007: Chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- » 20/9/2007: Cổ phiếu của PTSC chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PVS.
- » Thành lập mới PTSC G&S; hoàn thành đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D, ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm lên một tầm cao mới.
- » Tham gia đầu tư kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby II, nâng cao năng lực trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ FPSO/ FPSO.
- » Năm 2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ VNĐ.
- » Thực hiện thành công tổng thầu EPC Dự án Biển Đông với tổng khối lượng thi công chế tạo trên 30.000 tấn và giá trị trên 1 tỷ USD, là dự án thi công chế tạo các cấu kiện dầu khí lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay.

2011 - 2015

- » Thực hiện đầu tư sở hữu 51% 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO/FPSO, đưa PTSC trở thành đơn vị hàng đầu trong nước và khẳng định vị thế trong khu vực đối với lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.
- » Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ VNĐ.
- » Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khối thượng tầng giàn công nghệ HRD cho Khách hàng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ. - ONGC, Dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho Khách hàng Total E&P.
- » Các Liên doanh ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước.

Quá trình 30 năm Hình thành và Phát triển (tiếp theo)

2016 - 2019

- » Tăng vốn điều lệ lên 4.780 tỷ VNĐ.
- » Tính đến 31/12/2018, tổng giá trị PTSC đã thu về từ các Liên Doanh ở nước ngoài là 105 triệu USD.
- » Thắng thầu EPC và thực hiện thành công các dự án công trình công nghiệp dầu khí trên bờ: Nhà máy Phân bón NPK; Nhà máy sản xuất Amoniac NH₃ của Khách hàng Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Nhà máy Xử lý khí Cà Mau của Khách hàng Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS); Dự án kho chứa LNG Thị Vải và Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng PV GAS; Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam - Gói A1 (LSP - A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý - Hàn Quốc).
- » Thắng thầu và triển khai thực hiện các dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Nhà máy kho cảng Hải Phòng, Mở rộng nhà máy Gò Dầu cho Khách hàng Top Solvent (Thái Lan) và Mở rộng kho cảng Vopak (Hà Lan) giai đoạn III, Dự án "Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport); Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.
- » Thắng thầu và triển khai Dự án Gallaf (Al Shaheen) cho Khách hàng North Oil Company (NOC) tại Qatar với tổng giá trị hợp đồng tổng giá trị hơn 320 triệu USD; Hoàn thành đóng mới, hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác thành công và an toàn đội tàu 8 tàu cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).
- » Ngày 4/10/2019, Chân đế giàn Công nghệ Trung tâm Sao Vàng nặng 12.500 tấn thuộc Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, đã được lắp đặt và bàn giao thành công cho Chủ đầu tư IGP, khẳng định năng lực tổng thầu EPCIC của PTSC.
- » PTSC về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch tài chính và bước qua thời kỳ khó khăn nhất.

2020

- » Hoàn thành Dự án Thiết kế, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối và Chạy thử Giàn xử lý khí trung tâm CPP Sao Vàng và chính thức nhận dòng khí đầu tiên ngày 16/11/2020. Dự án vinh dự được gắn biển "Công trình chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng".
- » Ngày 16/11/2020, Kho nổi FSO Golden Star đã chính thức đón dòng condensate đầu tiên, đánh dấu mốc son thành công vô cùng quan trọng trong chuỗi Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, cùng với giàn xử lý trung tâm Sao Vàng CPP và hệ thống đường ống nội mỏ cũng do chính PTSC làm tổng thầu thực hiện.
- » Dự án Gallaf (Al Shaheen) tại Qatar - dự án do PTSC thắng thầu quốc tế EPCI với khối lượng lớn và tổng giá trị trên 320 triệu USD đã được thực hiện thành công công tác Thiết kế, Mua sắm, Chế tạo tại Việt Nam và Vận chuyển, Lắp đặt, Chạy thử 3 giàn khai thác Dự án Gallaf 1 với hơn 800 NLD PTSC làm việc tại Qatar trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- » Trong bối cảnh vô cùng khó khăn và nhiều thách thức, cùng với nỗ lực và nội lực, PTSC triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó vượt qua "khủng hoảng kép" do giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19 để đạt được nhiều kết quả ấn tượng, tăng trưởng ổn định: doanh thu hợp nhất hơn 21.313 tỷ VNĐ, lợi nhuận trước thuế 1.025 tỷ VNĐ, nộp ngân sách Nhà nước 909 tỷ VNĐ.

2021

- » PTSC bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (xây dựng công trình công nghiệp - năng lượng tái tạo, xây dựng công trình khác không phải nhà) để tiếp tục mở ra cơ hội phát triển khi tham gia trực tiếp từ đầu tư đến cung cấp các dịch vụ liên quan với sở trường là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu về công trình công nghiệp - biển tại Việt Nam.
- » Tháng 7/2021 PTSC tiếp tục được Chủ đầu tư NOC trao thầu thực hiện dự án Gallaf - Giai đoạn 3 tại Qatar với khối lượng trên 19.000 tấn sau khi vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà thầu quốc tế trên toàn thế giới.
- » Tháng 9/2021 Chủ đầu tư Northland Power Development Services Inc. và Yushan Energy Co., Ltd. lựa chọn ký Thỏa thuận ưu tiên thực hiện công tác thiết kế, mua sắm, chế tạo 02 trạm biến áp dự án điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 ngoài khơi Đài Loan, đánh dấu lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam thực hiện được loại hình công việc này cho dự án điện gió ngoài khơi tại nước ngoài.
- » PTSC hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, đảm bảo an toàn cho Người lao động trên tất cả các công trường, dự án trong và ngoài nước, đảm bảo thu nhập tốt cho Người lao động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp.

2022

- » Hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK; đang phối hợp với các đối tác nước ngoài triển khai mạnh mẽ các dự án NLTTNK phục vụ cả nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- » Tham dự thầu quốc tế vào đến vòng cuối cùng và có khả năng trúng thầu dự án chế tạo chân đế Điện gió ngoài khơi CHW2204 tại Đài Loan; được phê duyệt vào danh sách nhà cung cấp chân đế ĐGNK cho khách hàng Orsted - nhà đầu tư số một thế giới về Năng lượng tái tạo. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi to lớn của PTSC, chuyển dịch từ mô hình sản xuất đơn chiếc sang mô hình sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao, mở ra một hướng đi mới, ổn định, lâu dài, bền vững cho Tổng công ty trong nhiều năm tới, phù hợp xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.
- » Thành lập chi nhánh PTSC Abu Dhabi tại UAE, mở rộng phạm vi hoạt động; ngay khi thành lập đã triển khai huy động phương tiện, trang thiết bị, nhân sự đấu thầu và cung cấp dịch vụ cho các dự án dầu khí tại khu vực Trung Đông.
- » Năm 2022, PTSC đã chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Malaysia, Brunei, Indonesia, Cambodia... Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 đạt trên 40%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài của PTSC nhằm đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.

ACHIEVING SUCCESS

Những năm tháng đầy tự hào, những thành công rực rỡ được tạo nên từ những hoài bão những khát vọng cháy bỏng vươn tới tương lai tốt đẹp, từ bước chân tiên phong cho đến công cuộc khai phá những thị trường mới, dịch vụ mới, PTSC luôn vững vàng vươn cao khát vọng để hoàn thành các mục tiêu, khẳng định vị thế là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong thị trường dầu khí, công nghiệp khu vực. Với những thành tựu, đóng góp cho sự phát triển kinh tế đất nước nói chung và ngành dầu khí nói riêng, PTSC đã đạt được được những thành tựu, giải thưởng đáng tự hào trong suốt quá trình xây dựng và phát triển bền vững.

02

- 46 Thành tựu, giải thưởng tiêu biểu 1993-2023
- 48 Điểm sáng trong năm 2022
- 52 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 56 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 76 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 84 Báo cáo của Ban Kiểm soát

Thành tựu 30 năm



1993-2005

- » Huân Chương Lao động hạng Nhất
- » Huân chương Lao động hạng Nhì
- » Huân Chương Lao động hạng Ba
- » Cờ thi đua cho Đơn vị xuất sắc của Chính phủ
- » Cờ thi đua cho Đơn vị xuất sắc trong Ngành Dầu khí của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- » Giải vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng
- » Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam



2006-2009

Huân chương Lao động hạng Nhì · Cờ thi đua cho Đơn vị xuất sắc của Chính phủ · Cờ thi đua cho Đơn vị xuất sắc của Bộ Công thương · Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Top 10 Doanh nghiệp xuất sắc; Top 10 thương hiệu nổi tiếng Quốc gia; Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam; Giải vàng chất lượng Quốc tế; Top 15 Giải thưởng dịch vụ Thương mại Hàng đầu – Top Trade ; Doanh nghiệp Văn hóa UNESCO; Giải thưởng thương hiệu mạnh Việt Nam; Cúp vàng thương hiệu, nhãn hiệu; Danh hiệu hàng Việt nam chất lượng cao; Thương hiệu chứng khoán uy tín; Top 50 VNR500Top 5 Cổ phiếu hàng đầu Việt Nam; Cúp vàng ISO; Cúp vàng an toàn lao động; Cúp vàng vì sự phát triển của Cộng đồng; Cúp vàng Sao vàng Phương Nam; Biểu tượng Vàng " Vì sự nghiệp Văn hóa Doanh nhân"; Biểu tượng vàng " Vì sự nghiệp Văn hóa Doanh nhân Việt Nam"; Doanh nghiệp và thành viên thị trường tiêu biểu; Danh hiệu vì sự nghiệp giáo dục; Top 10 Doanh nghiệp xuất sắc nhất - Vietnam top trade award; Thương hiệu Quốc gia.



2010

- » Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới
- » Thương hiệu Quốc gia
- » Sao vàng Đất Việt – Top 100 thương hiệu Việt Nam
- » Top 10 Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia
- » Doanh nhân xuất sắc đất Việt



2011-2017

Cờ thi đua của Chính phủ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải bạc "Chất lượng Quốc gia"; Thương hiệu quốc gia; Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt – Top 100 Thương hiệu Việt Nam; Giải thưởng Thương hiệu Quốc gia; Thương hiệu Việt bền vững – Top 10; Thương hiệu Việt Nam – Top 100; Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam; Thương hiệu nổi tiếng Asean; Thương hiệu xuất sắc; Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt ứng dụng KH-CN lần 2; Doanh nghiệp tiêu về trách nhiệm xã hội; Đơn vị dịch vụ dầu khí có kết quả SXKD tốt trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức và vinh dự được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trao tặng Cờ thi đua "Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất"; Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam; Top 100 Sao Vàng Đất Việt;



2018-2021

- » Top 100 Sao Vàng Đất Việt
- » Thương hiệu Quốc gia
- » Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững
- » Profit 500
- » Forbes 50
- » Thương hiệu Quốc gia

ĐIỂM SÁNG TRONG NĂM 2022



Vinh quang Việt Nam 2022

Tổng công ty PTSC được vinh danh tại chương trình Vinh quang Việt Nam 2022 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức. PTSC vinh dự nằm trong 13 tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được vinh danh tại Chương trình Vinh quang Việt Nam năm 2022 với chủ đề "Bản lĩnh Việt Nam".



Thương hiệu Quốc gia 2022

Ngày 2/11/2022, Tổng công ty PTSC được vinh danh là Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2022 - Chương trình xúc tiến thương mại cấp Chính phủ nhằm phát triển các thương hiệu mạnh của doanh nghiệp trong nước. Đây cũng là lần thứ 8 liên tiếp PTSC được giải thưởng uy tín này gọi tên kể từ năm 2008.



Top 10 doanh nghiệp niêm yết
quản trị công ty tốt
2021 - 2022

Ngày 18/11/2022, Tổng công ty PTSC (mã chứng khoán PVS) được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt trong kỳ đánh giá năm 2021 - 2022 tại Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Đây là lần thứ ba Tổng công ty PTSC vinh dự nhận giải thưởng này.



Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á
2022

Ngày 7/10/2022, Tổng công ty PTSC vinh dự nhận giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á 2022 tại Lễ trao giải Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) 2022 - Chương trình Giải thưởng về kinh doanh uy tín được Tổ chức phi chính phủ hàng đầu Châu Á - Enterprise Asia tổ chức. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh những doanh nghiệp xuất sắc ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương có thành tích kinh doanh nổi bật, phát triển bền vững và có đóng góp cho cộng đồng trong năm 2022.



Doanh nghiệp có sự tiến bộ
vượt trội

Ngày 2/12/2022, 40 doanh nghiệp niêm yết xuất sắc nhất trong minh bạch thông tin đã được vinh danh tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2022. Ở hạng mục Báo cáo quản trị công ty, Tổng công ty PTSC đã được trao giải Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội. Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2022 (Vietnam Listed Company Awards - VLCA) là sự mở rộng từ Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên (Vietnam Annual Report Awards), do HOSE, HNX và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức với sự tài trợ thường niên và duy nhất của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital.

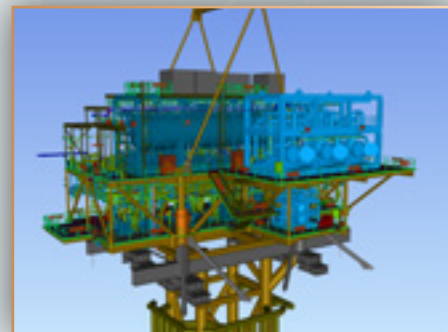
ĐIỂM SÁNG TRONG NĂM 2022



Trao thầu Hợp đồng chế tạo chân đế Điện gió ngoài khơi CHW2204 tại Đài Loan; được phê duyệt vào danh sách nhà cung cấp chân đế ĐGNK cho khách hàng Orsted - nhà đầu tư số một thế giới về Năng lượng tái tạo. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi to lớn của PTSC, chuyển dịch từ mô hình sản xuất đơn chiếc sang mô hình sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao, mở ra một hướng đi mới, ổn định, lâu dài, bền vững cho Tổng công ty trong nhiều năm tới, phù hợp xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.



Trúng thầu và ký hợp đồng EPC Dự án Kho cảng LPG Thị Vải với khách hàng PV Gas, khẳng định mạnh mẽ năng lực của PTSC trong lĩnh vực dịch vụ truyền thống về Thiết kế, Mua sắm, Thi công xây lắp và Chạy thử các công trình dầu khí, công nghiệp.



PTSC M&C, đơn vị thành viên của Tổng công ty, tham dự thầu quốc tế, trúng thầu và ký Hợp đồng EPCA Trạm biến áp ngoài khơi (OSS) dự án ĐGNK Hai Long tại Đài Loan; tối ưu hóa, sử dụng nguồn lực hiện hữu để triển khai ngay cho các dự án NLTT có tính tương đồng với dầu khí ngoài khơi.



Triển khai thành công công tác tái cấu trúc tại một loạt các Đơn vị và đang tiếp tục triển khai tại Cơ quan Tổng công ty và các Đơn vị còn lại, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK; đang phối hợp với các đối tác nước ngoài triển khai mạnh mẽ các dự án NLTTNK phục vụ cả nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



Thành lập chi nhánh PTSC Abu Dhabi tại UAE, mở rộng phạm vi hoạt động; ngay khi thành lập đã triển khai huy động phương tiện, trang thiết bị, nhân sự đấu thầu và cung cấp dịch vụ cho các dự án dầu khí tại khu vực Trung Đông.



Đầu tư thành công 2 tàu dịch vụ PTSC Sai Gon và PTSC Hai An sau một thời gian dài không thể đầu tư do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, góp phần bổ sung và nâng cao năng lực của PTSC trong lĩnh vực tàu dịch vụ dầu khí ngoài khơi truyền thống.



Khởi công dự án nối dài cầu cảng giai đoạn 3 – cảng hạ lưu Vũng Tàu sau nhiều năm chưa triển khai đầu tư được các dự án trong lĩnh vực hạ tầng cơ bản, khi hoàn thành sẽ góp phần tạo sự hoàn chỉnh, đồng bộ, tăng tính kết nối, tối ưu hóa và phát huy sức mạnh hệ thống cơ sở vật chất khu căn cứ cảng PTSC tại Vũng Tàu.



Các kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01, FSO Orkid, FSO Golden Star, FPSO Ruby II, FPSO PTSC Lam Son, LPG FSO Diêm Điền do PTSC quản lý, vận hành và bảo dưỡng hoạt động an toàn với thời gian khai thác liên tục đạt trên 99%, đóng góp to lớn vào kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Thông điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



30 năm, PTSC đã từng bước trưởng thành, lớn mạnh và hiện hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con với hơn 20 đơn vị thành viên, trực thuộc, gần 7 ngàn người lao động cùng hệ thống cơ sở vật chất đồ sộ. PTSC đã có những bước phát triển mang tính đột phá cả về qui mô, tầm vóc, năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm dịch vụ... Tên gọi "PTSC" giờ đây không chỉ là cái tên quen thuộc trên thị trường dầu khí trong nước mà đã vươn ra mạnh mẽ trên thị trường quốc tế, trở thành tên tuổi, thương hiệu uy tín trong khu vực.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Tính đến cuối năm 2022, PTSC đã trải qua hơn 15 năm đồng hành cùng quý vị trên thị trường chứng khoán kể từ thời điểm IPO vào tháng 9/2007. Trong suốt quãng thời gian đó, PVS luôn là mã cổ phiếu hấp dẫn các nhà đầu tư bởi tính chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, đảm bảo dòng cổ tức bền vững, chi trả đều đặn, đúng cam kết. PVS cũng là cổ phiếu có thanh khoản tốt, giúp nhà đầu tư giao dịch dễ dàng, khối lượng giao dịch PVS trong nhiều năm luôn ổn định, tăng trưởng tỉ lệ thuận với sự lớn mạnh của thị trường. PTSC đã giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh, vận dụng nhiều giải pháp dịch vụ để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo được dòng cổ tức bền vững và có được niềm tin của các nhà đầu tư cũng như các cổ đông. PTSC cũng được đánh giá là một trong những đơn vị niềm yết tốt nhất thị trường.

Năm 2022 cũng là một năm sản xuất kinh doanh hiệu quả của PTSC khi hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu với doanh thu hợp nhất là 17.081 tỷ đồng (170,8% kế hoạch), lợi nhuận hợp nhất trước thuế 1.174 tỷ đồng (192,4% kế hoạch). Sau ba năm xoay sở trong dịch Covid-19, sau những nỗ lực thay đổi, chuyển đổi, với nhiều khó khăn, thử thách, chật vật tìm kiếm công ăn việc làm, tìm kiếm dự án, mở rộng thị trường, việc PTSC vẫn đảm bảo doanh số, lợi nhuận vượt kế hoạch, đồng thời vẫn duy trì tỷ trọng doanh thu từ nước ngoài đạt mức trên 40% là kết quả của những nỗ lực vô cùng to lớn. Toàn thể Ban lãnh đạo và đội ngũ lao động PTSC đã cùng chung tay hành động theo thông điệp "Change for Chance" - khẩu hiệu xuyên suốt và chủ đạo của năm 2022 với tư duy đổi mới, chủ động, sáng tạo và đã làm nên thành quả ấn tượng.

Kết quả của năm 2022 cũng là dấu ấn đẹp để PTSC có động lực bước vào năm 2023 - cột mốc vô cùng quan trọng khi Tổng công ty kỷ niệm 30 năm thành lập và 30 năm thương hiệu PTSC có mặt trên thị trường. PTSC cũng xác định 2023 sẽ là năm tri ân và tôn vinh truyền thống, tôn vinh bản sắc văn hóa, thành tựu, tôn vinh những giá trị tốt đẹp của Tổng công ty đã hình thành trong suốt hành trình 30 năm. Đó cũng là nền tảng vững chắc để người lao động PTSC cùng vun đắp niềm tin, sự tự hào, nhiệt huyết, phong độ, bản lĩnh kế thừa được từ nhiều thế hệ.

Kính thưa quý vị,

30 năm trước, ngày 09/02/1993, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) được thành lập trên cơ sở sáp nhập Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS) và Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC). Kể từ đó, PTSC đã lần lượt trải qua quá trình từ một doanh nghiệp nhà nước có quy mô trung bình, cổ phần hóa và trở thành một công ty đại chúng - công ty niêm yết lớn mạnh. 30 năm, dù trải qua những khó khăn, thử thách, sóng gió, dù có những lúc thăng trầm, nhưng những thế hệ lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, người lao động của Tổng công ty đã luôn đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, mở thêm những lối đi, những cơ hội để cùng nhau "vượt sóng cả, vững tay chèo", đưa con tàu PTSC đến các mục tiêu mới. PTSC đã luôn luôn tiên phong, phát hiện, tìm tòi, tìm kiếm những giải pháp mới, thị trường mới, triển khai các loại hình dịch vụ mới, đảm bảo tăng trưởng và phát triển ổn định, bền vững.

30 năm, PTSC đã từng bước trưởng thành, lớn mạnh và hiện hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con với hơn 20 đơn vị thành viên, trực thuộc, gần 7 ngàn người lao động cùng hệ thống cơ sở vật chất đồ sộ. PTSC đã có những bước phát triển mang tính đột phá cả về qui mô, tầm vóc, năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm dịch vụ... Tên gọi "PTSC" giờ đây không chỉ là cái tên quen thuộc trên thị trường dầu khí trong nước mà đã vươn ra mạnh mẽ trên thị trường quốc tế, trở thành tên tuổi, thương hiệu uy tín trong khu vực. PTSC được các khách hàng trong và ngoài nước biết đến như một đối tác đầy tiềm năng và đáng tin cậy.

Năm 2023, PTSC tròn 30 tuổi. Với tuổi 30, PTSC tràn đầy tự tin và bản lĩnh để bước vào chiến dịch chuyển đổi năng lượng mới, lĩnh vực dịch vụ mới. Ban điều hành chúng tôi tin tưởng rằng, với truyền thống, năng lực, kinh nghiệm và khát vọng chinh phục những mục tiêu mới, bên cạnh các dịch vụ truyền thống, năng lực tái tạo ngoài khơi sẽ mở ra một thời kỳ phát triển mới cho PTSC.

Kính thưa Quý vị,

Trước thềm kỷ niệm 30 năm hành trình PTSC, thay mặt Ban điều hành, thông qua ấn phẩm này, tôi xin gửi những lời cảm ơn, lời tri ân tới những thế hệ lãnh đạo, cán bộ nhân viên, người lao động của Tổng công ty qua nhiều thời kỳ, những tổ chức tiền thân của Tổng công ty, những tập thể, cá nhân đã có những đóng góp, vun đắp và dựng xây nên Tổng công ty PTSC ngày hôm nay.

Tôi cũng xin trân trọng cảm ơn những "người đương thời", Hội đồng quản trị Tổng công ty, các Ban chức năng, Đơn vị thành viên, trực thuộc, các cán bộ quản lý và toàn thể

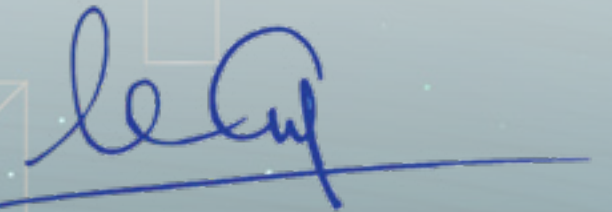
người lao động PTSC, những tập thể, cá nhân luôn giữ vững ngọn lửa và tinh thần lao động, tiếp tục chung vai sát cánh, đóng góp, cống hiến cho màu cờ sắc áo PTSC trên bước đường phát triển bền vững.

Chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quý cổ đông, những nhà đầu tư, Ủy ban chứng khoán và các cơ quan quản lý nhà nước, Sàn giao dịch HNX, các Quỹ đầu tư, tổ chức tài chính... Cảm ơn sự tin cậy, hợp tác của quý khách hàng, đối tác đã luôn sự đồng hành, quan tâm, ủng hộ.

PTSC một lần nữa cam kết tiếp tục giữ vững ngọn lửa truyền thống 30 năm cùng tinh thần của khẩu hiệu "trọng giải pháp, vẹn niềm tin" đối với tất cả quý vị.

Trân trọng!

Tổng Giám đốc



LÊ MẠNH CƯỜNG

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc



Thù lao và các lợi ích khác của Ban TGD

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (VNĐ)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.626.031.000	1.438.675.000	3.064.706.000
2	Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	30/09/2022	9	856.204.000	1.335.441.000	2.191.645.000
3	Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.361.975.000	1.314.594.000	2.676.569.000
4	Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.361.975.000	1.299.394.000	2.661.369.000
5	Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.257.206.000	1.377.344.000	2.634.550.000
6	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.257.206.000	1.204.285.000	2.461.491.000
7	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.257.206.000	68.126.000	1.325.332.000
8	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	04/10/2022	31/12/2022	3	250.069.000	14.000.000	264.069.000

Tổng quan **Hoạt động SXKD** năm 2022

BỐI CẢNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SXKD

Từ đầu năm 2022 tình hình chính trị, kinh tế vĩ mô trên thế giới có nhiều biến động phức tạp và diễn biến khó lường, xung đột thương mại giữa các nền kinh tế làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giá nguyên vật liệu, nhiên liệu đầu vào và chi phí vận tải tăng cao. Ở thị phần trong nước, ngành dầu khí Việt Nam đang đối diện nhiều thách thức bởi xu hướng chuyển dịch năng lượng sang năng lượng tái tạo; các mỏ dầu khí suy giảm sản lượng tự nhiên; các lô/ mỏ nhận lại từ nhà thầu nước ngoài chưa có cơ chế vận hành dẫn đến việc đầu tư các dự án mới cho thăm dò khai thác, gia tăng trữ lượng trong nước gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ.

Đối với thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí, khối lượng công việc và dự án liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của PTSC trong nước tiếp tục khan hiếm, thậm chí có lĩnh vực không có dự án mới, giá dịch vụ duy trì ở mức thấp và cạnh tranh vô cùng khốc liệt gây ảnh hưởng nhất định đến các hoạt động SXKD của PTSC. Bên cạnh đó, công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài hết sức khó khăn do áp lực cạnh tranh lớn cũng như sức ép giảm chi phí, yêu cầu các điều khoản đầy rủi ro về phía nhà thầu và sự bảo hộ đối với doanh nghiệp trong nước của các nước sở tại ngày càng gia tăng. PTSC buộc phải tìm định hướng mới, thị trường mới để đảm bảo duy trì sự phát triển.

ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Trong bối cảnh đó, với những nỗ lực vượt khó, chuyển đổi, tìm kiếm dự án, mở rộng thị trường, PTSC đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2022 được Đại hội đồng Cổ đông giao, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận hợp nhất có tăng trưởng so với thực hiện năm 2021. Các dịch vụ do PTSC thực hiện luôn đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, được khách hàng đánh giá cao. Công tác đầu tư trong năm 2022 đã được PTSC quan tâm sâu sát, đẩy mạnh và đạt nhiều bước đột phá lớn sau một thời gian dài không thể đầu tư, góp phần bổ sung, nâng cao năng lực cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động SXKD trong giai đoạn tới.



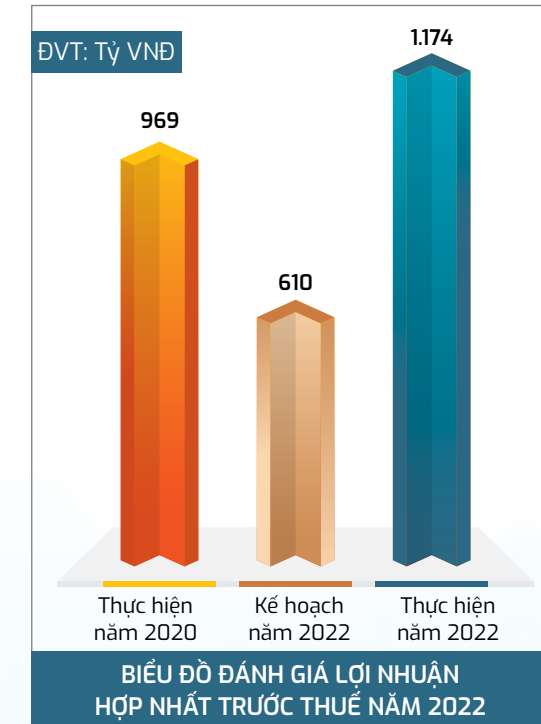
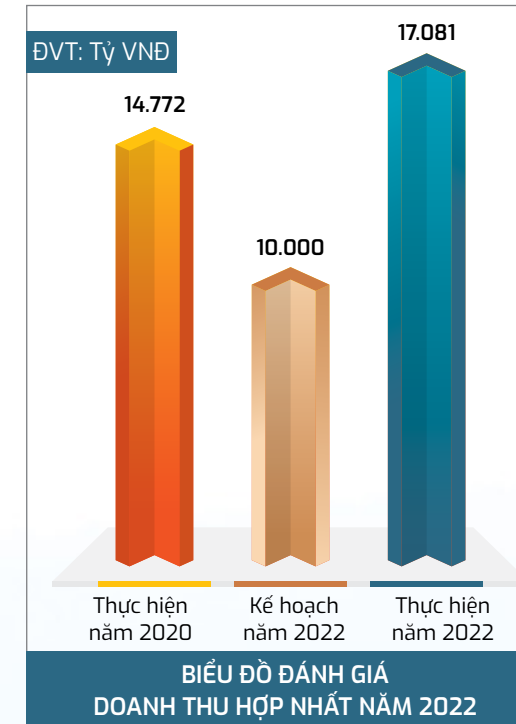
Đánh giá **Chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận**

Đánh giá doanh thu

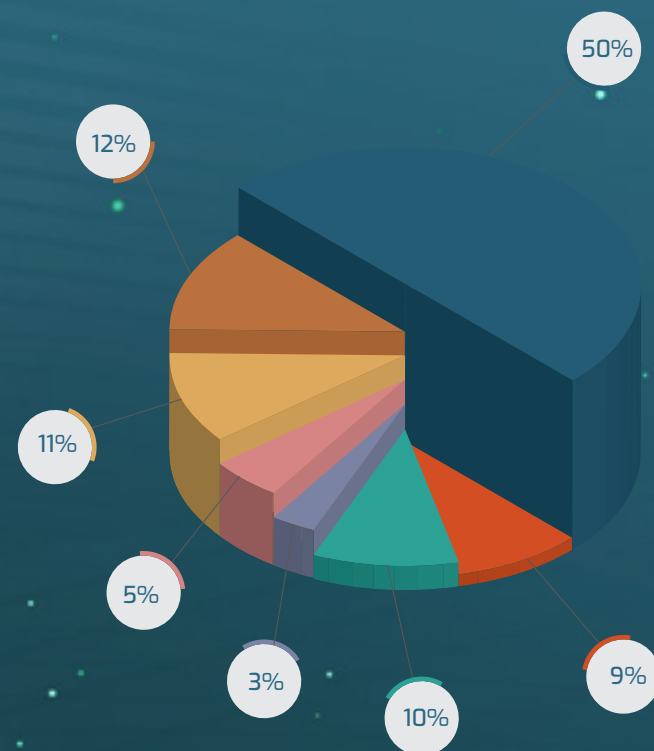
Trong năm 2022, PTSC đã chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Malaysia, Brunei, Indonesia, Cambodia... góp phần bù đắp khối lượng công việc truyền thống liên tục bị giảm sút trong thời gian qua. Kết quả doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2022 là 17.081 tỷ đồng, đạt 170,8% kế hoạch năm 2022, tăng 15,6% so với thực hiện năm 2021; Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 đạt trên 40%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài của PTSC nhằm đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.

Đánh giá lợi nhuận

Kết quả lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2022 là 1.174 tỷ đồng, đạt 192,4% kế hoạch năm 2022, tăng 21,1% so với thực hiện năm 2021. Về tổng thể, lợi nhuận gộp từ các lĩnh vực dịch vụ của PTSC vẫn duy trì ổn định như năm 2021. Khoản tăng lợi nhuận chủ yếu từ các liên doanh FSO/ FPSO do năm 2021 phát sinh một số bút toán đánh giá giảm giá trị tài sản theo quy định dẫn đến làm giảm hiệu quả lợi nhuận của năm 2021 hợp nhất về Tổng công ty cũng như làm giảm chi phí khấu hao cho năm 2022. Trong bối cảnh PTSC đã phải đẩy mạnh phát triển mở rộng sang các lĩnh vực mới, thị trường mới thì việc duy trì ổn định tỷ suất lợi nhuận các hoạt động kinh doanh dịch vụ cho thấy thành quả của PTSC trong công tác tái cấu trúc, rà soát tiết giảm chi phí cũng như tối ưu hóa hiệu quả SXKD.



Đánh giá Hoạt động dịch vụ



● Dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí: 1.945,92 tỷ VNĐ

● Dịch vụ tàu chứa FSO/FPST: 2.265,55 tỷ VNĐ

○ Dịch vụ cơ khí dầu khí: 9.160,19 tỷ VNĐ

● Dịch vụ căn cứ cảng DK: 1.616,35 tỷ VNĐ

○ Dịch vụ vận hành, lắp đặt, O&M: 1.898,30 tỷ VNĐ

○ Dịch vụ khảo sát địa chấn, ĐCCT, ROV: 510,49 tỷ VNĐ

● Dịch vụ khác: 835,22 tỷ VNĐ

Biểu đồ tỷ trọng đóng góp doanh thu năm 2022 theo từng lĩnh vực dịch vụ



Dịch vụ Cung ứng Tàu chuyên dụng

doanh thu thực hiện
trong năm 2022

1.946
tỷ đồng

đạt
181%
kế hoạch năm

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2022 là 1.946 tỷ đồng, đạt 181% Kế hoạch năm 2022, tăng 8,0% so với thực hiện năm 2021.

Năm 2022, PTSC tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt của các chủ tàu tư nhân trong và ngoài nước dẫn đến thị phần của PTSC bị thu hẹp, đặc biệt tại thị trường trong nước khối lượng công việc và đơn giá dịch vụ bị suy giảm. Tuy nhiên, PTSC đã thực hiện quyết liệt các biện pháp quản lý, triển khai tái cấu trúc mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả mô hình hoạt động; thay đổi, chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các dịch vụ mới. Theo đó, PTSC đã tiếp cận và làm việc với một số khách hàng hoạt động trong lĩnh vực điện gió để cung cấp tàu vận chuyển nhân sự phục vụ cho các dự án điện gió gần bờ tại các tỉnh phía nam của Việt Nam như cung cấp tàu PTSC Bến Tre, PTSC Hiệp Thành, PTSC Trà Vinh,... Đồng thời PTSC cũng đã tổ chức thành công đưa nhiều tàu đi làm việc thị trường nước ngoài như Cambodia, Malaysia, Ấn Độ, Brunei, Indonesia... góp phần bù đắp sự sụt giảm doanh thu từ thị trường trong nước.

PTSC đã thực hiện hiệu quả việc cung cấp tàu dịch vụ trực sự cố tràn dầu, trực an ninh, an toàn, PCCC, lai dắt cho NMLD Dung Quất, Nhà máy LHD Nghi Sơn đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt, ngày 06/11/2022, PTSC đã tổ chức Lễ chào mừng 2 triệu giờ làm việc an toàn của Dự án Cung cấp tàu và Dịch vụ hàng hải phục vụ Nhà máy LHD Nghi Sơn, đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng góp phần duy trì hoạt động an toàn của Nhà máy LHD Nghi Sơn và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.



Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO



Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp

doanh thu thực hiện
trong năm 2022

2.266
tỷ đồng

đạt
151%
kế hoạch năm

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2022 là 2.266 tỷ đồng, đạt 151% Kế hoạch năm 2022, giảm 4,4% so với thực hiện năm 2021.

PTSC và các đối tác đồng sở hữu đã thực hiện tốt dịch vụ cung cấp cho thuê FSO/FPSO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng (FPSO PTSC Lam Sơn cho Lô 01/97&02/97, FPSO Ruby II cho Lô 01/17&02/17, FSO PTSC Biển Đông 1 cho Mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, FSO Orkid cho Vùng chèo lán PM3-CAA Malaysia, FSO Rong Doi MV12 cho Mỏ Rồng Đồi - Rồng Đồi Tây, FSO Golden Star mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt). Trong đó, PTSC đảm nhận toàn bộ phần việc O&M cho một số dự án. Tỷ lệ khai thác liên tục đạt gần 100% và cao hơn quy định của hợp đồng. Duy trì cung cấp, quản lý, khai thác, vận hành an toàn kho nổi LPG lạnh Viet Dragon 68 đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng.

Tiếp tục cung cấp các thuyền viên cho MODEC (FSO MV12), MVOT (FSO Orkid) và Cửu Long JOC (FPSO Thái Bình - VN), đảm bảo an toàn và hiệu quả.

doanh thu thực hiện
trong năm 2022

9.160
tỷ đồng

đạt
129%
kế hoạch năm

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2022 là 9.160 tỷ đồng, đạt 129% Kế hoạch năm 2022, tăng 17,8% so với thực hiện năm 2021. Trong đó, doanh thu các dự án Cơ khí Dầu khí là 6.365 tỷ đồng, doanh thu các dự án Công trình Công nghiệp là 2.795 tỷ đồng.

Lĩnh vực cơ khí dầu khí: PTSC đã hoàn thành, thực hiện đấu nối thành công đầu giếng và first gas Đại Nguyệt WHP vào ngày 8/8/2022. Tổ chức thực hiện tốt các dự án Shwe Phase 3, Gallaf Batch 3 EPCI5 (khởi công chế tạo Jacket ngày 17/5/2022), Gallaf Batch 3 EPCI6 (khởi công chế tạo Bridge ngày 04/5/2022, chế tạo Piles ngày 21/7/2022), Hải Long OSS (khởi công chế tạo Topsides ngày 02/11/2022) và DBN PWM (khởi công chế tạo Jacket A ngày 06/7/2022, Module A,B ngày 22/8/2022); đồng thời tiếp tục xử lý các phần việc còn lại ngoài biển của dự án Sao Vàng Đại Nguyệt. Đặc biệt, ngày 21/9/2022 PTSC và chủ đầu tư NOC đã tổ chức lễ chúc mừng các dự án Gallaf giai đoạn 3 gói thầu EPCI 5, gói thầu EPCI 6 và dự án PWM đạt mốc 3 triệu giờ làm việc an toàn. Thành tích trên thể hiện tinh thần và ý chí quyết tâm cao, thi đua hoàn thành dự án đảm bảo an toàn tuyệt đối, chất lượng, tiến độ và hiệu quả của tập thể người lao động PTSC.

Lĩnh vực xây lắp Công trình Công nghiệp: PTSC đã hoàn thành gói EPC Tank của Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam, tiếp tục thực hiện an toàn, hiệu quả, đảm bảo chất lượng các Dự án LNG Thị Vải, Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam: Gói A1, Dự án đường ống dẫn xăng dầu từ Nhà máy LHD Nghi Sơn tới kho xăng dầu Anh Phát, Dự án mở rộng kho xăng dầu Vũng Rô. Bên cạnh đó, PTSC cũng đã đẩy mạnh đấu thầu và triển khai tốt các gói thầu cơ khí xuất khẩu, các gói thầu thi công chế tạo khác trong nước theo nhu cầu thị trường phát sinh tại địa phương cũng như khu vực, khẳng định được năng lực và uy tín của PTSC trong chế tạo các sản phẩm mới có yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt.



Dịch vụ Cầm cứ Cảng Dầu khí



Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí

doanh thu thực hiện
trong năm 2022

1.616
tỷ đồng

đạt

108%
kế hoạch năm

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2022 là 1.616 tỷ đồng, đạt 108% Kế hoạch năm 2022, giảm 6,9% so với thực hiện năm 2021.

Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu trong năm 2022 bị sụt giảm, số nhà thầu thực hiện kế hoạch khoan giảm 21% so với năm 2021. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh PTSC đã đẩy mạnh phát triển cung cấp các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài địa bàn để gia tăng doanh thu, lợi nhuận bù đắp những phần sụt giảm.

Các hoạt động SXKD tại các cảng tổng hợp của Tổng công ty PTSC gồm Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Cảng Hòn La, Bến số 1 Cảng Dung Quất, Cảng Nghi Sơn tiếp tục được duy trì ổn định. Công suất khai thác của Cảng Sơn Trà vẫn duy trì ở mức thấp do tuyến luồng vào Cảng chưa được Nhà nước đầu tư.

doanh thu thực hiện
trong năm 2022

1.898
tỷ đồng

đạt

125%
kế hoạch năm

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2022 là 1.898 tỷ đồng, đạt 125% Kế hoạch năm 2022, giảm 15,3% so với thực hiện năm 2021. Kết quả doanh thu lĩnh vực dịch vụ này giảm so với năm 2021 là do khối lượng công việc trong năm 2022 sụt giảm, ít dự án lớn trong lĩnh vực xây lắp hàng hải tại Việt Nam được triển khai.

Trong năm 2022, PTSC đã hoàn thành dự án tháo dỡ đường ống tại Thái Lan cho khách hàng Chevron, chế tạo và lắp đặt spools và flowline tại giàn dầu giếng H1 cho khách hàng HLJOC. Tiếp tục thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp dịch vụ Engineering preparation cho dự án Gallaf 3; thiết kế, mua sắm, chế tạo đầu vào/ đầu ra hệ thống ống thu hồi nhiệt cho khách hàng IST...

Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục cung cấp an toàn, hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn/ngắn hạn cho các công trình dầu khí/các khách hàng.



**Dịch vụ Khảo sát
Địa chấn Địa chất
Công trình và
Khảo sát Sửa chữa
Công trình Ngầm
bằng ROV**



**Đầu tư và
kinh doanh lĩnh vực
năng lượng tái tạo
ngoài khơi**

doanh thu thực hiện
trong năm 2022

510

tỷ đồng

đạt

111%

kế hoạch năm

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2022 là 510 tỷ đồng, đạt 111% Kế hoạch năm 2022, tăng 68,8% so với thực hiện năm 2021. Kết quả doanh thu lĩnh vực dịch vụ này tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2021 là do nhiều dự án/công việc khách hàng giãn/dừng năm 2021 được đẩy mạnh triển khai trong năm 2022.

Năm 2022, PTSC đã tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả tàu PTSC Researcher, tàu Bình Minh và các Thiết bị ROV phục vụ các hoạt động khảo sát địa chất và khảo sát sửa chữa công trình ngầm cho các khách hàng.

Ngày 01/4/2022, PTSC CGGV đã bàn giao thành công 02 tàu Bình Minh 02 và CGG Amadeus cho người trúng đấu giá, đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình giải thể PTSC CGGV. PTSC đang tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan để giải thể Liên doanh PTSC CGGV.

Nhằm cụ thể hóa chủ trương phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi, PTSC đã tích cực đến thăm, làm việc với nhiều đối tác, khách hàng tiềm năng (RENOVA, SARENS, Equinor, HDF Energy...) và triển khai ký kết các Bản ghi nhớ, Thỏa thuận Hợp tác trong việc đầu tư phát triển cũng như tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, thủy triều...) khu vực ngoài khơi và tham gia thi công, thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo phù hợp với năng lực, kinh nghiệm hiện có.

Đánh giá Công tác đầu tư

Công tác đầu tư của Công ty mẹ - PTSC

Trong năm 2022, Công ty mẹ PTSC tiếp tục triển khai tốt công tác đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư năm 2022 được phê duyệt. Một số dự án đầu tư quan trọng đã được Công ty mẹ triển khai như sau:

- » Hoàn thành đầu tư cầu bánh, lớp 180 tấn ngày 10/5/2022, tàu 5.000 BHP DP2 (PTSC Sài Gòn) ngày 15/8/2022 và tàu 5.000 BHP DP1 (PTSC Hải An) ngày 06/9/2022;
- » Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư và khởi công Dự án đầu tư hoàn thiện cầu cảng giai đoạn III – Cảng hạ lưu Vũng Tàu ngày 18/12/2022;
- » Thúc đẩy triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các Dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng Bến số 3 - Cảng Dung Quất, Dự án đầu tư nhà văn phòng của PTSC tại 266 Lê Lợi Vũng Tàu, Dự án "Nhà văn phòng Dự án tại bãi gia công chế tạo 13,8ha của PTSC M&C" cùng một số dự

án đầu tư các công trình khác tại các căn cứ Cảng của Tổng công ty;

- » Phối hợp chặt chẽ với Tập đoàn để hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng Dự án đầu tư khai thác cảng và dịch vụ dầu khí tổng hợp tại Khu kinh tế Nghi Sơn;
- » Triển khai nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin và đầu tư bổ sung nhiều phương tiện, thiết bị khác đáp ứng kịp thời các yêu cầu SXKD.

Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư năm 2022 của Công ty mẹ - PTSC là 262 tỷ đồng, đạt 53,6% kế hoạch năm. Mặc dù chưa thể đạt kế hoạch năm, tuy nhiên kết quả thực hiện đầu tư năm 2022 của PTSC đã có nhiều bước đột phá lớn với nhiều dự án được đẩy nhanh tiến độ và giải ngân trong năm, tăng cao so với kết quả thực hiện những năm gần đây.

Công tác đầu tư của các Công ty con - PTSC

Năm 2022, các Công ty con - PTSC đã triển khai thực hiện tốt các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị đầu tư thực hiện tại các Công ty con - PTSC trong năm 2022 đạt hơn 315 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,77	1,78
	+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,53	1,67
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,49	0,50
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,97	0,99
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	6,36	9,92
	+ Vòng quay Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	Lần	0,64	0,56
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	4,59%	6,62%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu.	%	5,95%	7,29%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.	%	3,02%	3,66%
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,61%	6,95%
5	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	934	616

Kế hoạch SXKD năm 2023

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

CHỈ TIÊU	01	Doanh thu hợp nhất	13.200 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	02	Lợi nhuận trước thuế	780 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	03	Lợi nhuận sau thuế	560 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	04	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	580 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ - PTSC

CHỈ TIÊU	01	Vốn điều lệ	4.780 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	02	Doanh thu	5.300 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	03	Lợi nhuận trước thuế	610 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	04	Lợi nhuận sau thuế	430 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	05	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	310 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023
CHỈ TIÊU	06	Thực hiện đầu tư	1.836 tỷ VNĐ	Kế hoạch 2023

Giá định giá dầu thô xuất khẩu năm 2023 là trên 70 USD/thùng.

Các mục tiêu cụ thể năm 2023

1. Tối đa các nguồn lực mạnh nhất của PTSC nhằm phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới để phát huy thế mạnh chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC, nằm trong chuỗi liên kết của Tập đoàn. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi đảm bảo lợi thế cạnh tranh của PTSC cho các khách hàng ngoài ngành, ngoài nước. Tích cực tham gia đấu thầu, xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh, liên kết phù hợp với thế mạnh của PTSC;
2. Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt, đầu tư có trọng điểm tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi. Rà soát và đánh giá kỹ nhu cầu của thị trường và khách hàng, bám sát thực tế bảo đảm hiệu quả và khả năng thực hiện để nâng cao năng lực cạnh tranh. Tập trung thực hiện quyết toán các dự án theo đúng thời hạn quy định;
3. Tập trung, đẩy mạnh công tác tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC, hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, tập trung vào hiệu quả, đúng người đúng việc đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước;
4. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC;
5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của PTSC đầu tư tại doanh nghiệp khác. Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ, triệt để tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí, giảm giá thành dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh. Giám sát tài chính với các đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ, có giải pháp hỗ trợ để từng bước khắc phục khó khăn ổn định tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
6. Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng công ty. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất. Nâng cấp, mở rộng khai thác hiệu quả phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh;
7. Tổ chức triển khai thường xuyên công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, đảm bảo môi trường lao động, tuyên truyền giáo dục công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
8. Duy trì thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 và các biến thể khác đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành;
9. Thực hiện chuyển đổi số và đầu tư hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN;
10. Chuẩn bị tốt các điều kiện, sẵn sàng triển khai cung cấp dịch vụ tháo dỡ giàn khai thác/đường ống;
11. Đẩy mạnh nghiên cứu, tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo. Hợp tác với các nhà đầu tư tiềm năng xây dựng chuỗi cung ứng (supply chain) cho các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực;
12. Tiếp tục triển khai kế hoạch An sinh xã hội, thực hiện tiết kiệm tiết giảm chi phí hàng năm. Duy trì và bảo đảm sự phát triển bền vững của đơn vị, hoạt động sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ chủ quyền an ninh Quốc gia, bảo vệ môi trường;
13. Tiếp tục xử lý các khoản nợ tồn đọng, quá hạn; Cân đối dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



2023



Thù lao và các lợi ích khác của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (VNĐ)	Phụ cấp (VNĐ)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01/01/2022	31/12/2022	12	1.636.988.000	-	1.514.155.000	3.151.143.000
2	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	12	1.626.031.000	-	1.438.675.000	3.064.706.000
3	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị	01/01/2022	31/12/2022	12	1.361.975.000	-	1.259.018.000	2.620.993.000
4	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	01/01/2022	31/12/2022	12	1.257.206.000	-	1.172.285.000	2.429.491.000
5	Trần Ngọc Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	04/01/2022	31/12/2022	12	1.256.997.000	-	67.416.000	1.324.413.000
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT (độc lập)	28/04/2022	31/12/2022	8	-	80.000.000	-	80.000.000

Báo cáo của **Hội đồng quản trị** (tiếp theo)



Đánh giá hoạt động của HĐQT

Tình hình thế giới năm 2022 tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp; các yếu tố rủi ro gia tăng cả về mức độ, phạm vi, tính chất trên quy mô toàn cầu; cạnh tranh chiến lược nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột tại Ukraine với Nga xảy ra và kéo dài; lạm phát, lãi suất, tỷ giá USD tăng dẫn đến nhiều đồng tiền chủ chốt khác mất giá, nguy cơ suy thoái kinh tế và rủi ro tài chính, tiền tệ gia tăng; giá dầu thế giới biến động phức tạp khi xung đột Nga - Ukraine diễn ra, kèm theo là lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây nhằm vào Nga đã khiến giá tất cả các loại năng lượng leo thang, kéo theo lạm phát tăng lên mức cao; khi nguồn cung dầu được cải thiện, triển vọng kinh tế thế giới bắt đầu ảm đạm do các ngân hàng trung ương các nước lớn như Mỹ, EU,...tăng lãi suất, khiến nhu cầu dầu giảm và kéo giá dầu thế giới đi xuống; tình hình nền kinh tế trong nước còn những hạn chế, bất cập và tiếp tục gặp nhiều thách thức với sức ép lạm phát lớn, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào biến động mạnh; những yếu tố nêu trên đã gây tác động, ảnh hưởng các dự án, công việc buộc phải giãn tiến độ, dừng hoặc thi công cầm chừng, ảnh hưởng đến các hoạt động SXKD của Tổng công ty và các Đơn vị. Nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, HĐQT đã cùng Ban điều hành lãnh đạo

Tổng công ty PTSC chỉ đạo quyết liệt, tổ chức, xây dựng Chương trình hành động, triển khai và thực hiện các hoạt động SXKD, nhiệm vụ trọng tâm công tác, công việc, giải pháp, nhóm giải pháp linh hoạt ứng phó với những biến đổi liên tục, tuân thủ Quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ theo một cách thức phù hợp nhất, vượt qua các khó khăn, thách thức và góp phần đạt được kết quả Kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2022, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá việc tổ chức, triển khai và thực hiện các hoạt động của HĐQT trong năm 2022 là đúng thẩm quyền, Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật, đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt và đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Tổng công ty.

HĐQT đã tổ chức thành công Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2022, tổ chức các cuộc họp thường kỳ, bất thường, các phiên thảo luận của HĐQT, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên

HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định, tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản trị hiện hành. HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên độc lập và thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của Cổ đông thiểu số.

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 188/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, như sau:

- » Hoàn thành Kế hoạch tài chính năm 2022 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ giao;
- » Ban Điều hành đã ký kết Hợp đồng và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 với Công ty TNHH PwC (Việt Nam), tuân thủ Quy định hiện hành;
- » Thực hiện chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, tuân thủ quy định;
- » Công bố thông tin về kết quả bầu Thành viên độc lập HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 188/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022 trên Website PTSC, các kỳ Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên, năm 2022 và Báo cáo thường niên của PTSC.

Hoạt động của HĐQT

Nguyên tắc hoạt động của HĐQT:

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, thể hiện qua các nghị quyết, quyết định, văn bản của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình theo Phân công nhiệm vụ trong HĐQT và cùng chịu trách

Trên cơ sở phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh tại Nghị quyết số 359/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2021 của ĐHĐCĐ, Tổng công ty đã hoàn thành việc đăng ký ngành nghề kinh doanh liên quan đến NLTTNK theo Quy định hiện hành. Nhận thức được tiềm năng và cơ hội lớn từ lĩnh vực NLTTNK, trong thời gian qua, Tổng công ty đã (i) tìm kiếm, xúc tiến làm việc với các đối tác gồm các Nhà đầu tư, Nhà thầu, Ngân hàng lớn trên thế giới về năng lượng tái tạo. Tổng công ty đã tiến hành ký các thỏa thuận hợp tác quan trọng để nghiên cứu, triển khai các công việc liên quan tạo tiền đề thúc đẩy, hiện thực hóa các cơ hội cung cấp dịch vụ và đầu tư trong thời gian tới; (ii) Thực hiện đầu tư, chuyển đổi hạ tầng, thiết bị, hệ thống, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất, cung cấp dịch vụ, thi công công trình cho các Chủ đầu tư dự án NLTTNK. Thực tế trong năm 2022 và hiện nay, Tổng công ty đã tham gia đấu và trúng thầu, đang thực hiện hiện một số gói thầu quy mô lớn cho khách hàng, trong đó, nổi bật là việc thắng thầu Hợp đồng chế tạo 33 chân đế tua-bin gió cho dự án ĐGNK tại Đài Loan của Khách hàng Châu Âu là nhà phát triển ĐGNK số một thế giới hiện nay.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Các cuộc họp của HĐQT, nội dung, kết quả các cuộc họp

HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp thường kỳ, họp khác và 56 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản để

thống nhất, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Cuộc họp/ lấy ý kiến	Tỷ lệ tham dự	Lý do
1	Ông Phan Thanh Tùng	65/65	100%	
2	Ông Lê Mạnh Cường	65/65	100%	
3	Ông Đỗ Quốc Hoan	65/65	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân Ngọc	65/65	100%	
5	Ông Trần Ngọc Chương	65/65	100%	
6	Ông Hoàng Xuân Quốc	35/65	53,8%	Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 28/4/2022

Các quyết định của HĐQT phù hợp quy định và thực tế tình hình SXKD, Chiến lược phát triển của Tổng công ty, định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ

chức, đoàn thể hoạt động. Tổng cộng 217 văn bản trong đó có 83 Nghị quyết, Quyết định và 134 văn bản khác để quản lý các hoạt động, công việc của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

Công tác đào tạo

Các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia các chương trình đào tạo về quản trị do UBCKNN, Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN và các cơ quan liên quan tổ chức, đầy đủ và đúng thành phần quy định. Trong năm 2022, Thành viên HĐQT là Người đại diện vốn của Công ty mẹ - Tập

đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng công ty đã tham gia Khóa đào tạo "Chứng nhận thành viên HĐQT - DCP" và các buổi Tọa đàm chuyên đề về "Kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ" (định kỳ hàng Quý) do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức.

Đánh giá hoạt động của các Thành viên HĐQT

Năm 2022, HĐQT duy trì hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp về các vấn đề thuộc thẩm quyền và phân công của HĐQT với trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng vì lợi ích của các Cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung trong các hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ với kết quả cụ thể như sau:

» Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quy định hiện hành trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình, Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm; chỉ đạo tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2022; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp, thảo luận, làm

việc trực tiếp, trực tuyến theo các chuyên đề, dự án, công việc quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo thực hiện đánh giá rủi ro tiềm ẩn, giải pháp ứng phó lạm phát, tăng cường công tác dự báo diễn biến tình hình địa chính trị, xung đột giữa Nga - Ukraine để chủ động đánh giá mức độ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD, đầu tư của Tổng công ty, Đơn vị, kịp thời xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhóm giải pháp phù hợp với hoạt động của Tổng công ty, Đơn vị; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên HĐQT.

» Thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh

vực sản xuất kinh doanh, giám sát các Đơn vị đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành Tổng công ty; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2022.

» Các Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác cải tiến hệ thống quản lý, công tác giao dịch, quan hệ với

Đánh giá hoạt động của Ban TGD

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực, công hiến và biểu dương Ban Điều hành cùng với sự đoàn kết, quyết tâm, năng động và sáng tạo, năng lực và tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ dám làm của TGD, Ban TGD, đội ngũ quản lý, điều hành trong việc nhận diện, phòng tránh rủi ro, có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp và xử lý tốt với các khó khăn, biến động của ngành Dầu khí, thế giới, xung đột giữa Nga - Ukraine, tài chính & tiền tệ, để điều hành Tổng công ty theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT, thực hiện thành công, cao nhất các Kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao, đạt được kết quả khả quan, như nêu sau đây.

» Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 của Tổng công ty đạt trên 40%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài. Đặc biệt sự nỗ lực phát triển dịch vụ mới, đã ký được hợp đồng, công việc thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi, mở ra cơ hội chuyển đổi thành công của Tổng công ty, duy trì ổn định và hướng tới sự phát triển bền vững.

» Chỉ đạo, điều hành đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tế tiến diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.

» Thực hiện đánh giá rủi ro tiềm ẩn, giải pháp ứng phó lạm phát, tăng cường công tác dự báo diễn biến tình hình địa chính trị, xung đột

các Cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan theo quy định.

» Thành viên độc lập HĐQT cùng với các Thành viên trong HĐQT đã tích cực thảo luận, đưa ý kiến trong quá trình xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác quản trị rủi ro, phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan, giao dịch liên kết theo quy định.

giữa Nga - Ukraine để chủ động đánh giá mức độ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD, đầu tư của Tổng công ty, Đơn vị, kịp thời xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhóm giải pháp phù hợp với hoạt động của Tổng công ty, Đơn vị nhằm quản trị tối ưu chi phí, đảm bảo dòng tiền linh hoạt, hiệu quả và thông suốt, đáp ứng hoạt động SXKD và đầu tư.

» Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.

» Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.

» Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh; thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng công ty đã đề ra, khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty mẹ đối với toàn tổ hợp.

» Chủ động thực hiện công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, đã phát triển, thực hiện các Dự án EPC, công nghiệp, ngoài ngành, tăng cường tham gia công tác vận hành khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa FSO, FPSO, nhà máy, liên kết chuỗi các cảng dịch vụ...v.v. Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro trong công việc, dự án và doanh nghiệp.

» Thực hiện công tác an sinh xã hội trong năm 2022 là 20,2 tỷ VNĐ.

Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Năm 2023 dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ và khó lường, nhất là diễn biến và tác động của xung đột quân sự Nga - Ukraine; nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính, tiền tệ thắt chặt, lãi suất ở mức cao, nợ công, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin giả tăng. Ở trong nước, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn do chịu tác động kép bất lợi cả từ bên ngoài và bên trong, sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất giả tăng; chi phí sản xuất kinh doanh, giá nhiều yếu tố đầu vào xu hướng tiếp tục tăng, nhiều khó khăn; thị trường lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí, truyền thống của Tổng công ty trong Tập đoàn và các Đơn vị trong Tập đoàn tiếp tục suy giảm, thu hẹp sẽ tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các Đơn vị.

HĐQT xác định Tổng công ty sẽ đối diện và giải quyết các vấn đề về cạnh tranh khốc liệt đối với dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dự án, công việc trong và ngoài nước; biến đổi khí hậu và thực trạng

sử dụng năng lượng trên thế giới đã tạo ra sự chuyển dịch trên toàn cầu; tại Hội nghị COP26, Việt Nam cũng đã đặt ra các mục tiêu cần đạt được trong ngành năng lượng, trong đó chú trọng phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng...vì vậy, các dự án thuộc các nguồn năng lượng truyền thống sẽ dần thu hẹp thị phần và làm chậm đà khai thác, phát triển, đặc biệt là năng lượng có nguồn gốc hóa thạch; lĩnh vực dịch vụ dầu khí hiện nay có nhiều đối thủ cạnh tranh là các công ty tư nhân có nhiều lợi thế cạnh tranh riêng, đặc biệt là vấn đề bản chất chủ sở hữu, môi trường pháp lý, sự linh hoạt trong công tác đầu tư, quyết sách và các loại giải pháp; công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ trong khu vực ngày càng ít, sự bảo hộ cho các doanh nghiệp tại các nước sở tại ngày càng gia tăng...Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2023, HĐQT đề ra những nhiệm vụ, giải pháp chính cần thực hiện như nêu sau đây.

01

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2023, góp phần hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Tổng công ty, tạo nền tảng vững chắc để phát triển Tổng công ty bền vững.

02

Thực hiện tốt công tác pháp chế, pháp lý bao gồm không giới hạn việc cập nhật, lưu trữ, thông tin, sử dụng, đào tạo, áp dụng. Trên cơ sở đó, đảm bảo toàn bộ các công việc, hoạt động của Tổng công ty tuân thủ, phù hợp Quy định hiện hành; phối hợp, xử lý, thực hiện tốt công tác thanh - kiểm tra, kiểm toán, giám sát, kiểm soát; xử lý tốt, hài hòa tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bất đồng kinh tế, dân sự (nếu có).

03

Thực hiện tốt công tác pháp chế, pháp lý bao gồm không giới hạn việc cập nhật, lưu trữ, thông tin, sử dụng, đào tạo, áp dụng. Trên cơ sở đó, đảm bảo toàn bộ các công việc, hoạt động của Tổng công ty tuân thủ, phù hợp Quy định hiện hành; phối hợp, xử lý, thực hiện tốt công tác thanh - kiểm tra, kiểm toán, giám sát, kiểm soát; xử lý tốt, hài hòa tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bất đồng kinh tế, dân sự (nếu có).

04

Đẩy mạnh tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.

05

Chỉ đạo, giám sát thực hiện các Dự án, công việc, hoạt động đã, đang, sẽ thực hiện đảm bảo an toàn tuyệt đối, bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, các Dự án, công việc thành công, đạt mức cao nhất; trên cơ sở đó, thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh Năm 2023, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt.

06

Đẩy mạnh triển khai, áp dụng hệ thống, tổng hợp các giải pháp, liên tục cải tiến, nâng cấp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh.

07

Xây dựng và cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong công việc, các hoạt động, quản trị rủi ro doanh nghiệp.

08

Thực hiện tốt, phù hợp Quy định hiện hành về chế độ, chính sách, chăm sóc, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với Người lao động, quyền và lợi ích của các Cổ đông, Chủ sở hữu Tổng công ty. Đồng thời, phối hợp thực hiện tốt công tác của các Tổ chức đoàn thể, chính trị-xã hội, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB, công tác thi đua và phát huy hiệu quả vào các hoạt động của tổ chức.

09

Tiếp tục lãnh đạo, triển khai thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, quản lý tiên tiến, hiện đại vào các lĩnh vực hoạt động, liên tục cải tiến, phát huy sáng kiến, sáng chế.

10

Quyết liệt thực hiện công tác tái cấu trúc liên tục, trung và dài hạn; rà soát, đánh giá, điều chỉnh, sắp xếp nguồn lực, tổ chức, nhân sự phù hợp, hiệu quả; áp dụng các loại hình đào tạo, liên tục nâng cấp nguồn nhân lực;

11

Tăng cường, quản lý tốt công tác đầu tư, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

Báo cáo của Ban Kiểm soát



Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (VNĐ)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Bùi Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	01/01/2022	31/12/2022	12	1.080.412.000	1.007.038.450	2.087.450.450
2	Bùi Hữu Việt Cường	Kiểm soát viên	01/01/2022	31/12/2022	12	897.069.000	844.242.700	1.741.311.700
3	Phạm Văn Tiến	Kiểm soát viên	01/01/2022	31/12/2022	12	897.069.000	512.267.700	1.409.336.700

Báo cáo của Ban Kiểm soát (tiếp theo)



Với chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát là đảm bảo lợi ích hợp pháp của các Cổ đông, nhà đầu tư và Tổng công ty PTSC, BKS đã nỗ lực triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được

ĐHĐCĐ thông qua năm 2022 đảm bảo tiến độ, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật.

Đánh giá hoạt động của BKS

Năm 2022, BKS đã triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, các quy định của pháp luật có liên quan và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- » Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty;
- » Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- » Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh; tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của Tổng công ty;
- » Kiểm tra, giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm;
- » Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm. Đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu;
- » Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền; Giám sát việc huy động, sử dụng vốn và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty.
- » Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty;
- » Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm toán nội bộ và đề xuất, kiến nghị (nếu có) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm toán nội bộ;
- » Giám sát, đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty và công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- » Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
- » Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2022. Định kỳ hàng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước.

Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên/ trực thuộc, để giúp Tổng

công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Tổng công ty

Kết quả giám sát công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Tổng công ty PTSC đã được triển khai đúng các Quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ Tổng công ty. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.

Công ty mẹ - PTSC đã thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các dự án theo đúng kế hoạch đầu tư được phê duyệt. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư năm 2022 của Công ty mẹ - PTSC là 262 tỷ đồng, đạt 53,55% kế hoạch năm. Mặc dù chưa đạt kế hoạch như kỳ vọng đề ra nhưng công tác đầu tư đã có sự tăng trưởng đột phá so với các năm trước với nhiều dự án được đẩy nhanh tiến độ và giải ngân trong năm.

Kết quả đánh giá công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2022, tổng số vốn Tổng công ty PTSC thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp là 4.793 tỷ đồng. Trong đó đầu tư vào các công ty con là 3.187 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết là 1.603 tỷ đồng, đầu tư dài hạn khác là 3 tỷ đồng. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính là 956,84 tỷ đồng.

Giá trị cổ tức, lợi nhuận được chia về Công ty mẹ - PTSC ghi nhận trong năm 2022 là 922,65 tỷ đồng, bằng 19,25% giá trị các khoản đầu tư, trong đó:

- » Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty con là 240,64 tỷ đồng, bằng 7,55% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con;
- » Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty liên doanh, liên kết là 682,01 tỷ đồng, bằng 42,55% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Tổng công ty PTSC tập trung tái cơ cấu các khu vực lĩnh vực, các đơn vị có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ và dịch vụ gặp nhiều khó khăn, các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính. Tình hình triển khai, thực hiện công tác tái cấu trúc trong năm 2022 như sau:

- » Hoàn thành kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Tài chính Kế toán.
- » Đang triển khai giải thể Công ty PTSC Ca Rong Do Ltd theo Nghị quyết số 7283/NQ-DKVN ngày 15/12/2022.
- » Triển khai thành lập Chi nhánh PTSC tại Trung Đông theo Quyết định số 322/QĐ-PTSC-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 19/07/2022 và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của PTSC Trung Đông theo Quyết định số 476/QĐ-PTSC ngày 11/10/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty PTSC.
- » Hoàn thành đổi tên Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí PTSC Thanh Hóa.
- » Đang tiến hành các thủ tục pháp lý chấm dứt Hợp đồng Liên doanh và giải thể Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý PTSC CGGV.
- » Tiếp tục theo dõi thị trường để có các giải pháp thoái vốn của Tổng công ty PTSC tại Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Tổng công ty PTSC đã ký hợp đồng tư vấn với PSI).

Về thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021

Thực hiện nội dung Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022, ngày 14/09/2022 Hội đồng quản trị PTSC đã ban hành Nghị quyết số 418/NQ-PTSC-HĐQT về việc Chi trả cổ tức năm 2021. Tổng công ty PTSC đã hoàn thành chi trả cổ tức 2021 với tỷ lệ chi trả 8%/Vốn điều lệ bằng tiền mặt theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Báo cáo của Ban Kiểm soát (tiếp theo)

Kết quả giám sát và thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để TGD, BKS và các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 9 cuộc họp, 56 đợt lấy ý kiến, ban hành 217 văn bản, trong đó 83 Nghị quyết và Quyết định để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị đã phản ánh đầy đủ, chính xác các hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo, giám sát, quản lý, quản trị trên các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Cụ thể:

- » Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh, chỉ tiêu tài chính, phân phối lợi nhuận theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022.

- » Các số liệu và chỉ tiêu tài chính trong báo cáo của Hội đồng quản trị là chính xác, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022 và BCTC năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt nam).
- » Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp Luật.
- » Các Thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định/ giám sát tốt lĩnh vực được phân công phụ trách và hoạt động các đơn vị được giao.

Kết quả giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao: nhận diện, phân tích đánh giá kịp thời các khó khăn, thách thức; tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; nỗ lực trong công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới; tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh; lãnh đạo Tổng công ty duy trì và đạt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đã phản ánh đầy đủ, hợp lý về tình hình sản xuất

kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, bao gồm: Dịch vụ cung ứng Tàu chuyên dụng; Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FP50; Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp; Dịch vụ Cản cứ Cảng Dầu khí; Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí; Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình Ngầm bằng ROV, Đầu tư và Kinh doanh lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi và các dịch vụ khác. Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh cũng trình bày đầy đủ về chiến lược, công tác đầu tư, công tác tái cấu trúc, công tác đào tạo... đồng thời đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể của Tổng công ty PTSC trong năm 2023.

Các số liệu và chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 188/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022, với BCTC năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Năm 2022, BKS đã làm việc với các bộ phận liên quan để thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Qua thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam), BKS nhận thấy:

- » Báo cáo tài chính năm 2022 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.
- » Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán viên chấp nhận toàn phần và không có ý kiến

loại trừ, phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty PTSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kê toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- » Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của Tổng công ty.

Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGD và Cổ đông

BKS đã phối hợp với HĐQT, TGD trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty PTSC, Cổ đông theo đúng Điều lệ của Tổng công ty PTSC và quy định của pháp luật.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.

Năm 2022, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.



Kế hoạch công tác năm 2023

Kế hoạch công tác năm 2023 của BKS tập trung vào các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ và các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của ĐHĐCĐ và HĐQT;
2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty PTSC khi xét thấy cần thiết;
5. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm;
6. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị;
7. Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp;
8. Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện;
9. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty PTSC; Giám sát việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
11. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;
12. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định hiện hành. Kết quả giám sát công tác điều hành của Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023

CHANGE FOR CHANCES

Bên cạnh mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, ổn định và giữ vững thị trường, PTSC luôn tập trung công tác tái cấu trúc hệ thống, quản trị, đẩy mạnh công tác đầu tư, tối đa hóa giá trị chuỗi dịch vụ của PTSC. Với phương châm thay đổi sáng tạo, chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới, để có nhiều cơ hội, để đón nhận những vận hội mới.

CHANGE

03

94 Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC

100 Quản trị rủi ro

Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY PTSC

Một trong những yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn của PTSC trong suốt 30 năm xây dựng và phát triển là việc chú trọng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất nội lực để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho các Cổ đông, nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội. Trong quá trình 16 năm hoạt động theo mô hình quản trị Công

Cơ chế hoạt động giữa Công ty mẹ - Công ty con

Với mục tiêu tập trung và phát huy nội lực nhằm tối ưu hóa hoạt động nguồn lực toàn Tổng công ty, mỗi Đơn vị đảm nhiệm chính một loại hình dịch vụ chính trong chuỗi các loại hình dịch vụ; Tổng công ty đã định hướng, chính sách điều

Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp

Trong suốt những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị của Tổng công ty theo đúng pháp luật Việt Nam, PTSC không ngừng xây dựng, áp dụng mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Trong năm 2022, PTSC đã nỗ lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp để nâng cao

ty Mẹ-Công ty con, PTSC không ngừng rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị trong toàn Tổng công ty dựa trên những thông lệ quản trị quốc tế, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật Việt Nam, trong đó quy định rõ quyền và trách nhiệm giữa Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, quyền và trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

phối, đặc biệt là chính sách ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các đơn vị đảm bảo hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất và đem lại ưu thế cạnh tranh.

năng lực, năng lực cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng chuyển đổi số trong việc xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiếp cận với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, cụ thể:

- » Hoàn tất việc xây dựng, cập nhật sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban KS phù hợp, tuân thủ Quy định hiện hành.
- » Tiếp tục nâng cấp và áp dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý: Hệ thống quản trị nhân sự (HRM); Quản lý tài chính kế toán; Quản lý thông tin công việc; Quản lý vật tư tài sản.
- » Triệt để thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp theo kế hoạch của Tập đoàn DKVN để phát triển mạnh hơn, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức mạnh cạnh tranh và phát triển bền vững trên cơ sở giữ vững chiến lược phát triển được Tập đoàn phê duyệt. Tăng cường sự phối hợp giữa Tổng công ty với các Đơn vị và giữa các Đơn vị với nhau; tận dụng/tối ưu hóa nguồn lực trong việc tiếp cận các thị trường, dịch vụ mới.
- » Ổn định tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cải tiến và hoàn thiện lại các quy định, quy chế hiện có để hoàn chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và tiêu chuẩn hóa theo hướng chuẩn quốc tế các lĩnh vực quản lý, thực hiện phân cấp tổ chức quản lý SXKD và đầu tư theo nguyên tắc đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo tại các đơn vị, đồng thời đảm bảo khả năng quản lý và tập trung được nguồn lực để thực hiện được các nhiệm vụ chiến lược của Tổng công ty
- » Hoàn thiện, nâng cao tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ coi đây là công cụ trọng yếu trong công tác quản lý điều hành của mô hình Công ty mẹ - Công ty con của Tổng công ty.
- » Củng cố, hoàn thiện và phổ biến văn hóa PTSC "Đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp" tới từng vị trí công tác, từng người lao động, tạo động lực cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình
- » Xây dựng phương thức quản lý, điều hành, tổ chức SXKD cấp cơ sở phù hợp với từng loại hình dịch vụ, tăng tính chủ động cho các cán bộ quản lý các cấp, gắn quyền lợi với trách nhiệm và hiệu quả công việc của người lao động.
- » Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động SXKD nhằm phát huy tối đa tác dụng của các hệ thống quản lý này đối với hiệu quả tổ chức SXKD của Tổng công ty và các Đơn vị thành viên.
- » Rà soát, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, tinh giảm đội ngũ quản lý theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu của công việc.



Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC (tiếp theo)

Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm Sáu (06) Thành viên, trong đó 04 Thành viên chuyên trách, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 01 Thành viên độc lập.

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, số cổ phần PVS hiện đang nắm giữ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như bảng sau:



STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN	Ghi chú
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT (bắt đầu từ 25/5/2018)	0	48.551 (0,0102%)	26,38 (%)	Chuyên trách
2	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc (bắt đầu từ 25/5/2018)	0	55.424 (0,0116%)	15,00%	Kiểm nhiệm
3	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT (từ 08/11/2016 đến nay)	0	5.377 (0,0011%)	0	Chuyên trách
4	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT (từ 25/5/2018 đến nay)	0	0	10,00%	Chuyên trách
5	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT (từ 04/01/2022 đến nay)	0	0	0	Chuyên trách
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT (từ 28/4/2022 đến nay)	Giám đốc Năng lượng tại Vina Capital	0	0	TV ĐL.HĐQT

Công tác nhân sự năm 2022

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi, quyết định mọi sự thành công của doanh nghiệp. Đội ngũ nhân sự sáng tạo, chất lượng mới có thể giúp tổ chức đứng vững trên thị trường cạnh tranh đầy khốc liệt, chính vì vậy PTSC thường xuyên tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực đạt chuẩn quốc tế.

Tổng số lao động của
Tổng công ty PTSC tính
đến thời điểm 31/12/2022

6.935
người

Phát triển nguồn nhân lực

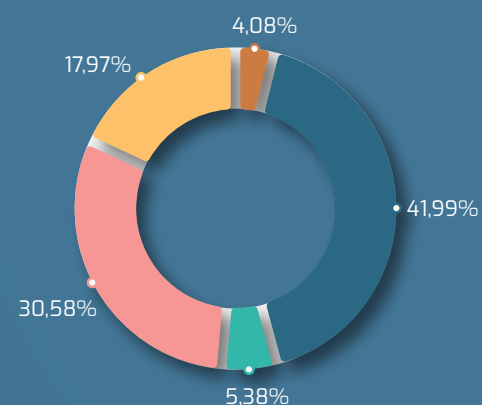
Năm 2022, kinh tế thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức và bất ổn. Ở thị phần trong nước, ngành dầu khí Việt Nam đang đối diện nhiều thách thức bởi xu hướng chuyển dịch năng lượng sang năng lượng tái tạo. Nhằm đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, hệ thống quản trị nguồn nhân lực trong giai đoạn chuyển dịch mới, PTSC đã tập trung tổ chức đào tạo cho các nhân sự trọng yếu, khối trực tiếp kinh doanh, thương mại, dự án về các chủ đề: Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt, Lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động, Chuyển dịch năng lượng, chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ lãnh đạo, cấp quản lý, đào tạo chuyên môn sâu, đào tạo lĩnh vực năng lượng tái tạo, triển khai kịp thời khóa đào tạo chuyên gia hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi; triển khai xây dựng công tác chuyển đổi số, cập nhật các Luật/Bộ luật mới; thường xuyên đúc rút và phổ

biến bài học kinh nghiệm thực hiện dự án. Bên cạnh đó, Tổng công ty tổ chức đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, cho các nhân sự khối hỗ trợ; các nhân sự tham gia dự án được chú trọng đào tạo về an toàn, môi trường, sức khỏe, chất lượng. Tổng kinh phí PTSC dành cho công tác đào tạo năm 2022 là 27 tỷ VNĐ cho công tác đào tạo và thực hiện đào tạo cho 12.700 lượt người.

Song song với công tác đào tạo, phát triển năng lực nguồn nhân lực, PTSC tiếp tục rà soát, cải tiến, tái cấu trúc hệ thống quản lý, bộ máy tổ chức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả, tăng cường vai trò đầu mối (hoàn thành việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ thuộc Ban chức năng và các Đơn vị thành viên, trực thuộc.

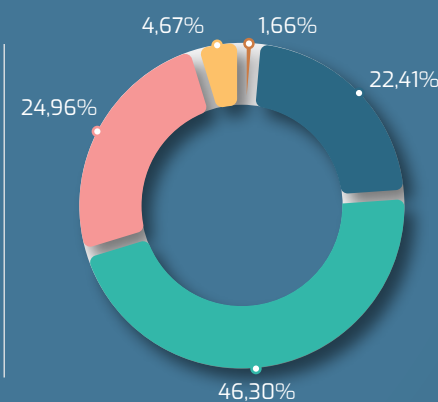
Sơ đồ thống kê nguồn nhân lực

Theo trình độ học vấn



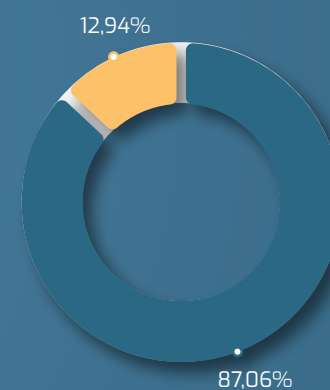
- Trên đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Công nhân kỹ thuật và tương đương
- Lao động phổ thông qua đào tạo

Theo nhóm độ tuổi



- Dưới 25 tuổi
- Từ 25 tuổi đến 35 tuổi
- Từ 35 tuổi đến 45 tuổi
- Từ 45 tuổi đến 55 tuổi
- Trên 55 tuổi

Theo giới tính



- Nam
- Nữ



Quản trị rủi ro



Bối cảnh thế giới và trong nước đã và đang có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng sâu sắc đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển của ngành dầu khí nói chung và PTSC nói riêng. Tầm quan trọng của hoạt động Quản lý rủi ro càng được thể hiện rõ rệt trong giai đoạn kinh tế thế giới và Việt Nam ảnh hưởng nặng nề do đại dịch COVID-19 và xung đột Nga-Ucraina. Chính vì vậy, PTSC xây dựng, triển khai, áp dụng linh hoạt hệ thống hóa công tác quản trị rủi ro trong suốt quá trình phát triển hướng đến Thông lệ và chuẩn mực quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018 như sau:

- » **Rủi ro thị trường**
- » **Rủi ro về chính sách**
- » **Rủi ro về an toàn, chất lượng và môi trường**
- » **Rủi ro tín dụng, lãi suất và tỷ giá hối đoái**

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Nhận diện

Giá dầu: Năm 2022, giá dầu thế giới trời sập bất thường khi nửa đầu năm tăng cao và chạm tới 130 USD/thùng, sau đó rơi về vùng dưới 80 USD/thùng. Điều này gắn với rối loạn nguồn cung do các nước phương Tây cấm vận nhập khẩu dầu mỏ và khí đốt của Nga sau khi xung đột Nga - Ukraine nổ ra hồi tháng 2/2022, cũng như việc chuyển đổi nhà cung cấp năng lượng của châu Âu diễn ra chậm chạp. Sự biến động liên tục của giá dầu làm tăng nguy cơ rủi ro và ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước.

Nhu cầu: Trong năm 2022, mặc dù được dự đoán cung - cầu sẽ khởi sắc cùng với thị trường dầu khí thế giới trong bối cảnh tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát và nền kinh tế toàn cầu đang phục hồi, tuy nhiên, thực tế trái ngược với dự đoán, thị trường dầu khí Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với khó khăn khi xuất nhập khẩu dầu thô và khí tự nhiên đều giảm cả về sản lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2021, nhu cầu xăng dầu nội địa sụt giảm do giá tiếp tục "leo thang"... Nhu cầu dầu mỏ của thế giới trong năm 2022 giảm xuống khá nhiều do sự phục hồi yếu của kinh tế thế giới, đặc biệt là tại Trung Quốc, cùng lạm phát kéo dài dẫn đến hoạt động sản xuất thu hẹp cộng với xu thế phát



triển của xe điện hiện nay cũng sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng xăng cho các phương tiện đi lại của người dân.

Thị phần: do ảnh hưởng của đại dịch Covid- 19, giá dầu có những biến động phức tạp, khó lường làm hoạt động SXKD của các nhà đầu tư, các công ty thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí thế giới gặp khó khăn với hàng loạt chiến dịch khoan, đầu tư vào các dự án thăm dò, khai thác dầu khí phải dừng, giãn tiến độ. Kéo theo đó là nhu cầu sử dụng dịch vụ kỹ thuật dầu khí bị suy giảm trong khi cạnh tranh giữa các nhà cung cấp ngày càng khốc liệt, tác động trực tiếp đến các hoạt động SXKD của PTSC.

Đối thủ cạnh tranh: Nhu cầu càng giảm, cạnh tranh giữa các đối thủ ngày càng khốc liệt. Lĩnh vực dịch vụ dầu khí hiện nay xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh lớn với nhiều lợi thế riêng, đặc biệt là sự linh hoạt trong công tác đầu tư, vì vậy, PTSC gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia đấu thầu các dự án, công việc trong và ngoài nước.

Nhân lực: Trong những năm gần đây, dầu khí không còn là một lĩnh vực hấp dẫn lực lượng lao động chất lượng cao. Người lao động đã chuyển sang những lĩnh vực thời thượng hấp dẫn hơn như công nghệ máy tính, AI, năng lượng tái

tạo...Bên cạnh đó, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, việc "chảy máu chất xám" đối với những lao động chuyên môn cao, tay nghề cứng của PTSC sang các công ty đối thủ trong và ngoài nước ngày một gia tăng. Tất cả những yếu tố này đã tác động mạnh đến công tác tổ chức sản xuất, hoạt động của PTSC.

Biện pháp quản trị

Triển khai đồng bộ các giải pháp đã đề ra, tập trung tối ưu hóa nguồn lực, phát triển dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC, chú trọng vào các dịch vụ cốt lõi trong hoạt động SXKD. » Liên tục đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh cũng như tìm hiểu, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, khách hàng mới; nghiên cứu đầu tư, tham gia thực hiện các dự án trên bờ bổ sung vào các hoạt động SXKD bên cạnh các dự án ngoài khơi hiện tại. » Duy trì phong cách làm việc, môi trường và văn hóa chuyên nghiệp trong toàn Tổng công ty; » Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới » Đổi mới cơ chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động, đặt lợi ích NLĐ gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty PTSC.

Quản trị rủi ro (tiếp theo)



RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

Nhận diện

Sự thay đổi trong chính sách pháp luật quan trọng đối với ngành Dầu khí trong năm 2022 chính là Luật Dầu khí (sửa đổi) được thông qua. Luật sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2023 và được kỳ vọng sẽ tạo ra động lực về thể chế giúp ngành Dầu khí phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Luật bổ sung các quy định về chức năng, quyền, nghĩa vụ và vai trò đầu mối của PVN, các Bộ ngành và các cơ quan quản lý nhà nước thông qua tăng cường phân cấp. Bên cạnh đó, Luật cũng sửa đổi bổ sung, hoàn thiện về trình tự phê duyệt các bước triển khai hoạt động dầu khí, dự án dầu khí, về công tác kế toán, kiểm toán, quyết toán và xử lý chi phí trong hoạt động dầu khí, cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí và nghĩa vụ chia sẻ công trình dầu khí, cơ sở hạ tầng sẵn có...

Về chính sách ưu đãi đầu tư, Luật Dầu khí 2022 bổ sung, hoàn thiện các quy định về hợp đồng dầu khí theo hướng thuận lợi, linh hoạt cho nhà đầu tư, cho phép áp dụng ưu đãi đặc biệt đối với các lỗ, mỏ dầu khí thông qua hợp đồng dầu khí nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí. Mặc dù vậy, đối với dịch vụ dầu khí, nguyên tắc ưu tiên sử dụng dịch vụ dầu khí đã không còn được quy định như Luật Dầu khí 1993. Sự thay đổi này chắc chắn sẽ trở thành thách thức mới cho các doanh nghiệp dịch vụ trong ngành dầu khí trước áp lực cạnh tranh bình đẳng với các "đối thủ" nước ngoài tham gia vào thị trường.

Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có các quy định rõ ràng để có thể tạo hàng rào kỹ thuật nhằm

khuyến khích, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp dịch vụ trong nước. Bên cạnh đó, khung pháp lý cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí tiếp tục còn nhiều bất cập, đôi khi trở thành rào cản bởi các trình tự, thủ tục dẫn đến giảm cơ hội, giảm lợi thế cạnh tranh do không thể kịp thời đáp ứng tiến độ, yêu cầu của các gói thầu, các dự án. Bên cạnh đó, một số dự án tiếp tục trì hoãn, chậm phê duyệt, chậm thủ tục thanh quyết toán kéo dài dẫn đến phát sinh công nợ quá hạn lớn, gây khó khăn trong công tác tổ chức sản xuất, nảy sinh các vấn đề pháp lý, kiện tụng, trích lập dự phòng... Khi chính sách chưa cụ thể về ưu tiên dịch vụ dầu khí trong nước, khi chưa có các "rào cản" cần thiết để bảo hộ trong nước, nhà thầu nước ngoài vô hình chung được tạo điều kiện dễ dàng hơn để tham gia cung cấp dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.

Thực hiện chiến lược phát triển lĩnh vực mới là năng lượng tái tạo ngoài khơi, năm 2022, PTSC đẩy mạnh các hoạt động để tham gia sâu vào thị trường này với mục tiêu trở thành nhà phát triển/nhà đầu tư các dự án. PTSC hiện đã sẵn sàng các điều kiện để chuyển sang lĩnh vực này một cách nhanh chóng và hiện nay gần như có thể làm được hết các công đoạn của loại hình năng lượng tái tạo ngoài khơi. Mặc dù vậy, về mặt chính sách pháp luật, chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam hiện nay vẫn chưa được luật hóa, chưa hoàn thiện cơ chế phát triển và chưa có hành lang pháp lý đầy đủ đối với lĩnh vực này. Các chính sách ưu tiên thúc đẩy, ưu đãi các nhà đầu tư trong nước phát triển dự án hầu như chưa được chú trọng.



Biện pháp quản trị

Trong quá trình hoạt động SXKD, PTSC trước hết luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, chủ trương chính sách của Nhà nước nói chung và các quy định, định hướng, chiến lược phát triển ngành, pháp luật chuyên ngành dầu khí nói riêng. Với những thay đổi pháp luật, PTSC kịp thời tuyên truyền phổ biến trong nội bộ nhằm thích ứng, đảm bảo sự tuân thủ, phòng ngừa rủi ro pháp lý, bên cạnh đó có kế hoạch phù hợp, tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý và chủ động hơn, tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành, phát triển kinh doanh, thị trường. Định kỳ hàng quý, Tổng công ty và các Đơn vị duy trì hoạt động rà soát, cập nhật và báo cáo đánh giá sự tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tại tất cả các dự án, các gói thầu quan trọng.

Tổng công ty PTSC cũng chú trọng việc rà soát, cập nhật, cải tiến hệ thống văn bản quy định nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành. Cho đến nay, hệ thống văn bản quy phạm nội bộ được xây dựng tương đối đầy đủ, thống nhất, chặt chẽ và phát huy hiệu quả cao. Tiếp theo Điều lệ và các quy chế, năm 2022, Tổng công ty đã tiến hành cập nhật, sửa đổi bổ sung nhiều văn bản quy định nội bộ như Quy định văn thư, Quy định quản lý hồ sơ tài liệu, Quy định mua sắm, Quy định quản lý vốn bằng tiền, Quy định chữ ký số, Quy định định mức hành chính... Bên cạnh đó, PTSC cũng củng cố vững chắc các cơ chế phân cấp, ủy quyền, phân công, giao nhiệm vụ, tiếp tục tuyên truyền phổ biến, đào tạo pháp luật, chú trọng việc tham gia xây dựng pháp luật, chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản

pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có thể kể đến các ý kiến đóng góp đối với Luật Dầu khí, dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Dầu khí, dự thảo quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí...

Trong năm 2023, PTSC sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống các quy định nội bộ, tái cơ cấu các bộ phận chức năng, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, phân công công việc. Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục tuyên truyền phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức, tham gia xây dựng chính sách pháp luật, chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật và tiếp tục gửi các kiến nghị về cơ chế chính sách nhằm tiến tới tạo thuận lợi hơn để PTSC có thể phát triển kinh doanh mạnh mẽ hơn trong nước, ngoài nước và ngoài ngành, gửi các kiến nghị đến các cấp có thẩm quyền về cơ chế đặc thù đối với dịch vụ dầu khí.

Đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi, PTSC sẽ kiến nghị cấp có thẩm quyền sớm ban hành quy hoạch cụ thể đồng thời sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật hiện hành theo hướng tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp như PTSC phát triển dự án phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước. PTSC cũng sẽ tiếp tục kiến nghị Chính phủ có chính sách ổn định và dài hạn khuyến khích, hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, thu hút đầu tư cho các dự án, tạo nền móng phát triển bền vững cho thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Đồng thời khuyến khích, ưu đãi cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu dịch vụ, xuất khẩu công trình, sản phẩm hàng hóa ra nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi.



RỦI RO VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhận diện

Với mô hình cung cấp dịch vụ đa dạng từ các hoạt động thượng nguồn đến các hoạt động hạ nguồn, từ các hoạt động trên biển cho đến các hoạt động trên bờ nên luôn phải đối mặt với các rủi ro về sức khỏe của người lao động hậu Covid-19, tai nạn lao động, tai nạn hàng hải, sự cố cháy nổ, sự cố môi trường, thiên tai bão lụt... và trong bối cảnh từ năm 2020 - 2022 với đại dịch Covid-19 kéo dài, diễn biến phức tạp đã làm tăng thêm các rủi ro ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe người lao động, gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh, tổn thất về tài sản và môi trường

Biện pháp quản trị

Công tác quản trị rủi ro được tích hợp vào các hoạt động quản lý để cải thiện tăng trưởng, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động trên cơ sở quản trị rủi ro. Hiện tại, PTSC đang trong quá trình xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro bài bản giúp PTSC sẵn sàng ứng phó với những thay đổi bất thường và nâng cao khả năng dự đoán về tình hình biến động của thị trường cũng như khả năng phản ứng nhanh trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh. Hệ thống quản trị rủi ro mà PTSC đang xây dựng hoạt động dựa trên cơ

sở cân nhắc và xác định các rủi ro liên quan đến các hoạt động của PTSC, phân loại và ưu tiên các rủi ro theo mức độ ảnh hưởng và xác suất xảy ra, và đưa vào kế hoạch xử lý rủi ro để đảm bảo các biện pháp phòng ngừa và ứng phó được triển khai hiệu quả.

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, PTSC đang tiếp cận cân bằng trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, con người, hệ thống quản lý, đổi mới công nghệ, số hóa và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các lĩnh vực chính của mình và phù hợp với quy định hiện hành. PTSC cũng đang theo đuổi và sẵn sàng nâng cao năng lực thiết kế, gia công, chế tạo, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng các công trình Năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Với hệ thống quản trị rủi ro này, PTSC sẽ đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng để đối phó với những thay đổi bất ngờ và duy trì một mức độ rủi ro phù hợp để tận dụng cơ hội đầu tư và tăng trưởng. Các biện pháp quản trị rủi ro được giám sát và đánh giá định kỳ để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu pháp luật, đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh và đáp ứng kì vọng của Cổ đông và các bên liên quan.



RỦI RO TÍN DỤNG

Nhận diện

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện thanh toán nợ, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty PTSC.

Tổng công ty PTSC có các khoản huy động vốn bằng nội tệ và ngoại tệ từ các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh nên có rủi ro về lãi suất.

Khách hàng của Tổng công ty PTSC đến từ nhiều khu vực địa lý khác nhau và hầu hết có yếu tố nước ngoài nên doanh thu bằng ngoại tệ rất lớn, ngoài ra Tổng công ty cũng có các khoản vay nợ bằng ngoại tệ nên rủi ro tỷ giá luôn hiện diện và cần được quản trị.

Biện pháp quản trị

Kinh tế trong nước năm 2022 phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, sức ép lạm phát gia tăng do các tác động từ bên ngoài; các thị trường trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản gặp khó khăn về thanh khoản, dòng tiền, tiềm ẩn rủi ro; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến ngành dầu khí, xác định được những khó khăn, thách thức, PTSC đã đề ra các biện pháp quản trị sau:

- » Đối với rủi ro tín dụng, trước khi tham gia một gói thầu hoặc thực hiện một hợp đồng bất kỳ, Tổng công ty PTSC đều thực hiện đánh giá tình hình tài chính và hoạt động các khách hàng, đối tác để đảm bảo khả năng thực hiện hợp đồng và đưa ra một chính sách tín dụng phù hợp. Định kỳ, Tổng công ty PTSC sẽ thực hiện đối chiếu nợ, đánh giá lịch sử tín dụng và có các thư xác nhận, thông báo, nhắc nhở khách hàng và đối tác về thanh toán nợ; Đối với một số khách hàng có rủi ro tín dụng cao, Tổng công ty sẽ yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán từ Tổ chức tín dụng có uy tín.
- » Đối với rủi ro lãi suất PTSC đã tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn trong nước và quốc tế bằng cả nội tệ và ngoại tệ để đa dạng hóa nguồn huy động, tránh bị ảnh hưởng đột biến từ một thị trường. Ngoài ra để giảm thiểu rủi ro từ việc biến động lãi suất, Tổng công ty PTSC đã thực hiện các nghiệp vụ phái sinh để cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
- » Đối với rủi ro về tỷ giá, PTSC quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với khách hàng theo đối ứng với khoản ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp. Ngoài ra, Tổng công ty PTSC luôn duy trì số dư tiền ngoại tệ tối thiểu tương đương với các nghĩa vụ nợ vay bằng ngoại tệ để tránh các rủi ro về tỷ giá và thanh khoản ngoại tệ.

WINDERFUL

Năm 2023, PTSC tròn 30 tuổi. Với tuổi 30, PTSC tràn đầy tự tin và bản lĩnh để bước vào chiến dịch chuyển đổi năng lượng mới, lĩnh vực dịch vụ mới. Chúng tôi tin tưởng rằng, với truyền thống, năng lực, kinh nghiệm và khát vọng chinh phục những mục tiêu mới, bên cạnh các dịch vụ truyền thống, năng lượng tái tạo ngoài khơi sẽ mở ra một thời kỳ phát triển mới cho PTSC.

Winderful

04

108 Tổng quan phát triển bền vững

114 Báo cáo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2022



Tổng quan **phát triển bền vững**

THÔNG DIỆP

Có thể nói, đối với một Quốc gia hướng tới mục tiêu phát triển bền vững thì việc thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng các nhiên liệu Xanh – Sạch hơn là điều tất yếu. Với nhu cầu điện năng ngày càng tăng, Việt Nam cũng đang từng bước coi việc đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, trong đó có điện gió là "chìa khóa" để giải quyết bài toán về an ninh năng lượng, qua đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước. Với kinh nghiệm 30 năm trong lĩnh vực năng lượng – dầu khí ngoài khơi, PTSC đã nhạy bén mở rộng lĩnh vực kinh doanh và chính thức tham gia vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng tái tạo ngoài khơi, với vai trò là nhà đầu tư - phát triển dự án.

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả lao động, PTSC còn tập trung nghiên cứu các công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của sản xuất kinh doanh lên môi trường, tăng cường áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật thân thiện với môi trường, từ đó thực hiện thành công các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan, hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA PTSC

- » Về dài hạn: Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là trụ cột cốt lõi, và đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng công ty trong đó có lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- » Về trung và ngắn hạn: Giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ, kết hợp các mảng dịch vụ chính của PTSC, tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn nhưng có dấu hiệu hồi phục để xây dựng, hoàn thiện các kịch bản và kế hoạch thu xếp vốn, củng cố năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PTSC xác định rõ 03 mục tiêu đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững cụ thể như sau:

KINH TẾ

- » Tận dụng tối đa các nguồn lực - Phát huy cao nhất hiệu quả kinh tế

XÃ HỘI

- » Phát triển nguồn nhân lực
- » Chính sách lương thưởng, phúc lợi
- » Đóng góp cho phát triển cộng đồng

MÔI TRƯỜNG

- » Vận hành an toàn, bám sát và cải tiến chất lượng Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế.
- » Đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường, kiểm soát, quản lý chặt chẽ chất thải, nguồn nguyên vật liệu.

Tổng quan phát triển bền vững (tiếp theo)

XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN

PTSC xác định các bên liên quan với mối quan hệ gắn kết lâu dài căn cứ vào tổng thể các mặt hoạt động và các mối quan hệ được xây dựng dựa trên sự tin tưởng, phối hợp, tính minh bạch, chuẩn mực đạo đức văn hóa doanh nghiệp trên tinh thần mang lại lợi ích cho các bên. Nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. PTSC đánh giá và xem xét liên quan trong mỗi hoạt động hiện tại. Các bên liên quan trọng yếu của PTSC bao gồm:

- » Chính phủ và các Cơ quan Quản lý Nhà nước
- » Khách hàng
- » Người lao động
- » Đối tác
- » Cổ đông và nhà đầu tư
- » Cơ quan truyền thông báo chí
- » Cộng đồng, địa phương

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC

KỶ VỌNG	ĐÁP ỨNG KỶ VỌNG	HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC TRONG NĂM 2022
Chính phủ và các Cơ quan Quản lý Nhà nước Tuân thủ pháp luật, áp dụng, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước.	» Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước; Tuân thủ quy định pháp luật. » Nghiên cứu các vấn đề pháp lý; Tuân thủ và lấy các giấy phép về an toàn, môi trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.	» Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật của các nước sở tại và pháp luật Việt Nam » Đóng góp ý kiến đối dự thảo chính sách, thông tư, nghị định và luật Dầu khí » Xây dựng và hoàn thiện Quy tắc Văn hóa PTSC » Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trích nộp thuế theo quy định
Người lao động » Đảm bảo việc làm, tăng trưởng trong thu nhập và chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt. » Được ghi nhận, đánh giá công bằng với sự cống hiến, đóng góp. » Đào tạo nâng cao năng lực, chuyên môn. » Môi trường, điều kiện làm việc đảm bảo các tiêu chuẩn ATSKMT.	» Chính sách lương cạnh tranh theo năng lực, chất lượng công việc; thu nhập, đãi ngộ, phúc lợi tương xứng với sự cống hiến, đóng góp. » Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để đánh giá NLĐ. » Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị tốt lực lượng cho đội ngũ kế cận. » Đảm bảo môi trường lao động tốt; thực hiện đầy đủ chương trình sức khỏe và an toàn cho NLĐ.	» Liên tục cải tiến, áp dụng Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để trả lương theo năng lực, chất lượng công việc, sự cống hiến, đóng góp. » Chú trọng đào tạo tại chỗ (training on job); Triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực thiết thực, hiệu quả cao; tăng cường đào tạo chuyên sâu để đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn thế giới. » Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ và các trường hợp phát sinh. » Bảo vệ sức khỏe lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và đảm bảo an toàn cho người lao động; » Kiểm soát các tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ môi trường cộng đồng xung quanh;
Cổ đông và nhà đầu tư » Đảm bảo hiệu quả SXKD. » Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời. » Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. » Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi Cổ đông.	» Kết quả SXKD tốt. » Báo cáo minh bạch thông tin. » Nâng cao năng lực quản trị, giá trị thương hiệu tăng. » Khả năng chi trả cổ tức đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư	» Thực hiện vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua. » Sử dụng hệ thống công bố thông tin qua IDS, CIMS, website PTSC, cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động của PTSC. » PTSC đã đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh. » Thực hiện đúng cam kết chi trả cổ tức.

Tổng quan phát triển bền vững (tiếp theo)

KỶ VỌNG	ĐÁP ỨNG KỶ VỌNG	HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC TRONG NĂM 2022
Khách hàng	» Đảm bảo mọi hoạt động an toàn, chất lượng dịch vụ, giá cả. » Sự tin cậy, công nghệ tiên tiến, năng lực hoạt động. » Đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp.	» Áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng toàn PTSC được cấp giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế của Tổ chức chứng nhận quốc tế BSI. » Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế, kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám, giá trị gia tăng trong các sản phẩm, dịch vụ với giá cạnh tranh. » Triển khai tổ chức các phương án sản xuất, các giải pháp cung cấp dịch vụ, đảm bảo an toàn, chất lượng và đúng tiến độ. » Phát triển năng lực thực sự, tận dụng các thế mạnh của PTSC như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm. » Nâng cao năng lực đội ngũ marketing, chăm sóc khách hàng.
Đối tác	» Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp; Hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp. » Hiệu quả hoạt động và sự chuyên nghiệp. » Hợp tác cùng phát triển.	» Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp. » Liên tục cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình mua sắm hàng hóa/dịch vụ, đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo tuân thủ pháp luật. » Cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình đánh giá đối tác. Bộ phận pháp chế, thương mại kiểm tra các hợp đồng được ký kết đảm bảo tuân thủ pháp luật. » Hợp tác chặt chẽ, tiết giảm chi phí đầu vào. » Quan hệ hợp tác thành công các bên cùng có lợi.
Cơ quan truyền thông, báo chí	» Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời. » Hợp tác phát triển công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu.	» Thông tin về kết quả hoạt động SXKD của PTSC luôn được soát xét và đăng tải công khai, minh bạch, đúng kỳ hạn. » Ký kết hợp tác truyền thông với cơ quan truyền thông báo chí chính thống. » Hợp tác với nhiều cơ quan truyền thông hỗ trợ tổ chức chương trình từ thiện, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.
Cộng đồng, địa phương	» Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.	» Đóng góp phát triển giáo dục, y tế, xã hội với tổng mức hỗ trợ 20,2 tỷ tỷ VNĐ.



MỤC TIÊU KINH TẾ

Năm 2022 tình hình chính trị, kinh tế vĩ mô trên thế giới có nhiều biến động phức tạp và diễn biến khó lường. Ở thị phần trong nước, ngành dầu khí Việt Nam đang đối diện nhiều thách thức. Thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí, khối lượng công việc và dự án liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của PTSC trong nước tiếp tục khan hiếm. Trước khó khăn, thách thức đó, PTSC phải tìm định hướng mới, thị trường mới để đảm bảo duy trì sự phát triển bền vững.

PTSC đã đạt doanh thu hợp nhất 17.081 tỷ VNĐ, đạt 170,8% kế hoạch năm 2022, tăng 15,6% so với thực hiện năm 2021; 2022 là 1.174 tỷ đồng, đạt 192,4% kế hoạch năm 2022, tăng 21,1% so với thực hiện năm 2021; Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 đạt trên 40%. Đây là một minh chứng rõ nét về nỗ lực của PTSC tìm ra hướng đi mới, dịch vụ mới trong bối cảnh các công việc, dự án trong thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí khan hiếm.

MỤC TIÊU XÃ HỘI

Việc làm

Tại Việt Nam, PTSC hiện có 17 đơn vị thành viên, trực thuộc, trải dài từ Bắc đến Nam (không bao gồm các Công ty liên doanh liên kết và Công ty con, Chi nhánh ở nước ngoài) và 6.935 lao động. Năm 2022, tình hình chính trị, kinh tế vĩ mô trên thế giới có nhiều biến động phức tạp và diễn biến khó lường, xung đột thương mại giữa các nền kinh tế làm đứt gãy chuỗi cung ứng, giá nguyên vật liệu, nhiên liệu đầu vào và chi phí vận tải tăng cao. Trong nước, ngành Dầu khí đang đối diện với nhiều thách thức bởi xu hướng chuyển dịch năng lượng và năng lượng tái tạo; các mỏ dầu khí suy giảm sản lượng tự nhiên; các lô/mỏ nhận lại từ nhà thầu nước ngoài chưa có cơ chế vận hành dẫn đến việc đầu tư các dự án mới cho thăm dò khai thác, gia tăng trữ

lượng trong nước gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện quyết liệt các giải pháp đề ra, cùng sự đoàn kết cố gắng của tập thể người lao động, Tổng công ty vẫn đảm bảo, duy trì công ăn việc làm, tiền lương, thu nhập và các chế độ phúc lợi khác cho Người lao động để Người lao động tận tâm làm việc, cống hiến hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Thu nhập bình quân năm 2022 của Người lao động toàn Tổng công ty PTSC là 26.335.000 đồng/người/tháng, bằng 113% so với thu nhập bình quân của Người lao động năm 2021.

Thu nhập bình quân năm 2022 của NLD toàn Tổng công ty PTSC là 26.335.000 đồng/người/tháng, bằng 113% so với thu nhập bình quân của NLD năm 2021.

Chính sách tiền lương liên quan đến NLD

NLD được trợ cấp nhân ngày thành lập PTSC, các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm 8/3, 20/10; các sự kiện; đồng phục; tổ chức bữa ăn giữa ca cho NLD, trong đó xây dựng và tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm để NLD an tâm làm việc; NLD và con em của NLD được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp lễ, tết.

Chính sách đào tạo

Năm 2022, PTSC đã dành khoảng 27 tỷ VNĐ cho công tác đào tạo và thực hiện đào tạo cho 12.700 lượt người. Tổng công ty PTSC tập trung chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ lãnh đạo, cấp quản lý, đào tạo chuyên môn sâu, đào tạo lĩnh vực năng lượng tái tạo, cụ thể: Tổ chức Chương trình đào tạo lãnh đạo toàn cầu; triển khai kịp thời khóa đào tạo chuyên gia hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi; đẩy mạnh đào tạo nội bộ, hội

thảo để đúc rút, phổ biến bài học kinh nghiệm thực hiện dự án; huấn luyện tay nghề cho thí sinh tham dự Hội thi tay nghề Dầu khí lần thứ VII...vv. Bên cạnh đó, Tổng công ty tổ chức đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, cho các nhân sự khối hỗ trợ; các nhân sự tham gia dự án được chú trọng đào tạo về an toàn, môi trường, sức khỏe, chất lượng.

Quan hệ giữa NLD và Người sử dụng lao động

Với quan điểm phát triển SXKD phải đi đôi với cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho NLD vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững. Bên cạnh việc đưa ra nhiều giải pháp nhằm tăng cường các mặt quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD, PTSC đã xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, hài hòa quan hệ giữa người NLD và Người sử dụng lao động. Bên cạnh việc ký kết Thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ giữa đại diện NLD và Người sử dụng lao động, PTSC đã thiết lập mối quan hệ giữa Ban lãnh đạo và NLD thông qua các hoạt động sau:

NLD được trực tiếp tham gia đóng góp trong công tác xây dựng Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ, Quy chế đối thoại, Quy chế khen thưởng và kỷ luật, Quy chế lương thông qua việc lấy ý kiến NLD thông qua tổ chức đại diện NLD tại cơ sở thực hiện. Việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết Thỏa ước lao động tập thể đã được các cấp Công đoàn Tổng công ty phối hợp triển khai hiệu quả.

Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc hàng năm tại Hội nghị NLD nhằm thông tin kịp thời với NLD tình hình khó khăn, thuận lợi trong mọi hoạt động của Tổng công ty cũng như trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NLD. Các thắc mắc, ý kiến của NLD luôn được giải đáp công khai, hợp lý và được triển khai một cách tích cực.

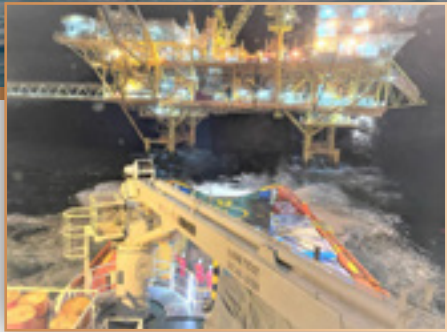
Trong năm 2022, PTSC không có tranh chấp lao động giữa NLD và Người sử dụng lao động.

Công tác an sinh xã hội

Song song với việc tập trung cải thiện, nâng cao chế độ chính sách và chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV đã và đang làm việc, PTSC cũng đã thực hiện hiệu quả công tác An sinh Xã hội dành cho cộng đồng, đặc biệt là cho những người dân mắc bệnh hiểm nghèo, gặp hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và cho các địa phương không đủ điều kiện để đầu tư cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế. PTSC mong muốn truyền thông điệp không người dân nào bị bỏ lại phía sau, lan tỏa yêu thương tới mọi người ở vùng miền, thực hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Trong năm 2022, PTSC đã triển khai chương trình An sinh Xã hội với tổng kinh phí 20,2 tỷ VNĐ tại nhiều địa phương và vùng miền trong khắp cả nước với chi tiết cụ thể như sau:

- » Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho người nghèo: 5,070 tỷ VNĐ, chiếm 25% tổng kinh phí Chương trình ASXH.
- » Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Giáo dục – Trường học: 8,25 tỷ VNĐ, chiếm 41% tổng kinh phí Chương trình ASXH.
- » Hỗ trợ cho ngành Y tế - Bệnh viện: 2,531 tỷ VNĐ, chiếm 13% tổng kinh phí Chương trình ASXH.
- » Hỗ trợ các chương trình Đền ơn đáp nghĩa, đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn: 3,719 tỷ VNĐ, chiếm 18% tổng kinh phí Chương trình ASXH.
- » Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ nhân đạo: 0,662 tỷ VNĐ, chiếm 3% tổng kinh phí Chương trình ASXH.

Báo cáo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2022 (tiếp theo)



MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG

Năng lượng, nước, điện, nguyên vật liệu

Với đặc thù lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí nên Tổng công ty PTSC sử dụng các nguyên vật liệu, nguồn năng lượng chủ yếu như sau: sắt thép, vật liệu và khí đốt/ khí công nghiệp (LPG, oxy, axetylen ...) dùng sản xuất cơ khí chế tạo, năng lượng điện, các loại nhiên liệu (dầu DO, xăng) và nước cấp dùng cho mục đích sinh hoạt.

Các biện pháp hành động cụ thể

Chương trình quản lý, tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu, nước sinh hoạt

Để sử dụng tối ưu và tiết kiệm các nguyên vật liệu và năng lượng cũng như kiểm soát, giảm thiểu các tác động đến môi trường, Tổng công ty áp dụng Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng nêu trên để đảm bảo thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý và kỹ thuật để kiểm soát, cụ thể như sau:

- » Xây dựng, ban hành hệ thống định mức kỹ thuật về tiêu hao nhiên liệu, dầu nhờn, vật tư bảo dưỡng... đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả;
- » Đầu tư mới, nâng cấp, cải tiến các máy thiết bị sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng điện, nhiên liệu; chuyển đổi sử dụng năng lượng xanh, nhiên liệu sạch (khí tự nhiên, điện...); từng bước đầu tư gia tăng sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng điện mặt trời áp mái) cho hoạt động sản xuất.
- » Thường xuyên liên tục triển khai các chương trình tuyên truyền vận động, khuyến khích CBCNV thực hiện lối sống xanh – tiêu dùng bền vững;

giảm sử dụng các sản phẩm nhựa; sử dụng vật tư tiêu dùng thường xuyên thân thiện môi trường; tiết kiệm điện, nước và giấy; trồng cây, phủ xanh môi trường xung quanh khu vực sản xuất.

- » Tổng công ty PTSC liên tục triển khai thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí nói chung và tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng với các giải pháp thiết thực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh với kết quả trong năm 2022 như sau:
- » Tiết kiệm nguyên vật liệu: 31,474 tỷ đồng (tăng 10% so năm 2021);
- » Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng: 2,693 tỷ đồng (tăng 13% so năm 2022).

Xử lý tiếng ồn, độ rung, phát thải

Tổng công ty PTSC đã đầu tư trang bị, duy trì vận hành nghiêm chỉnh các công trình xử lý chất thải và định kỳ thực hiện đo đạc các chỉ số môi trường với tần suất 2-4 lần/năm để giám sát, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường.

Đầu tư hoàn chỉnh từ đầu, vận hành nghiêm túc các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải) và định kỳ (02-04 lần/năm) kiểm soát đo lường các chỉ số đầu ra đảm bảo kiểm soát, tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường.

Quản lý, kiểm soát tốt việc phân loại rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và nguy hại để tối ưu rác thải có khả năng tái chế và giảm chi phí xử lý.

Bước đầu thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ để đo lường, theo dõi và tìm kiếm cơ hội thực hiện các chương trình giảm thiểu khí nhà kính trong hoạt động sản xuất.

Đối với hoạt động sản xuất của đội tàu dịch vụ dầu khí, việc áp dụng Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng được bên thứ ba kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận phù hợp (theo quy định Tổ chức hàng hải thế giới IMO) cũng là một trong các giải pháp hữu hiệu giảm thiểu phát thải khí nhà kính đang được áp dụng.

Ngoài ra, đội tàu dịch vụ dầu khí áp dụng Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng được kiểm tra định kỳ bởi bên thứ ba cấp giấy chứng nhận phù hợp theo quy định của Tổ chức hàng hải thế giới IMO cũng là một trong những biện pháp giảm thiểu khí thải và bảo vệ môi trường.

CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tổng công ty PTSC hiện đang áp dụng và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng tích hợp theo các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm: ISO9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng; ISO14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường; ISO45001:2018 – Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp nhằm đạt được các mục tiêu mang giá trị cốt lõi xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- » Đảm bảo tuân thủ yêu cầu pháp luật, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng và của các bên có liên quan về chất lượng sản phẩm dịch vụ, sức khỏe an toàn và môi trường;
- » Bảo vệ sức khỏe lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và đảm bảo an toàn cho người lao động;
- » Kiểm soát các tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ môi trường cộng đồng xung quanh;

- » Giảm thiểu các rủi ro, ngăn ngừa xảy ra tai nạn sự cố để bảo vệ an toàn người lao động, phòng chống ô nhiễm môi trường và bảo toàn tài sản.

Ngoài ra để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, Tổng công ty PTSC còn triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý khác như: Hệ thống quản lý an toàn an ninh tàu biển theo Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm (ISM Code), Bộ luật Quốc tế về An ninh Tàu và Bến cảng (ISPS Code); ISO/IEC 17025:2017 – Quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn; ASME "U" & "S"; API-2B; ISO 3834-2; EN 1090-1&2...

Trong năm 2022, Tổng công ty PTSC đã đạt được một số kết quả, thành tích tiêu biểu trong công tác sức khỏe an toàn môi trường như sau:

- » Không xảy ra tai nạn lao động gây thương tật mất thời gian làm việc (LTI – Lost Time Injury) cho người lao động;
- » Không xảy ra sự cố môi trường và không bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường;
- » Không xảy ra sự cố thiệt hại nghiêm trọng về tài sản;
- » Tổng công ty PTSC đạt 16 triệu giờ làm việc an toàn (không xảy ra tai nạn lao động gây thương tật mất thời gian làm việc đối với người lao động);
- » Thực hiện các dự án đạt cột mốc số giờ làm việc an toàn được khách hàng khen thưởng tiêu biểu như sau: Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam - Gói A1 đạt cột mốc 10 triệu giờ làm việc an toàn; các Dự án của NOC đạt cột mốc 03 triệu giờ làm việc an toàn; Đội tàu dịch vụ Nghi Sơn phục vụ Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đạt 02 triệu giờ làm việc an toàn.

CHỨNG KHOÁN PVS

Bên cạnh mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, ổn định và giữ vững thị trường, PTSC luôn tập trung công tác tái cấu trúc hệ thống, quản trị, đẩy mạnh công tác đầu tư, tối đa hóa giá trị chuỗi dịch vụ của PTSC. Với phương châm thay đổi sáng tạo, chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới, để có nhiều cơ hội, để đón nhận những vận hội mới.



05

- 120 Thông tin cơ bản
- 121 Cổ đông
- 124 Quan hệ Cổ đông
- 128 Đánh giá cổ phiếu PVS
- 132 Lịch sử chi trả cổ tức

Chứng khoán PVS



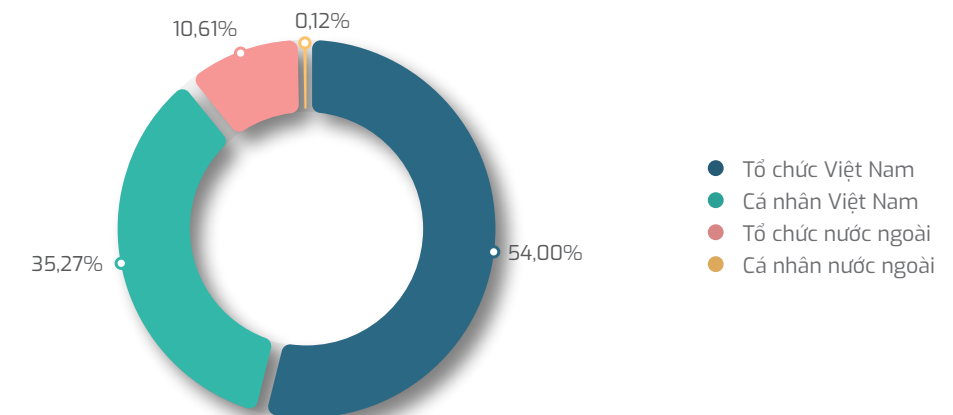
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết (cổ phiếu)	477.966.290
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	12.044,75
Room NN còn lại (%)	28,34 (%)
EPS cơ bản (nghìn VNĐ)	1,51
P/E	16,73
Giá trị sổ sách/CP (nghìn VNĐ)	25,48
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2022 (nghìn VNĐ)	35,99
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2022 (nghìn VNĐ)	18,00

(Dữ liệu tại ngày 17/3/2023)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(cập nhật theo Danh sách Cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng 28/9/2022 (Ngày đăng ký cuối cùng gần nhất))



DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5%)

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất và các Báo cáo giao dịch nhận được tính đến hết ngày 31/12/2022

STT	Tên Cổ đông/Nhóm Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Trong nước/ Nước ngoài	Cá nhân/ Tổ chức	Ghi chú
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38%	Trong nước	Tổ chức	
2	- CTBC Vietnam Equity Fund; - DC Developing Markets Strategies Public Limited Company; - KB Vietnam Focus Balanced Fund; - Norges Bank; - Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]	29.377.500	6,1464%	x	x	Nhóm Cổ đông nước ngoài có liên quan do Bà Trương Ngọc Phượng là Người đại diện được ủy quyền công bố thông tin

Chứng khoán PVS (tiếp theo)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông nội bộ trong kỳ

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ tính đến hết ngày 31/12/2022.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2022)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2022)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2022		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch Mua	Giao dịch Bán		
1	PHAN THANH TÙNG	Chủ tịch HĐQT	48.551	0,0102%	0	0		
2	LÊ MẠNH CƯỜNG	TV.HĐQT/ TGD	55.424	0,0116%	0	0		
3	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
4	ĐỖ QUỐC HOAN	TV.HĐQT	5.377	0,0011%	0	6.050	Bán	
5	TRẦN NGỌC CHƯƠNG	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
6	HOÀNG XUÂN QUỐC	TV độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
7	BÙI THU HÀ	Trưởng BKS	-	0,0000%	0	0		
8	BÙI HỮU VIỆT CƯỜNG	KSV	1.667	0,0003%	0	0		
9	PHẠM VĂN TIẾN	KSV	-	0,0000%	0	0		
10	TẠ ĐỨC TIẾN	PTGD	1.637	0,0003%	0	0		
11	NGUYỄN TRẦN TOÀN	PTGD	3.794	0,0008%	0	0		
12	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	PTGD	5.019	0,0011%	0	0		
13	TRẦN HỒ BẮC	PTGD	2.149	0,0004%	0	0		
14	TRẦN HOÀI NAM	PTGD	01	0,0000%	0	0		
15	PHẠM VĂN HÙNG	PTGD	5.803	0,0012%	0	0		
16	NGUYỄN VĂN BẢO	PTGD	79	0,0000%	0	0		
17	NGUYỄN ĐỨC THỦY	NCBTT/ Người PTQT	-	0,0000%	0	0		

Chứng khoán PVS (tiếp theo)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



Gần 16 năm "chinh chiến" trên thị trường chứng khoán, PTSC luôn xác định hoạt động chuyên nghiệp của công tác quan hệ Cổ đông đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp. Với nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, PTSC luôn bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, nhà đầu tư bằng việc: tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi của các Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông, cụ thể:

Tăng cường đối thoại:

Quyền tiếp cận thông tin của Cổ đông

Trong năm 2022, Tổng công ty PTSC đã tiếp xúc, gặp gỡ các Nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động SXKD hàng quý, Tổng công ty PTSC đã đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam và các Công ty quản lý quỹ nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư. Ngoài ra, các thông tin về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty PTSC được công bố chính xác, kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các Cổ đông.

Thảo luận và chất vấn tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch. Các vấn đề Cổ

đông đặt ra đều được Đoàn chủ tịch giải đáp, thông tin minh bạch, chính xác. Các nội dung góp ý, kiến nghị của Cổ đông tại cuộc họp đều được tiếp thu và nghiên cứu triển khai phù hợp.

Minh bạch thông tin:

PTSC luôn đề cao và hiểu được tính chất quan trọng của việc minh bạch thông tin, Tổng công ty PTSC đã áp dụng các giải pháp công nghệ trong việc công bố thông tin; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên trang website của Tổng công ty PTSC; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch. Đồng thời, Tổng công ty PTSC cũng kết hợp với các Công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp các thông tin về hoạt động Tổng công ty PTSC một cách chi tiết, đầy đủ và minh bạch nhất.

Những nỗ lực trong việc minh bạch hóa thông tin và trở thành đơn vị niêm yết tốt nhất trên thị trường của PTSC đã được ghi nhận trong gần 16 năm qua. Kể từ năm 2010, PTSC liên tiếp nhận những giải thưởng danh giá không chỉ về thương hiệu mà còn về đơn vị niêm yết uy tín, chất lượng.

Bảo vệ quyền lợi Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông:

Để thực hiện đúng mục tiêu "Bảo vệ tối đa quyền lợi Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa Cổ đông thiểu số - đa số, giữa Cổ đông trong nước - nước ngoài,

giữa Cổ đông nội bộ - bên ngoài" của Tổng công ty PTSC, Bộ phận quan hệ Cổ đông của Tổng công ty PTSC luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ Cổ đông về việc thực hiện các quyền của

Cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động Tổng công ty PTSC, tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, ủy quyền thực hiện quyền của Cổ đông, nhận cổ tức từ Tổng công ty PTSC...

DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2022

STT	Ngày Công bố thông tin	Trích yếu nội dung công bố thông tin
1	18/01/2022	Công bố Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
2	28/01/2022	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (năm 2021)
3	28/01/2022	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2021
4	28/01/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2021 so với Quý 4/2020
5	28/01/2022	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2021
6	28/01/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2021 so với Quý 4/2020
7	18/02/2022	Công bố Quyết định về Công tác cán bộ
8	07/03/2022	Công bố Quyết định về việc Bổ sung Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
9	09/03/2022	Công bố Nghị quyết về Hợp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022
10	10/03/2022	Thông báo về việc Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
11	30/03/2022	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2021 đã kiểm toán
12	30/03/2022	Giải trình chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2021 so năm 2020
13	30/03/2022	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán
14	30/03/2022	Giải trình chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 so với năm 2020
15	06/04/2022	Công bố Triệu tập Họp và nội dung dự thảo tài liệu Họp ĐHĐCĐ thường niên 2022

Chứng khoán PVS (tiếp theo)

STT	Ngày Công bố thông tin	Trích yếu nội dung công bố thông tin
16	06/04/2022	Thông báo về việc Hợp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022
17	19/04/2022	Công bố Báo cáo thường niên 2021
18	25/04/2022	Cập nhật, bổ sung nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
19	26/04/2022	Công bố Nghị quyết về Phê duyệt Nội dung và Tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông tại phiên Hợp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022 của Tổng công ty
20	29/04/2022	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2022
21	29/04/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý I/2022 so với Quý I/2021
22	29/04/2022	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2022
23	29/04/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2022 so với Quý 1/2021
24	29/04/2022	Công bố Biên bản, Nghị quyết Hợp ĐHĐCĐ thường niên 2022
25	14/06/2022	Công bố Ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm 2022
26	19/07/2022	Công bố Quyết định Thành lập Chi nhánh Tổng công ty tại Trung Đông
27	26/07/2022	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2022
28	26/07/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2022 so với Quý 2/2021
29	26/07/2022	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2022
30	26/07/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2022 so với Quý 2/2021
31	30/07/2022	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (06 tháng năm 2022)
32	19/08/2022	Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 06 tháng năm 2022 đã được soát xét
33	19/08/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2022

STT	Ngày Công bố thông tin	Trích yếu nội dung công bố thông tin
34	19/08/2022	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất 06 tháng năm 2022 đã được soát xét
35	19/08/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022
36	14/09/2022	Công bố Nghị quyết Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền
37	15/09/2022	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền
38	05/10/2022	Công bố các Quyết định về Công tác cán bộ
39	27/10/2022	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2022
40	26/10/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2022 so với Quý 3/2021
41	28/10/2022	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2022
42	28/10/2022	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2022 so với Quý 3/2021
43	16/12/2022	Công bố Quyết định về Phê duyệt địa điểm đăng ký thành lập, tên giao dịch tiếng Anh, ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh Tổng công ty tại Trung Đông
44	26/12/2022	Công bố Nghị quyết về việc Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
45	18/01/2023	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2022
46	18/01/2023	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2022 so với Quý 4/2021
47	19/01/2023	Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2022
48	19/01/2023	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2022 so với Quý 4/2021
49	30/01/2023	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (năm 2022)

Chứng khoán PVS (tiếp theo)



2022 là một năm biến động của thị trường

Sau một năm 2021 thăng hoa, sang năm 2022, lần đầu tiên trong lịch sử, chỉ số VN-Index đã đóng cửa trên 1.500 điểm vào ngày 6/1. Giá trị khớp lệnh thường xuyên vượt tỷ USD, đỉnh điểm vào ngày 10/1 thanh khoản toàn thị trường đã vượt hơn 2 tỷ USD - con số kỷ lục mà TTCK Việt Nam chưa từng chạm đến trong quá khứ. Thời điểm VN-Index trên đỉnh lịch sử, vốn hoá HoSE cũng thiết lập kỷ lục mới, hơn 6 triệu tỷ đồng vào những ngày đầu tháng 4, chỉ số VN-Index tiếp tục duy trì ở đỉnh cao lịch sử trong 3 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên sau đó, thị trường liên

tục đi xuống và nằm trong top giảm sâu nhất thế giới. Tới ngày 30/12, VN-Index xuống còn 1.007,09 điểm, thấp hơn 34,2% so với mức trên 1.520 điểm hồi đầu tháng 4.

Cũng trong năm 2022, giá dầu thế giới trời sập bất thường khi nửa đầu năm tăng cao và chạm tới 130 USD/thùng, sau đó giảm về vùng dưới 80 USD/thùng. Việc giá dầu biến động mạnh đã tác động lên kết quả kinh doanh năm 2022 cũng như giá cổ phiếu của nhóm dầu khí.

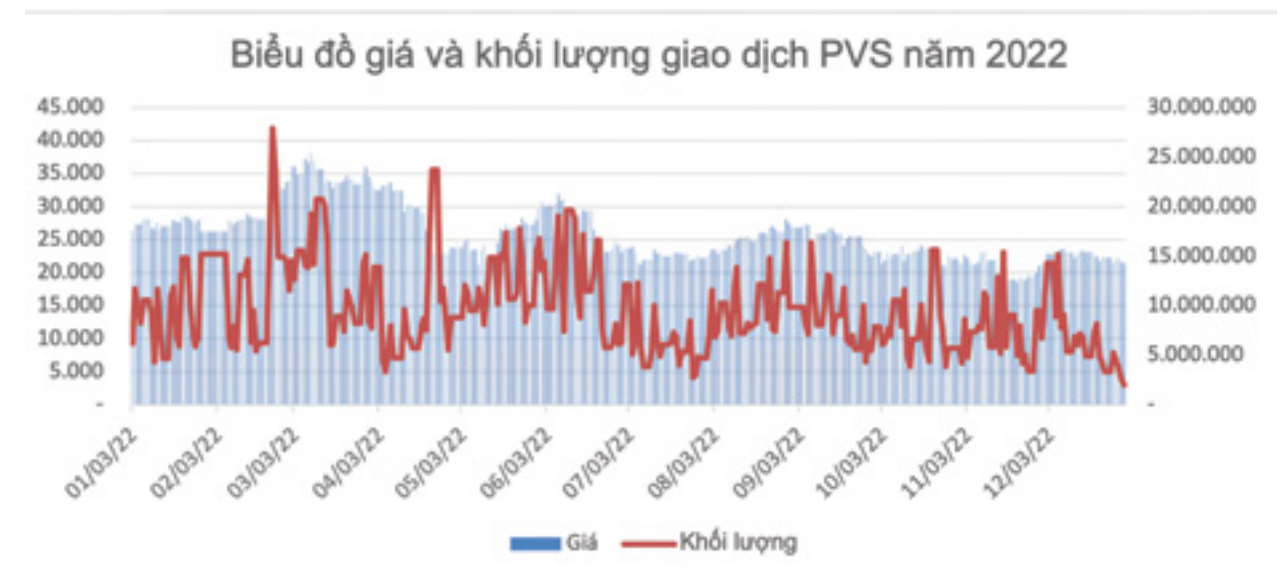
Biểu đồ giá dầu thô năm 2022

Nguồn: Bloomberg



Biểu đồ giá trị, khối lượng giao dịch cổ phiếu PVS năm 2022

Nguồn: Bloomberg



Chứng khoán PVS (tiếp theo)



Ngành dầu khí năm 2023: Kỳ vọng nhu cầu phục hồi

Nguồn cung dầu thô thế giới đã quay về gần mức trước dịch trong khi nhu cầu được dự báo sẽ giảm trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới trong năm 2023 không mấy tươi sáng do lạm phát và căng thẳng địa chính trị leo thang. Tuy nhiên sự suy giảm trên của nhu cầu được bù đắp một phần bởi xu hướng chuyển dịch từ sử dụng khí sang dầu khiến cân bằng cung-cầu không mấy chênh lệch và động thái cắt giảm sản lượng từ từ của OPEC+. Thêm vào đó, nhu cầu dầu được kỳ vọng sẽ phục hồi khi Trung Quốc dỡ bỏ phong tỏa, tái mở cửa nền kinh tế kể từ đầu tháng 01/2023. Các tổ chức dự báo giá dầu Brent bình quân năm 2023 đạt khoảng 80 USD/thùng và được đánh giá là điểm cân bằng cho cán cân cung-cầu. Cùng với mức giá cân bằng này thì các quốc gia sẽ duy trì việc khai thác cũng như phát triển các dự án dầu khí mới.

Tại Việt Nam, cùng với việc giá dầu được neo và ổn định trong thời gian dài, các dự án trọng điểm của ngành Dầu khí như Lô B Ô Môn, Sư Tử Trắng – giai đoạn 2B, Lạc Đà Vàng, Nam Du U Minh... nhiều khả năng sẽ được triển khai ngay trong năm 2023, điều này sẽ tạo ra một khối lượng công việc khổng lồ cho các Doanh nghiệp Dầu khí thượng nguồn như GAS, PVD, PVS...

Ngoài ra, cùng với xu hướng dịch chuyển năng lượng xanh, các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi đang được đẩy mạnh phát triển trong đó PVS là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực này với việc tham gia các dự án điện gió ngoài khơi tại Đài Loan, theo đó PVS sẽ được hưởng lợi nhiều nhất khi các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi được đẩy mạnh đầu tư trên thế giới cũng như tại Việt Nam trong thời gian sắp tới.



Lịch sử tăng vốn điều lệ của Tổng công ty

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000,00
2008	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	73.803.431	1.738,03
2009	Chào bán riêng lẻ cho Cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988,03
2010	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	98.998.663	2.978,02
2012	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	148.898.327	4.467,00
2018	Chia cổ tức bằng CP cho Cổ đông hiện hữu	31.269.002	4.779,66

Chứng khoán **PVS** (tiếp theo)

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN CỦA TỔNG CÔNG TY QUA CÁC NĂM

STT	Năm	Ngày chốt danh sách	Vốn điều lệ	Tỷ lệ chi trả (%)	Tổng tiền chi trả (nghìn VNĐ)
1	2007	14/3/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3	2008 (đợt 2)	25/6/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4	2009	12/5/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6	2011	25/5/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188
7	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8	2012 (đợt 2)	5/9/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9	2013	28/7/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10	2014	31/7/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11	2015	22/7/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13	2016 (đợt 2)	29/9/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14	2017 (đợt 1)	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
15	2017 (đợt 2)	31/10/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
16	2017 (bằng CP)	31/10/2018	4.467.004.210	100:7	312.690.295
17	2018	30/9/2019	4.779.662.900	7%	334.576.403
18	2019	23/11/2020	4.779.662.900	10%	477.966.290
19	2020	28/9/2021	4.779.662.900	10%	477.966.290
20	2021	28/9/2022	4.779.662.900	8%	382.373.032
Tổng cộng					6.626.564.880

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



136 Báo cáo tài chính

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10, số 0100150577, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hội đồng quản trị

Ông Phan Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Cường	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên
Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên (bầu ngày 4 tháng 1 năm 2022)
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên viên độc lập (bầu ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Lưu Đức Hoàng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thu Hà	Trưởng ban
Ông Bùi Hữu Việt Cường	Thành viên
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2022)
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Trụ sở chính

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 90. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 90.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0875-2018-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13108

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022	31.12.2021
			VND	VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.388.291.606.616	15.395.347.845.934
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.219.378.499.294	5.747.277.411.831
111	Tiền		3.689.136.368.050	3.483.868.789.231
112	Các khoản tương đương tiền		1.530.242.131.244	2.263.408.622.600
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.837.330.575.989	2.676.700.567.303
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	4.837.330.575.989	2.676.700.567.303
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		5.043.467.850.735	4.642.453.246.540
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.158.365.600.740	4.005.773.767.806
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	305.968.148.150	291.253.241.235
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	69.968.946.447	79.509.916.775
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	656.830.079.339	435.483.138.153
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(147.664.923.941)	(169.566.817.429)
140	Hàng tồn kho	10(a)	1.012.219.488.343	2.103.063.346.436
141	Hàng tồn kho		1.014.169.742.731	2.105.254.512.597
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.950.254.388)	(2.191.166.161)
150	Tài sản ngắn hạn khác		275.895.192.255	225.853.273.824
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	37.994.410.644	38.205.702.547
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		234.819.754.830	153.427.456.145
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19(a)	2.944.663.145	8.606.598.768
155	Tài sản ngắn hạn khác	12	136.363.636	25.613.516.364
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		9.439.480.033.302	9.475.590.955.954
210	Các khoản phải thu dài hạn		123.822.830.133	175.179.801.036
212	Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	485.669.637	22.898.287.338

Các thuyết minh từ trang 145 đến trang 228 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022	31.12.2021
			VND	VND
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	123.337.160.496	152.281.513.698
220	Tài sản cố định		3.040.183.166.385	2.990.741.353.230
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	2.973.164.199.046	2.977.407.413.214
222	Nguyên giá		12.400.929.737.366	12.118.345.721.437
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.427.765.538.320)	(9.140.938.308.223)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	67.018.967.339	13.333.940.016
228	Nguyên giá		187.999.064.578	127.255.860.720
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(120.980.097.239)	(113.921.920.704)
230	Bất động sản đầu tư	14	169.130.232.771	173.865.504.627
231	Nguyên giá		229.280.786.454	229.280.786.454
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(60.150.553.683)	(55.415.281.827)
240	Tài sản dở dang dài hạn		171.959.008.908	183.770.310.336
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15(a)	69.815.950.708	69.815.950.708
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15(b)	102.143.058.200	113.954.359.628
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.917.691.241.127	4.841.227.023.772
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	4.900.733.639.663	4.824.330.619.445
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	31.125.000.000	41.655.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(14.167.398.536)	(24.758.595.673)
260	Tài sản dài hạn khác		1.016.693.553.978	1.110.806.962.953
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	647.338.421.831	610.779.207.619
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	338.197.955.965	477.030.804.692
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	31.157.176.182	22.996.950.642
270	TỔNG TÀI SẢN		25.827.771.639.918	24.870.938.801.888

Các thuyết minh từ trang 145 đến trang 228 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022	31.12.2021
			VND	VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		12.879.176.838.661	12.263.174.213.775
310	Nợ ngắn hạn		9.198.890.888.791	8.692.190.774.502
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	5.301.151.233.703	4.281.695.231.480
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18(a)	213.682.326.442	221.767.130.827
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19(b)	98.873.145.235	202.798.839.015
314	Phải trả người lao động		620.879.890.466	577.014.632.663
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	902.067.010.917	1.211.808.399.603
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	17.741.336.460	230.585.550.110
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21(a)	10.707.454.076	57.765.278.437
319	Phải trả ngắn hạn khác	22(a)	593.925.466.931	586.729.643.125
320	Vay ngắn hạn	23(a)	752.208.505.290	711.101.884.029
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	24(a)	81.376.634.813	49.547.606.070
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	606.277.884.458	561.376.579.143
330	Nợ dài hạn		3.680.285.949.870	3.570.983.439.273
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	18(b)	781.044.054.435	854.528.821.993
333	Chi phí phải trả dài hạn		-	143.375.872
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21(b)	190.488.163.928	187.553.913.712
337	Phải trả dài hạn khác	22(b)	69.699.115.385	69.697.498.385
338	Vay dài hạn	23(b)	623.765.467.201	534.043.674.869
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	764.257.125.923	832.810.743.790
342	Dự phòng phải trả dài hạn	24(b)	1.245.471.401.158	1.083.795.138.812

Các thuyết minh từ trang 145 đến trang 228 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2022	31.12.2021
			VND	VND
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	26	5.560.621.840	8.410.271.840
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.948.594.801.257	12.607.764.588.113
410	Vốn chủ sở hữu		12.948.594.801.257	12.607.764.588.113
411	Vốn góp của chủ sở hữu	27, 28	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	28	39.617.060.000	39.617.060.000
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	394.170.781.659	284.397.049.341
418	Quỹ đầu tư phát triển	28	3.214.094.269.215	3.081.668.462.592
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	28	3.790.999.491.754	3.694.279.582.577
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		2.928.678.969.182	3.035.884.533.418
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		862.320.522.572	658.395.049.159
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28, 29	730.050.298.629	728.139.533.603
440	TỔNG NGUỒN VỐN		25.827.771.639.918	24.870.938.801.888


Dương Thị Ngọc Quý
Người lập


Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 145 đến trang 228 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022	2021
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.378.973.957.230	14.277.024.605.794
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.461.436.399)	(17.036.288.370)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.372.512.520.831	14.259.988.317.424
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(15.457.885.001.543)	(13.392.532.628.153)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	914.627.519.288	867.455.689.271
21	Doanh thu hoạt động tài chính	489.061.740.268	277.549.431.638
22	Chi phí tài chính	(162.633.555.590)	(94.374.867.465)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(50.646.884.587)	(45.619.511.092)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	657.204.081.658	506.796.118.343
25	Chi phí bán hàng	(79.326.222.890)	(89.440.083.792)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(827.935.784.059)	(712.481.910.717)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	990.997.778.675	755.504.377.278
31	Thu nhập khác	219.113.496.653	234.883.459.609
32	Chi phí khác	(36.471.133.930)	(20.975.713.140)
40	Lợi nhuận khác	182.642.362.723	213.907.746.469
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.173.640.141.398	969.412.123.747
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(158.908.973.293)	(329.426.287.184)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(70.279.230.860)	110.721.051.886
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	944.451.937.245	750.706.888.449
Phân bổ cho:			
61	Chủ sở hữu của Công ty mẹ	883.636.252.979	674.602.999.567
62	Cổ đông không kiểm soát	60.815.684.266	76.103.888.882
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.575	887
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.575	887

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập

Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng

Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 145 đến trang 228 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022	2021
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.173.640.141.398	969.412.123.747
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	471.172.463.810	491.375.748.133
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	171.301.288.691	(208.847.911.651)
04	Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.156.712.303	18.690.777.026
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(977.788.945.720)	(719.915.705.425)
06	Chi phí lãi vay	50.646.884.587	45.619.511.092
07	Các khoản điều chỉnh khác	(2.284.833.333)	(26.892.519.520)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	917.843.711.736	569.442.023.402
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	(350.311.498.468)	995.270.619.983
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	1.082.924.544.326	71.185.514.681
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	448.669.409.834	(1.414.443.832.711)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	(36.347.922.309)	30.650.778.369
14	Tiền lãi vay đã trả	(45.933.086.253)	(45.200.893.212)
15	Thuế TNDN đã nộp	(285.957.005.772)	(155.145.199.635)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(233.230.894.195)	(189.737.172.438)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.497.657.258.899	(137.978.161.561)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(498.418.211.861)	(252.646.370.694)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	62.976.905.532	13.065.790.259
23	Tiền chi để gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(6.378.205.000.000)	(4.170.534.557.415)

Các thuyết minh từ trang 145 đến trang 228 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty có 5 chi nhánh và 1 văn phòng đại diện; 13 công ty con sở hữu trực tiếp; 6 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp; và 1 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Thông tin chi tiết được trình bày như sau:

Các chi nhánh và văn phòng đại diện

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, Đường 3/2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
5	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
6	Văn phòng đại diện Tổng công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	Số 142, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh tại nước ngoài

Ngày 19/7/2022, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-PTSC-HĐQT về việc thành lập Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Trung Đông. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang hoàn tất các thủ tục liên quan để thành lập Chi nhánh theo quy định.

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2022		31.12.2021	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Chế tạo, xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất, công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
3	Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí	Malaysia	100	100	100	100
5	Công ty Cổ phần ("CP") Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	95,19	95,19	95,19	95,19
6	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	84,95	84,95	84,95	84,95
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	59,61	59,61	59,61	59,61

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2022		31.12.2021	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
8	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp: chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	54,69	54,69	54,69	54,69
9	Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu Khí PTSC	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO"), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
10	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp và cảng container	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	51	51	51	51
11	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	Tp. Hà Nội, Việt Nam				
12	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam				
13	Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CGGV (*)	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn, 2D, 3D	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam				

Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp

1	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Malaysia	60	50	60	50
2	PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	51	50	51	50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2022		31.12.2021	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
3	PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Singapore	51	50	51	50
4	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Malaysia	49	50	49	50
5	Rong Doi MV12 Private Limited ("MV12")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	33	33	33	33
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard")	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy các phương tiện nổi	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	28,75	28,75	28,75	28,75
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	21,46	36	21,46	36

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) về việc chấm dứt Hợp đồng liên doanh trước thời hạn và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV ("PTSC CGGV") theo các văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ.

Từ năm 2018 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PTSC CGGV đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của PTSC CGGV đánh giá và quyết định trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của PTSC CGGV theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty có 6.935 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7.115 nhân viên).



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và trên cơ sở kế toán hoạt động liên tục, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5 và báo cáo tài chính của PTSC CGGV được lập trên cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như đã nêu tại Thuyết minh 1.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, hàng hóa và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc

thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

- » Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của các công ty được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Tổng công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty này sang đồng tiền báo cáo của Tổng công ty theo nguyên tắc sau:
- » Tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- » Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn;
- » Giá trị tài sản thuần của các công ty này do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- » LNST chưa phân phối phát sinh sau ngày mua các công ty này được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- » Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân của năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- » Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Đối với công ty con, phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tổng công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" và phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"; và
- » Khi thanh lý các công ty này, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng năm thanh lý các công ty đó.

2.4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần

lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày

đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm kế toán. Nếu ngày kết thúc năm kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm kế toán của các công ty và ngày kết thúc năm kế toán của Tổng công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghị quyết và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST hoặc lỗ lũy kế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng công ty được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong liên doanh và các công ty liên kết, Tổng công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng công ty với các công ty liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền

mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn theo quy định. Các khoản phải thu được xóa sổ theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo năm hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua, và các chi phí khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được do Tổng công ty tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ như chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập, theo các quy định kế toán hiện hành, cho hàng tồn kho bị lỗi thời, kém chất lượng, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính

này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh giá vốn hàng bán trong năm.

2.9. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có năm hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc từ ngày mua và được xác định theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo năm hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá

gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng trong năm là doanh thu và chi phí. Tổng công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường

và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối năm. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

2.11. Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện

trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 45 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 12 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất năm mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng, hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng	48 – 49 năm
---------------	-------------

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.15. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- » Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- » Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo năm hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.16. Vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên thứ ba.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo năm hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo. Việc ghi nhận chi phí phải trả được xác định trên cơ sở đã xác định được nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian thanh toán.

2.18. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới do kết quả từ các sự kiện đã xảy ra; và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế, và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở khoản tiền sẽ

phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Tổng công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Doanh thu chưa thực hiện được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.20. Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) LNST chưa phân phối

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tổng công ty tại thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

điểm báo cáo.

2.21. Phân chia lợi nhuận

Phương án phân chia LNST TNDN của Tổng công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm Nghị quyết của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm: chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu bằng hình thức bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được sử dụng cho mục đích khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và thưởng ban quản lý điều hành.

2.22. Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- » Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- » Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- » Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- » Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- » Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- » Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Tổng công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.10.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.25. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm: chi phí quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng và các chi phí bán hàng khác.

2.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng công ty bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và các chi phí khác.

2.27. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập

tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế TNDN của Tổng công ty được ước tính dựa vào các quy định hiện hành về thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của

cơ quan thuế và sự thay đổi của những quy định về thuế.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân cũng được coi là liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận

cơ bản của Tổng công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

2.30. Ước tính kế toán quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản; việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán; cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022	2021
	VND	VND
Tiền mặt	9.203.959.093	8.081.845.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.679.704.682.612	3.475.359.795.561
Tiền đang chuyển	227.726.345	427.147.855
Các khoản tương đương tiền (*)	1.530.242.131.244	2.263.408.622.600
	5.219.378.499.294	5.747.277.411.831

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 1% đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2% đến 4,6%/năm).

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	2022		2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	4.837.330.575.989	4.837.330.575.989	2.676.700.567.303	2.676.700.567.303

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và trên 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất là 3,5% đến 10,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2,8% đến 6,55%/năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2021		2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	1.624.677.039.235	-	4.900.733.639.663	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	31.125.000.000	(14.167.398.536)	31.125.000.000	(24.758.595.673)
	1.655.802.039.235	4.931.858.639.663	1.666.332.039.235	4.865.985.619.445

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2022				2021			
		Giá gốc		Giá trị ghi sổ		Giá gốc		Giá trị ghi sổ	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Rong Doi MV12 Private Limited (i)	106.022.400	-	(*)	106.022.400	-	(*)	-	(*)
2	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	292.324.455.887	1.918.999.285.578	(*)	292.324.455.887	1.716.765.047.707	(*)		
3	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	156.473.118.448	1.110.441.811.262	(*)	156.473.118.448	1.068.022.437.067	(*)		
4	PTSC South East Asia Private Limited (iv)	340.800.232.500	950.599.205.954	(*)	340.800.232.500	1.059.534.498.178	(*)		
5	PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	641.415.780.000	886.283.700.151	(*)	641.415.780.000	937.065.686.889	(*)		
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (vi)	171.957.430.000	-	(*)	171.957.430.000	-	(*)		
7	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	21.600.000.000	34.409.636.718	(*)	21.600.000.000	42.942.949.604	(*)		
		1.624.677.039.235	4.900.733.639.663		1.624.677.039.235	4.824.330.619.445			

Biến động của đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.624.677.039.235	1.624.677.039.235
Kết quả kinh doanh thuần từ các công ty liên doanh, liên kết:		
Số dư đầu năm	3.199.653.580.210	3.317.174.459.671
Lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm (*)	657.204.081.658	506.796.118.343
Cổ tức được chia	(689.932.500.000)	(548.447.100.000)
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính trong năm	109.131.438.560	(75.869.897.804)
Số dư cuối năm	4.900.733.639.663	4.824.330.619.445

(*) Trong đó, chi tiết lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	431.545.021.382	417.834.486.284
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	149.242.046.794	165.778.622.729
PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	121.600.790.793	(50.059.813.719)
Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	(613.312.886)	10.705.651.494
PTSC South East Asia Private Limited (iv)	(44.570.464.425)	(37.462.828.445)
Rong Doi MV12 Private Limited (i)	-	-
	657.204.081.658	506.796.118.343

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn mà Tổng công ty nắm giữ tỷ lệ lâu dài nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Rong Doi MV12 Private Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và các đối tác Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd (Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd được thành lập tại Nhật) vào năm 2006 để đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Rong Doi MV12") với sức chứa 300.000 thùng dầu cho Công ty Korea National Oil Corporation ("KNOC") thuê từ năm 2007 để phục vụ khai thác dầu tại mỏ Rồng Đôi – Rồng Đôi Tây thuộc Lô 11-2 ngoài khơi Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 07 năm cố định và được gia hạn từng năm cho đến khi hết thời hạn sử dụng của FSO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại Rong Doi MV12 Private Limited là 6.600 USD, tương đương 106.022.400 Đồng.

(ii) Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad ("MISC") từ năm 2009 để:

- » đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Orkid") sức chứa 650.000 thùng dầu cho Repsol Oil & Gas Malaysia Limited thuê để phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 CAA thuộc khu vực chông lán Việt Nam - Malaysia từ năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; và
- » đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Golden Star") sức chứa 654.717 thùng dầu cho Idemitsu Gas Production Viet Nam Company Limited thuê phục vụ khai thác tại cụm mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt thuộc Lô 05-1b & 05 – 1c ngoài khơi Việt Nam với thời hạn hợp đồng trong vòng 7 năm từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 11 năm 2027 và có thể gia hạn thêm 8 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại MVOT là 17.258.911 USD, tương đương 292.324.455.887 Đồng.

(iii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác MISC từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO "Ruby II"). Từ tháng 6 năm 2010, FPSO "Ruby II" được đưa vào khai thác phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Công ty Petronas Carigali Vietnam Limited tại Lô 01&02 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam đến ngày

9 tháng 9 năm 2017. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Petronas Carigali Vietnam Limited, thực hiện hợp đồng với VOFT theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Petronas Carigali Vietnam Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại VOFT là 8.784.000 USD, tương đương 156.473.118.448 Đồng.

(iv) PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad từ năm 2011 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT- ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "PTSC Bien Dong 01") cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông ("BDPOC") thuê phục vụ khai thác dầu thô tại Lô 05.2 và Lô 05.3 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 USD, tương đương 3.071.478.027.530 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 USD chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC SEA là 16.320.000 USD, tương đương 340.800.232.500 Đồng.

(v) PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad từ năm 2012 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT- ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO "PTSC Lam Son") cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển tại mỏ Thăng Long – Đông Đô thuộc Lô 01/97 và Lô 02/97, vùng trũng Cửu

Long tại vùng biển Việt Nam đến 30/06/2017. Từ ngày 01/07/2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Lam Son JOC tiếp tục thuê FPSO "PTSC Lam Son". Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 USD, tương đương 9.113.372.709.795 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 USD chiếm 27,9% vốn đầu tư. Trong năm 2018, hai bên góp vốn của PTSC AP đã thực hiện giảm vốn góp từ 100.000.000 USD xuống còn 60.000.000 USD tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các chủ sở hữu. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC AP là 30.600.000 USD, tương đương 641.415.780.000 Đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ đăng ký là 594.897.870.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp của Tổng công ty tại công ty này là 171.957.430.000 Đồng, chiếm 28,75% vốn điều lệ.

(vii) Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải ("Cảng Thị Vải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 Đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2022				2021			
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	(819.246.567)	(*)	3.000.000.000	(810.237.811)	(*)		
2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	28.125.000.000	(13.348.151.969)	(*)	28.125.000.000	(13.418.357.862)	(*)		
3	Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (**)	-	-	(*)	10.530.000.000	(10.530.000.000)	(*)		
		31.125.000.000	(14.167.398.536)		41.655.000.000	(24.758.595.673)			

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn mà Tổng công ty nắm giữ tỷ lệ lâu dài nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Theo Quyết định số 01/2021/QĐ-TBP ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai về việc tuyên bố phá sản đối với Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (Công ty con của Tổng Công ty, đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao) đã quyết định sử dụng khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đã trích lập để bù đắp toàn bộ tổn thất cho khoản đầu tư này và thực hiện xóa khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao theo Nghị quyết số 23/NQ-SMBĐ-DHĐCD ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	24.758.595.673	22.740.306.198
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng (Thuyết minh 35)	(61.197.137)	2.018.289.475
Xóa sổ	(10.530.000.000)	-
Số dư cuối năm	14.167.398.536	24.758.595.673

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Bên thứ ba		
Liên danh TPSK	255.380.294.767	297.761.391.378
North Oil Company	226.188.814.534	84.382.055.890
Văn phòng điều hành ("VPĐH") Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Tp. Hồ Chí Minh	101.727.334.015	252.496.624.027
Daewoo Shipbuilding & Marine Engineering Company Limited	87.381.716.912	6.521.167.415
VPĐH Công ty Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	46.479.111.718	18.934.669.505
Hyundai Heavies Industries	42.978.194.772	20.878.755.920
Technip Geoproduction (M) Sdn Bhd	42.344.509.025	357.961.449
Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam	29.079.843.417	32.902.457.057
Japan Vietnam Petroleum Company Limited	23.910.629.839	18.404.729.002
EGL Waste Services Proprietary Company	23.291.802.936	-
Allianz Marine Services LLC	23.228.572.500	-
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	19.721.049.165	-
GE Global Parts & Products GmbH	19.349.756.022	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	19.191.122.405	-
Korea National Oil Corporation	18.122.645.268	17.799.964.620
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	17.187.538.609	24.999.950.417
Chevron Thailand Exploration and Production Limited	16.729.461.379	195.017.834.095

	2022	2021
Công ty CP Xây dựng Minh Anh	16.669.265.711	16.669.265.711
Enterprize Energy Private Limited	16.252.738.735	4.943.452.603
Ponticelli Upstream LLC	14.323.184.232	-
Công ty TNHH Thoresen Vinama Logistics	1.379.494.800	21.000.209.718
Sapura Fabricatio Sdn Bhd	-	33.969.673.393
Bên thứ ba khác	437.943.513.289	486.186.332.234
	1.498.860.594.050	1.533.226.494.434
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	2.659.505.006.690	2.472.547.273.372
	4.158.365.600.740	4.005.773.767.806

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Bên thứ ba		
Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	100.613.950.134	100.613.950.134
Kocks Ardelt Kranbau GmbH	44.816.994.964	13.065.328.864
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	20.945.574.000	-
Công ty CP SCI E&C	13.588.401.409	13.728.101.409
Công ty CP Kỹ thuật Toàn Thắng	9.542.076.250	564.232.536
Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM	8.006.087.689	8.006.087.689
Công ty CP Bạch Đằng Thăng Long	7.880.461.392	7.880.461.392
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí và Năng lượng Bình Minh	6.758.539.600	-
Công ty CP Xây dựng Số 7	1.237.987.712	13.812.212.195
Công ty CP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen	-	16.246.344.703
Bên thứ ba khác	89.297.995.237	115.110.595.460
	302.688.068.387	289.027.314.382
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	3.280.079.763	2.225.926.853
	305.968.148.150	291.253.241.235

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Bên thứ ba	485.669.637	22.898.287.338

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty không có khoản trả trước cho người bán dài hạn nào đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7. PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	2022	2021
	VND	VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	69.968.946.447	79.509.916.775
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(17.741.336.460)	(230.585.550.110)
	52.227.609.987	(151.075.633.335)
Trong đó:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	8.090.392.632.584	6.169.938.706.844
Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(8.038.165.022.597)	(6.321.014.340.179)
	52.227.609.987	(151.075.633.335)

Chi tiết của phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Phải thu		
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	66.657.433.451	-
Dự án NPK	3.311.512.996	11.927.115.975
Dự án EPC kho chứa LNG Thị Vải	-	67.582.800.800
	69.968.946.447	79.509.916.775

	2022	2021
Phải trả		
Dự án Tổ hợp hoá dầu Miền Nam	17.741.336.460	107.783.812.138
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	-	122.801.737.972
	17.741.336.460	230.585.550.110

8. PHẢI THU KHÁC

	2022		2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu trích trước cho dịch vụ đã cung cấp				
Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	204.294.220.794	-	-	-
Daewoo Shipbuilding & Marine Engineering Company Limited	42.917.553.000	-	-	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	24.394.736.436	-	12.188.084.868	-
Hibiscus Oil & Gas Malaysia Limited	22.423.561.125	-	-	-
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	17.251.709.860	-	-	-
VPĐH Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Tp. Hồ Chí Minh	13.944.392.121	-	-	-
PTSC Ca Rong Do Limited	-	-	167.778.181.818	-
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	-	10.047.098.575	-
Công ty CP LONGSB5 Việt Nam	-	-	15.352.971.376	-
PTTEP International Limited	-	-	16.498.055.302	-
Khác	66.424.963.300	-	44.631.384.892	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	79.626.280.883	-	37.174.931.265	-
Ký quỹ, ký cược	39.472.889.833	-	33.416.954.634	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	35.031.435.403	-	30.237.827.359	-

	2022		2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khoản phạt hợp đồng	30.702.486.737	-	6.219.161.494	-
Tạm ứng	14.689.285.135	-	13.955.469.103	-
Khác	65.656.564.712	(539.678.779)	47.983.017.467	(3.339.526.892)
	656.830.079.339	(539.678.779)	435.483.138.153	(3.339.526.892)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

(a) Ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	111.796.610.223	135.792.313.470
Khác	11.540.550.273	16.489.200.228
	123.337.160.496	152.281.513.698

Chi tiết phải thu khác theo đối tượng được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Bên thứ ba	587.586.559.959	303.229.345.490
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	69.243.519.380	132.253.792.663
	656.830.160.496	435.483.138.153
Dài hạn		
Bên thứ ba	123.337.160.496	152.281.513.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2022				
	Giá trị nợ quá hạn gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Berlanga Myanmar Private Limited	11.640.833.613	-	(11.640.833.613)	Trên 3 năm
Marsol Offshore Construction LLC	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)	Trên 3 năm
Khác	34.897.895.336	12.391.717.124	(22.506.178.212)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	67.625.148.056	12.391.717.124	(55.233.430.932)	
Bên liên quan				
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	52.771.243.442	21.424.354.455	(31.346.888.987)	Trên 1 năm - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	24.204.947.715	431.474.670	(23.773.473.045)	Trên 1 năm - Trên 3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2022				
	Giá trị nợ quá hạn gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên thứ ba				
VPĐH ENI Vietnam B.V tại Tp. Hồ Chí Minh	26.723.500	18.706.450	(8.017.050)	Trên 6 tháng - Dưới 1 năm
Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	3.341.560.613	2.809.898.884	(531.661.729)	Trên 6 tháng - Trên 2 năm
	3.368.284.113	2.809.898.884	(539.678.779)	
	223.603.980.008	75.939.056.067	(147.664.923.941)	

	2021			
	Giá trị nợ quá hạn gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Berlanga Myanmar Private Limited	13.606.079.660	6.759.006.477	(6.847.073.183)	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Marsol Offshore Construction L.L.C	11.641.505.712	672.099	(11.640.833.613)	Trên 1 năm - Dưới 3 năm
Khác	112.750.975.972	74.944.030.837	(37.806.945.135)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	151.530.480.074	81.703.709.413	(69.826.770.661)	
Bên liên quan				
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	68.416.092.099	35.162.060.575	(33.254.031.524)	Trên 1 năm - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	37.369.296.504	8.865.219.165	(28.504.077.339)	Trên 2 năm - Trên 3 năm

	2021			
	Giá trị nợ quá hạn gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên liên quan				
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)	Trên 3 năm
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	8.060.004.136	20.618.966	(8.039.385.170)	Trên 2 năm - Trên 3 năm
Khác	88.864.849.954	77.360.321.944	(11.504.528.011)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	217.808.740.525	121.408.220.650	(96.400.519.876)	
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	3.642.003.000	858.674.000	(2.783.329.000)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
Khác	971.195.501	414.997.609	(556.197.892)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	4.613.198.501	1.273.671.609	(3.339.526.892)	
	373.952.419.100	204.385.601.672	(169.566.817.429)	

10. HÀNG TỒN KHO

(a) Hàng tồn kho

	2022		2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	(Trình bày lại - Thuyết minh 45)			
Hàng mua đang đi đường	4.575.537.419	-	17.459.964.469	-
Nguyên vật liệu	487.166.345.056	(1.950.254.388)	317.084.388.344	(2.191.166.161)
Công cụ, dụng cụ	33.962.050.503	-	39.612.745.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	483.780.382.516	-	1.727.593.388.708	-
Hàng hóa	4.685.427.237	-	3.504.025.621	-
	1.014.169.742.731	(1.950.254.388)	2.105.254.512.597	(2.191.166.161)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

	2022	2021
	VND	VND
	(Trình bày lại - Thuyết minh 45)	
Dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam	133.706.746.341	153.653.341.964
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	73.661.271.292	491.631.126.125
Dự án gia công kết cấu thép cho GE	55.352.712.974	34.975.771.970
Dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	29.495.548.939	19.651.465.611
Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	25.700.524.450	86.116.992.560
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	25.040.610.200	10.572.637.253
Dự án cho thuê tàu khảo sát (DSV) tại Thái Lan	19.213.272.854	-
Dự án Kho chứa xăng dầu Mái Dầm - Hậu Giang	16.760.417.816	-
Dịch vụ cung cấp FPSO	5.834.421.896	12.575.577.235

	2022	2021
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	-	646.018.678.266
Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	-	202.475.155.036
Khác	99.014.855.754	69.922.642.688
	483.780.382.516	1.727.593.388.708

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.191.166.161	62.052.324.254
Hoàn nhập dự phòng	(240.911.773)	(59.861.158.093)
Số dư cuối năm	1.950.254.388	2.191.166.161

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị của các loại thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế sử dụng để sửa chữa các phương tiện vận tải có kế hoạch thực hiện trên 12 tháng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	15.007.057.413	15.374.902.246
Công cụ, dụng cụ	11.865.749.785	11.777.860.629
Chi phí thuê đất và thuê bãi	4.519.129.429	4.787.092.096
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	975.447.496	559.300.792
Khác	5.627.026.521	5.706.546.784
	37.994.410.644	38.205.702.547

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Trả trước tiền thuê văn phòng tại Trụ sở chính Số 1-5 Lê Duẩn	263.185.980.666	270.158.138.070
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	109.597.249.468	84.130.616.375
Trả trước tiền thuê đất tại Cảng Đình Vũ	103.454.161.157	107.720.312.129
Trả trước tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	87.625.978.026	90.114.098.310
Công cụ, dụng cụ	42.809.607.265	31.981.257.533
Chi phí nạo vét Cảng Vũng Tàu	13.935.073.219	-
Trả trước tiền thuê nhà xưởng tại Vũng Tàu	6.457.544.100	13.522.045.426
Khác	20.272.827.930	13.152.739.776
	647.338.421.831	610.779.207.619

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của PTSC CGGV được lập theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, theo đó, các tài sản còn lại của PTSC CGGV được đánh giá lại và ghi nhận theo giá trị

thuần có thể thực hiện được. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị thuần có thể thực hiện được của tài sản PTSC CGGV là 136.363.636 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 25.613.516.364 Đồng) được phân loại là tài sản ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

13. TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.557.800.213.557	2.590.316.592.679	5.651.302.690.111	204.452.752.247	114.473.472.843	12.118.345.721.437
Mua trong năm	34.716.169.519	120.011.707.458	260.163.874.798	46.755.171.217	363.000.000	462.009.922.992
Hình thành từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	12.674.870.204	1.923.096.783	-	-	-	14.597.966.987
Tặng khác	6.660.973.803	-	-	726.264.000	45.890.954	7.433.128.757
Thanh lý, nhượng bán	(1.438.511.530)	(2.466.504.613)	(164.556.420.138)	(3.790.160.932)	-	(172.251.597.213)
Phân loại lại	(12.699.211.386)	-	-	12.699.211.386	-	-
Giảm khác	-	(4.722.080.351)	(24.483.325.243)	-	-	(29.205.405.594)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.597.714.504.167	2.705.062.811.956	5.722.426.819.528	260.843.237.918	114.882.363.797	12.400.929.737.366
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 (Trình bày lại - Thuyết minh 45)	2.454.118.866.667	1.862.542.962.606	4.596.380.216.080	184.620.900.725	43.275.362.145	9.140.938.308.223

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Khác		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Khấu hao trong năm	89.953.882.529		151.169.793.448		197.057.677.214		16.480.053.328		4.313.086.400		458.974.492.919	
Tăng khác	-		-		-		110.890.923		-		110.890.923	
Thanh lý, nhượng bán	(344.211.677)		(1.608.679.728)		(164.556.420.138)		(3.790.160.932)		-		(170.299.472.475)	
Phân loại lại	(12.699.211.386)		-		-		12.699.211.386		-		-	
Giảm khác	(371.528.019)		(1.540.270.142)		(46.883.109)		-		-		(1.958.681.270)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.530.657.798.114		2.010.563.806.184		4.628.834.590.047		210.120.895.430		47.588.448.545		9.427.765.538.320	

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 (Trình bày lại - Thuyết minh 45)	1.103.681.346.890	727.773.630.073	1.054.922.474.031	19.831.851.522	71.198.110.698	2.977.407.413.214
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.067.056.706.053	694.499.005.772	1.093.592.229.481	50.722.342.488	67.293.915.252	2.973.164.199.046

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tổng công ty là 6.513 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.653 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 23) với nguyên giá là 1.772 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.590 tỷ Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm		Khác		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá								
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.473.220.117		123.943.378.889		1.839.261.714		127.255.860.720	
Mua trong năm	-		8.486.847.446		320.000.000		8.806.847.446	
Hình thành từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	-		2.550.000.000		-		2.550.000.000	
Tăng khác (Thuyết minh 15) (*)	49.953.879.029		-		-		49.953.879.029	
Thanh lý, nhượng bán	(163.000.117)		(404.522.500)		-		(567.522.617)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	51.264.099.029		134.575.703.835		2.159.261.714		187.999.064.578	

Khấu hao lũy kế

Quyền sử dụng đất	Phần mềm		Khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	405.804.250	111.676.854.740	1.839.261.714		113.921.920.704
Khấu hao trong năm	26.204.400	7.329.827.961	106.666.674		7.462.699.035
Thanh lý, nhượng bán	-	(404.522.500)	-		(404.522.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	432.008.650	118.602.160.201	1.945.928.388		120.980.097.239
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.067.415.867	12.266.524.149	-		13.333.940.016
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	50.832.090.379	15.973.543.634	213.333.326		67.018.967.339

(*) Tăng khác chủ yếu là khoản thanh toán tiền sử dụng đất lâu dài của Lô đất 1838,9m2 tại số 266 đường Lê Lợi, phường 7, TP. Vũng Tàu căn cứ theo phiếu chuyển thông tin địa chính số 130/VPBKQSDĐ ngày 22 tháng 2 năm 2011 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, quyết định chuyển mục đích số 236/QĐ-UBND ngày 25 tháng 1 năm 2021, quyết định phê duyệt giá đất cụ thể số 3879A/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 111 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 103 tỷ Đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiết của bất động sản đầu tư như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê:		
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta	96.923.514.168	98.911.251.276
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta	72.206.718.603	74.954.253.351
	169.130.232.771	173.865.504.627

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- » Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta có nguyên giá là 131.881.668.267 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 48 năm; và
- » Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta có nguyên giá 97.399.118.187 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 49 năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

2022, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 5.203.799.784 Đồng (năm 2021: 5.203.799.784 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 4.735.271.856 Đồng (năm 2021: 4.735.271.856 Đồng).

Biến động trong năm của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng	
VND	
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	
và ngày 31 tháng 12 năm 2022	229.280.786.454
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	55.415.281.827
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	60.150.553.683
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	173.865.504.627
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	169.130.232.771

Tổng công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc năm kế toán.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn như sau:

	2022		2021	
	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (i)	301.308.440.489	-	301.308.440.489	-
Dự án Bio Ethanol (ii)	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708
	371.124.391.197	69.815.950.708	371.124.391.197	69.815.950.708

- (i) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 liên quan đến hạng mục thiết kế nước ngoài do nhà thầu Black & Veatch International thực hiện. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Chủ đầu tư chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị của hạng mục này. Tổng công ty đã thực hiện đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này tại Biên bản đánh giá hàng tồn kho số 07/BB-PTSCLP của Hội đồng đánh giá hàng tồn kho - chi phí dở dang hạng mục chi phí tư vấn thiết kế nước ngoài được thành lập theo Quyết định số 0934/QĐ-PTSCLP ngày 21 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Tổng công ty đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên với giá trị tương ứng là 301.308.440.489 Đồng.
- (ii) Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bio - Ethanol Dung Quất đã hoàn tất phần xây dựng cơ sở hạ tầng, bàn giao cho chủ đầu tư là Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung và đang thực hiện các thủ tục để thanh quyết toán hợp đồng. Số dư của hạng mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 69.815.950.708 Đồng tương ứng với 5% giá trị của hợp đồng, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực hiện xong việc quyết toán theo các điều khoản của hợp đồng và đồng thời sẽ ghi nhận doanh thu tương ứng. Theo đó, giá trị có thể thu hồi sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cuối cùng của hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành việc quyết toán hợp đồng.

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	39.077.291.806	35.101.032.941
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	14.205.945.582	-
Dự án mở rộng xưởng cơ khí tại Dung Quất	8.948.032.336	-
Tổ máy phát điện đồng bộ tại PTSC M&C	8.405.832.400	-
Bãi chứa hàng tại cảng Phú Mỹ	7.195.094.533	-
Dự án tôn tạo cảnh quan trước khu Dịch vụ Dầu khí tổng hợp Dung Quất	5.880.355.437	5.880.355.437
Quyền sử dụng đất của Lô đất 1838,9m2 tại số 266 Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu	-	49.463.685.500
Khác	18.430.506.106	23.509.285.750
	102.143.058.200	113.954.359.628

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	113.954.359.628	166.003.418.817
Mua mới	55.290.544.588	229.323.881.770
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(14.597.966.987)	(281.372.940.959)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 13(b))	(52.503.879.029)	-
Số dư cuối năm	102.143.058.200	113.954.359.628

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Chi tiết của thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	338.197.955.965	477.030.804.692
Thuế TNDN hoãn lại phải trả:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	(716.322.166.782)	(749.280.589.891)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(47.934.959.141)	(83.530.153.899)
	(764.257.125.923)	(832.810.743.790)

Biến động của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	477.030.804.692	337.988.470.122
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(832.810.743.790)	(804.489.461.046)
Số dư đầu năm	(355.779.939.098)	(466.500.990.924)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(70.279.230.860)	110.721.051.826
Số dư cuối năm	(426.059.169.958)	(355.779.939.098)
Trong đó:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	338.197.955.965	477.030.804.692
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(764.257.125.923)	(832.810.743.790)

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	268.165.211.724	381.018.014.842
Lỗi tính thuế chưa sử dụng	33.732.254.026	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	(525.118.026.591)	(554.067.854.137)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(191.204.140.191)	(195.212.735.754)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	(7.764.134.455)	9.821.024.379
Khác	(3.870.334.471)	2.661.611.572
	(426.059.169.958)	(355.779.939.098)

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai, trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
	VND	VND	VND
Năm 2017	120.559.346.350	11.299.309.508	-
Năm 2018	1.148.231.854.546	669.900.165	1.147.561.954.381
Năm 2019	572.038.836.697	-	572.038.836.697
Năm 2020	152.088.082.779	-	152.088.082.779
Năm 2021	7.019.175.537	-	7.019.175.537
Năm 2022	275.638.608.080	-	275.638.608.080

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Bên thứ ba	2022		2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Velocity Energy Private Limited	439.549.116.086	439.549.116.086	68.588.751.616	68.588.751.616
Công ty CGG Services SA	117.750.571.539	117.750.571.539	113.731.272.637	113.731.272.637
CGG Veritas Services (Singapore) Private Limited	113.352.838.715	113.352.838.715	109.483.652.058	109.483.652.058
Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Dương	99.000.847.583	99.000.847.583	44.197.707.828	44.197.707.828
CGG Marine B.V.	89.111.760.721	89.111.760.721	86.070.019.205	86.070.019.205
Kinergy Limited	74.365.505.885	74.365.505.885	31.079.520	31.079.520
Shelf Subsea Solutions Private Limited	73.818.277.611	73.818.277.611	70.141.248.588	70.141.248.588
Petroleum Technology Company W.L.L	62.038.525.499	62.038.525.499	141.624.671	141.624.671
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	59.992.827.687	59.992.827.687	59.992.827.687	59.992.827.687
AH&M Energy Services Private Limited	55.455.621.084	55.455.621.084	10.666.421.358	10.666.421.358
Công ty CP Dịch vụ Công trình ngầm Thiên Nam	51.147.820.449	51.147.820.449	1.980.000.000	1.980.000.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	50.212.235.694	50.212.235.694	4.856.271.853	4.856.271.853
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	49.625.646.410	49.625.646.410	35.831.702.252	35.831.702.252
Công ty CP SCI E&C	45.772.580.686	45.772.580.686	45.912.280.686	45.912.280.686
Công ty CP Kỹ thuật Toàn Thắng	44.118.148.594	44.118.148.594	22.170.483.295	22.170.483.295
Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn	42.062.400.000	42.062.400.000	42.062.400.000	42.062.400.000

	2022		2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Bắc Biển Đông	41.563.025.000	41.563.025.000	24.827.000.000	24.827.000.000
Ultra Deep Van Gogh Private Limited	32.707.108.833	32.707.108.833	121.008.007.292	121.008.007.292
Trelleborg Singapore Private Limited	29.586.257.883	29.586.257.883	-	-
Tổng công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	29.362.325.348	29.362.325.348	-	-
Federal Hardware Engineering Company Private Limited	29.236.754.365	29.236.754.365	8.097.394.962	8.097.394.962
Ocean Works Asia Private Limited	28.646.155.965	28.646.155.965	27.668.347.860	27.668.347.860
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí và Năng lượng Bình Minh	28.472.470.643	28.472.470.643	13.424.341.876	13.424.341.876
Công ty TNHH Technip Việt Nam	26.826.934.604	26.826.934.604	8.064.698.212	8.064.698.212
Công ty CP Việt xuân mới Miền Nam	-	-	58.549.339.456	58.549.339.456
Technip Marine (M) Sdn Bhd	-	-	49.444.658.196	49.444.658.196
Rosemary Overseas Limited	-	-	35.491.642.920	35.491.642.920
Khác	1.818.734.855.861	1.818.734.855.861	1.545.000.880.872	1.545.000.880.872
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	3.532.510.612.745	3.532.510.612.745	2.607.434.054.900	2.607.434.054.900
	1.768.640.620.958	1.768.640.620.958	1.674.261.176.580	1.674.261.176.580
	5.301.151.233.703	5.301.151.233.703	4.281.695.231.480	4.281.695.231.480

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên khi đến hạn thanh toán.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Bên thứ ba		
Cục xăng dầu - Tổng cục hậu cần	23.804.431.928	-
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát	20.878.500.000	-
Yunnan (HongKong) Logistics Development Limited	16.117.443.493	17.540.255.268
Phu bia Mining Limited	13.819.167.108	8.030.885.544
Liên danh TPSK	-	54.408.599.849
Thầu chính THCV TK CC TBCN và TC XDCT Nhà máy Điện gió Viên An	-	19.190.325.000
Bên thứ ba khác	28.273.841.487	36.562.480.481
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	102.893.384.016	135.732.546.142
	110.788.942.426	86.034.584.685
	213.682.326.442	221.767.130.827

(b) Dài hạn

Người mua trả tiền trước dài hạn chủ yếu thể hiện giá trị của:

- » Khoản tiền Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 trả trước cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 781.044.054.435 Đồng (Thuyết minh 41(b)). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và chủ đầu tư chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị phần công việc nên chưa thực hiện bù trừ công nợ thanh toán từ khoản trả trước nêu trên với chủ đầu tư.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	2022	2021
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	580.253.767	6.114.531.893
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") nộp thừa	1.880.109.440	2.427.238.283
Thuế khác nộp thừa	484.299.938	64.828.592
	2.944.663.145	8.606.598.768

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2022	2021
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 45)
Thuế GTGT	27.309.383.811	10.545.280.024
Thuế TNDN	30.453.666.955	162.622.207.373
Thuế TNCN	14.740.232.966	9.893.805.640
Khác	26.369.861.503	19.737.545.978
	98.873.145.235	202.798.839.015

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước như sau:	Tại ngày 1.1.2022	Phải nộp trong năm	Đã trả trong năm	Tại ngày 31.12.2022
	VND	VND	VND	VND
	(Trình bày lại - Thuyết minh 45)			
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.545.280.022	129.460.606.217	(113.174.702.292)	26.831.183.947
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	23.731.193.143	(23.731.193.143)	-
Thuế nhập khẩu	-	4.112.703.234	(4.112.703.234)	-
Thuế TNDN	156.921.445.666	158.908.973.294	(285.957.005.772)	29.873.413.188
Thuế TNCN	7.466.567.357	170.834.567.069	(165.441.010.900)	12.860.123.526
Khác	19.258.947.202	128.972.240.655	(121.867.426.428)	26.363.761.429
	194.192.240.247	616.020.283.612	(714.284.041.769)	95.928.482.090
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8.606.598.768			2.944.663.145
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	202.798.839.015			98.873.145.235

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí Dự án Hải Long OSS	207.594.771.162	-
Chi phí Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	162.402.290.044	38.810.450.468
Chi phí Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	112.369.105.600	14.259.026.057
Chi phí Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	78.727.903.847	767.489.265.772
Chí phí thuê bãi tại KCN Tàu thủy Nghi Sơn	45.000.000.000	40.000.000.000
Chi phí Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	36.282.719.944	4.729.162.365
Chi phí Dự án DBN PWM	34.872.836.686	-
Chi phí Dự án SHWE Phase 3 Jacket	32.016.538.543	72.615.143.923
Chi phí Dự án Bio Ethanol Dung Quất	27.726.930.636	27.726.930.636
Chi phí dịch vụ cung cấp tàu dịch vụ dầu khí	20.942.243.973	11.346.693.992
Chi phí hoạt động kho nổi FPSO Ruby II, FPSO Lam Sơn, FSO Bien Dong 01 và FSO Golden Star	11.200.588.561	25.936.490.807
Chi phí Dự án PVN15	10.868.089.857	10.626.044.225
Chi phí Dự án xây dựng đường ống biển Nam côn Sơn 2	10.552.489.986	-
Chi phí Dự án điện gió Thăng Long	9.135.846.496	2.387.320.382
Chi phí Dự án Tank Cleaning	9.009.397.500	-
Chi phí dịch vụ cung cấp FSO chứa LPG lạnh tại khu vực phía Bắc	8.327.628.744	48.325.341.906
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chất và công trình ngầm	5.336.007.289	24.791.501.909
Chi phí sửa chữa lớn thường xuyên	4.190.577.500	19.612.790.710
Chi phí thiết kế, mua sắm, chế tạo trên bờ cho dự án SAT DSV campaign - Thailand	2.213.233.683	47.900.627.156
Chi phí phải trả khác	73.297.810.866	55.251.609.295
	902.067.010.917	1.211.808.399.603

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (ii)	5.203.799.784	5.203.799.784
Cho thuê văn phòng (iii)	2.752.200.000	12.042.250.000
Dịch vụ cho thuê tàu dịch vụ phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (i)	-	17.272.727.261
Dự án thiết kế, mua sắm, chế tạo trên bờ cho dự án SAT DSV campaign - Thailand (iv)	-	17.600.454.300
Khác	2.751.454.292	5.646.047.092
	10.707.454.076	57.765.278.437

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (ii)	180.664.363.928	185.868.163.712
Cho thuê văn phòng (iii)	9.823.800.000	1.685.750.000
	190.488.163.928	187.553.913.712

- Trong đó:
- (i) Dịch vụ cho thuê tàu dịch vụ phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn thể hiện khoản thanh toán nhận trước từ Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn theo Hợp đồng số 037/2016/NSRP.OPE-PTSC ngày 7 tháng 10 năm 2016 về việc sử dụng tàu và cung cấp dịch vụ hàng hải trong 15 năm kể từ năm 2019. Số dư doanh thu chưa thực hiện này đã được phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
 - (i) Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình thể hiện giá trị của khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất tại Cơ sở hạ tầng 39,8 ha và cơ sở hạ tầng 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.
 - (i) Cho thuê văn phòng thể hiện giá trị của các khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê văn phòng tại Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê của từng hợp đồng từ 10 năm đến 15 năm.
 - (i) Số dư doanh thu chưa thực hiện này đã được phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (i)	430.146.510.262	414.334.908.728
Phải trả cho người lao động	39.979.099.469	34.297.622.077
Tiền phạt, bồi thường	24.483.325.243	-
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	17.990.739.344	20.292.705.013
Bảo hiểm bắt buộc	2.044.665.969	11.373.787.948
Khác	79.281.126.644	106.430.619.359
	593.925.466.931	586.729.643.125

- (i) Phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là khoản thanh toán đợt cuối cho chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu F505 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, hai bên đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để thanh toán cho khoản phải trả này.

Chi tiết theo đối tượng của phải trả ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Bên thứ ba	560.671.556.356	575.360.746.332
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	33.253.910.575	11.368.896.793
	593.925.466.931	586.729.643.125

(b) Dài hạn

Khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện khoản đặt cọc của Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí về việc cung cấp tàu và dịch vụ vận hành tàu kho nổi chứa LPG lạnh trong 3 năm tại khu vực phía Bắc theo Hợp đồng số 36/HĐKN/2021/KDK-PTSC/04 ngày 31 tháng 3 năm 2021 với tổng số tiền là 69.473.052.000 Đồng.

23. CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2022	Giải ngân trong năm	Hoàn trả nợ vay trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Đánh giá chênh lệch tỷ giá	Tại ngày 31.12.2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
(i) Vay ngân hàng						
Vay ngắn hạn	-	53.275.931.616	(53.275.931.616)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	93.942.586.772	-	(104.449.208.262)	123.123.173.886	622.052.200	113.238.604.596
(ii) Vay bên thứ ba (*)	617.159.297.257	-	-	-	21.810.603.437	638.969.900.694
	711.101.884.029	53.275.931.616	(157.725.139.878)	123.123.173.886	22.432.655.637	752.208.505.290

(*) Đây là khoản vay bằng Đô la Mỹ của PTSC CGGV với CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị mà CGG Holding B.V., phải góp vốn vào PTSC CGGV tương ứng với tỷ lệ 49% vốn điều lệ của PTSC CGGV và giá trị tài sản của CGG Holding B.V., đã chuyển giao cho PTSC CGGV tại thời điểm thành lập là năm 2012, có thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng, hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo phụ lục I được 2 bên thỏa thuận và ký kết ngày 9 tháng 1 năm 2023. Khoản vay này được Công ty mẹ bảo lãnh cho nghĩa vụ phải trả của PTSC CGGV tương ứng với 51% giá trị số dư của khoản vay.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của PTSC CGGV được lập theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, theo đó, nợ phải trả của PTSC CGGV được phân loại lại là nợ phải trả ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022	Giải ngân trong năm	Hoàn trả nợ vay trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Đánh giá chênh lệch tỷ giá	Tại ngày 31.12.2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	534.043.674.869	212.844.966.218	-	(123.123.173.886)	-	623.765.467.201

(*) Các khoản vay dài hạn với ngân hàng của Tổng công ty thể hiện giá trị của 9 khoản vay với các ngân hàng thương mại có phần tại Việt Nam, trong đó:

- » Khoản vay 1 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 3 tỷ Đồng, có thời hạn là 36 tháng tính từ năm 2020;
- » Khoản vay 2 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 1.5 tỷ Đồng, có thời hạn là 36 tháng tính từ năm 2020;
- » Khoản vay 3 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 65 tỷ Đồng, có thời hạn là 120 tháng tính từ năm 2017;
- » Khoản vay 4 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 70 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2020;
- » Khoản vay 5 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 15.6 tỷ Đồng, có thời hạn là 60 tháng tính từ năm 2021;
- » Khoản vay 6 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 675 tỷ Đồng có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2018;
- » Khoản vay 7 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 640 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 96 tháng tính từ năm 2021;
- » Khoản vay 8 là là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 19 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022; và
- » Khoản vay 9 là là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tin dụng tối đa là trên 90 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022.

Lãi suất của các khoản vay bằng Đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là từ 5.57%/năm đến 12.17%/năm (năm 2021: từ 2,92%/năm đến 8,1%/năm).

Tổng công ty sử dụng tài sản hình thành từ các khoản vay để làm tài sản thế chấp.

Mục đích của các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là để đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.



Các khoản vay của Tổng công ty được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	2022	2021
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	752.208.505.290	711.101.884.029
Trong năm thứ 2	114.955.708.297	87.023.794.069
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	343.370.223.565	257.329.621.016
Sau 5 năm	165.439.535.339	189.690.259.784
	1.375.973.972.491	1.245.145.558.898

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

	2022	2021
	VND	VND
Dự phòng chi phí vận hành bảo dưỡng FPSO Lam Sơn (ii)	41.579.866.001	41.579.866.001
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (i) cho:		
Dự án NH3	9.817.750.067	-
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	10.146.140.249	-
Khác	19.832.878.496	7.967.740.069
	81.376.634.813	49.547.606.070

(b) Dài hạn

	2022	2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (i) cho:		
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	660.337.559.260	556.582.755.036
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	251.386.169.293	251.386.169.293

	2022	2021
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	100.664.990.072	-
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	66.621.273.873	66.621.273.873
Dự án kho chứa LNG Thị Vải	51.362.076.637	-
Dự án Sư Tử Trắng Fullfield	32.750.000.000	164.942.040.802
Dự án Hải Long OSS	26.618.411.932	-
Dự án SHWE Phase 3 Jacket	14.564.674.921	-
Dự án khác	22.916.692.891	30.600.830.178
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ (iii)	18.249.552.279	13.662.069.630
	1.245.471.401.158	1.083.795.138.812

- (i) Dự phòng bảo hành công trình được trích lập để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng EPC đã ký với khách hàng, tính trên 1% - 5% giá trị hợp đồng.
- (i) Dự phòng phải trả chi phí vận hành, bảo dưỡng FPSO Lam Sơn bao gồm giá trị Tổng công ty có khả năng phải trả cho Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí ("PVEP") liên quan đến Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đã ký giữa Tổng công ty và Công ty Điều hành chung Lam Sơn, một liên doanh giữa PVEP và Petronas.
- (i) Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ để đảm bảo nguồn chi phí cho việc sửa chữa định kỳ tàu. Chi phí dự phòng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm cho đến năm dự kiến việc sửa chữa xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán đó.

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	561.376.579.143	359.937.152.664
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 28)	284.155.299.404	396.556.328.838
Sử dụng quỹ	(239.253.994.089)	(195.116.902.359)
Số dư cuối năm	606.277.884.458	561.376.579.143

26. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.410.271.840	38.596.359.996
Trích quỹ	1.199.900.000	538.050.000
Sử dụng quỹ	(1.764.716.667)	(3.728.268.636)
Hoàn nhập quỹ	(2.284.833.333)	(26.995.869.520)
Số dư cuối năm	5.560.621.840	8.410.271.840

27. VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	477.966.290	-	477.966.290	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	477.966.290	-	477.966.290	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	477.966.290	-	477.966.290	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38	245.565.000	51,38
Phần vốn của các đối tượng khác	232.401.290	48,62	232.401.290	48,62
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	477.966.290	100	477.966.290	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Tổng cộng
		VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	477.966.290	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	477.966.290	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	477.966.290	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

28. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa phân phối	Tổng cộng cổ đông không kiểm soát	Lợi ích của Tổng cộng vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	4.779.662.900.000	39.617.060.000	2.995.104.942.632	360.314.913.497	3.970.850.786.921	12.145.550.603.050	12.884.117.151.627
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	674.602.999.567	76.103.888.882	750.706.888.449
(Trích bày lại - Thuyết minh 45)	-	-	-	-	(477.966.000.000)	(75.980.717.000)	(553.946.717.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(386.033.369.136)	(10.522.959.702)	(396.556.328.838)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	86.563.192.762	-	(86.563.192.762)	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(75.917.864.156)	-	(75.917.864.156)	(75.917.864.156)
Khác	-	-	327.198	-	(611.642.013)	(27.227.154)	(638.541.969)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.081.668.462.592	284.397.049.341	3.694.279.582.577	11.879.625.054.510	12.607.764.588.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Vốn góp của chủ sở hữu	VND	Thặng dư vốn cổ phần	VND	Quỹ đầu tư và phát triển	VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	VND	LNST chưa phân phối	VND	Tổng cộng	VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	883.636.252.979	883.636.252.979	883.636.252.979	883.636.252.979	60.815.684.266	60.815.684.266	944.451.937.245	944.451.937.245
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	-	(382.373.032.000)	(382.373.032.000)	(382.373.032.000)	(382.373.032.000)	(46.867.485.000)	(46.867.485.000)	(429.240.517.000)	(429.240.517.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) (**)	-	-	-	-	-	-	-	(272.117.865.164)	(272.117.865.164)	(272.117.865.164)	(272.117.865.164)	(12.037.434.240)	(12.037.434.240)	(284.155.299.404)	(284.155.299.404)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	132.425.446.638	-	-	-	(132.425.446.638)	(132.425.446.638)	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	109.773.732.318	109.773.732.318	-	-	109.773.732.318	109.773.732.318	-	-	109.773.732.318	109.773.732.318
Khác	-	-	-	359.985	-	-	-	-	-	359.985	359.985	-	-	359.985	359.985
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.214.094.269.215	394.170.781.659	3.790.999.491.754	12.218.544.502.628	730.050.298.629	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257	12.948.594.801.257

(*) Chia cổ tức được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông các công ty con.
(**) Trích lập các quỹ của Công ty mẹ và các công ty con được thực hiện theo Nghị quyết số 188/NQ-DVKT-DHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông các công ty con.

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

29. CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.523.361.857.420	1.523.361.857.420
Quỹ đầu tư phát triển	140.249.285.726	133.916.447.678
Lỗ chưa phân phối	(933.560.844.517)	(929.138.771.495)
	730.050.298.629	728.139.533.603

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	728.139.533.603	738.566.548.577
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 28)	60.815.684.266	76.103.888.882
Lợi nhuận đã chia (Thuyết minh 28)	(46.867.485.000)	(75.980.717.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	(12.037.434.240)	(10.522.959.702)
Khác	-	(27.227.154)
Số dư cuối năm	730.050.298.629	728.139.533.603

30. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021
	(Trình bày lại - Thuyết minh 45) (**)	
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	883.636.252.979	674.602.999.567
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND) (*)	(130.917.730.413)	(250.802.134.750)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	752.718.522.566	423.800.864.817
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290	477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.575	887
(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Tổng công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2022.		
(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2021 đã được các cổ đông phê chuẩn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2022 như sau:		

	31.12.2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	601.160.329.023	73.442.670.544	674.602.999.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(166.193.204.619)	(84.608.930.131)	(250.802.134.750)
	434.967.124.404		423.800.864.816
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290		477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	911		887

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm các ngoại tệ sau:

	2022	2021
Đồng Đô la Mỹ ("USD")	122.567.651	115.197.762
Đồng Euro ("EUR")	1.932	1.887
Đồng Bảng Anh ("GBP")	244.701	244.708
Đồng Rub Nga ("RUB")	1.531.537	1.532.395

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể trả/thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 43.

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	160.049.816.793	57.458.771.025
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	7.572.229.113.459	6.945.120.396.245
Doanh thu thuần của các hợp đồng xây dựng (*)	8.646.695.026.978	7.274.445.438.524
	16.378.973.957.230	14.277.024.605.794
Chiết khấu thương mại	(6.461.436.399)	(17.036.288.370)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần về bán hàng hóa	160.049.816.793	57.458.771.025
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	7.565.767.677.060	6.928.084.107.875

	2022	2021
Doanh thu thuần của các hợp đồng xây dựng (*)	8.646.695.026.978	7.274.445.438.524
	16.372.512.520.831	14.259.988.317.424
(*) Trong đó doanh thu lũy kế của các công trình lớn:		
	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành trong năm	203.820.101.259	46.046.697.084
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đang thực hiện trong năm	45.222.012.484.253	37.247.517.427.976
33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP		
	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	143.116.340.408	51.435.983.630
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.832.536.752.780	6.118.748.411.219
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	8.482.231.908.355	7.222.348.233.304
	15.457.885.001.543	13.392.532.628.153
34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	257.607.958.530	201.289.875.918
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	231.453.781.738	76.259.555.720
	489.061.740.268	277.549.431.638

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	50.646.884.587	45.619.511.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	109.851.961.014	46.737.066.898
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 4 (b))	(61.197.137)	2.018.289.475
Khác	2.195.907.126	-
	162.633.555.590	94.374.867.465

36. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	46.654.856.275	45.540.621.439
Chi phí nhân viên	5.554.410.659	19.615.812.666
Khác	27.116.955.956	24.283.649.687
	79.326.222.890	89.440.083.792

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	388.148.549.278	409.741.595.076
Chi phí khấu hao	26.513.917.071	25.384.812.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.853.161.214	173.097.834.049
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(21.942.335.931)	(29.183.559.940)
Khác	229.362.492.427	133.441.229.359
	827.935.784.059	712.481.910.717

38. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2022	2021
	VND	VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng (*)	139.219.443.007	179.288.425.580
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	62.976.905.532	11.829.711.164
Phạt vi phạm hợp đồng	5.265.247.890	9.081.241.009
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	2.284.833.333	26.995.869.520
Khác	9.367.066.891	7.688.212.336
	219.113.496.653	234.883.459.609
Chi phí khác		
Tiền phạt, bồi thường	(27.270.048.191)	(13.939.665.678)
Khác	(9.201.085.739)	(7.036.047.462)
	(36.471.133.930)	(20.975.713.140)
Lợi nhuận khác	182.642.362.723	213.907.746.469

(*) Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng thể hiện giá trị hoàn nhập số dư của khoản dự phòng bảo hành đã trích lập sau khi Tổng công ty đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bảo hành theo phạm vi, thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng và đã được chủ đầu tư xác nhận.

39. THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.173.640.141.398	969.412.123.747
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.173.640.141.398	973.881.916.968
Lỗ kế toán trước thuế TNDN	-	(4.469.793.221)
	1.173.640.141.398	969.412.123.747
Các điều chỉnh tăng	803.911.785.067	1.460.083.912.986
Các điều chỉnh giảm	(1.368.998.274.300)	(706.003.906.167)
Điều chuyển lỗ	(11.969.209.673)	(16.896.718.087)
Tổng thu nhập tính thuế	596.584.442.492	1.706.595.412.479
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế	872.223.050.572	1.713.747.790.923
Lỗ tính thuế	(275.638.608.080)	(7.152.378.444)
Thuế TNDN tại thuế suất 20%	174.444.610.114	342.749.558.185
Ưu đãi thuế	(5.612.680.065)	(8.963.427.897)
Thuế TNDN thừa các năm trước	(9.922.956.756)	(4.359.843.104)
Thuế TNDN hiện hành (*)	158.908.973.293	329.426.287.184

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được tạm tính căn cứ trên thu nhập chịu thuế năm tài chính 2022 và có thể được điều chỉnh khi thực hiện quyết toán thuế TNDN.

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.839.008.172.451	2.617.801.099.680
Chi phí nhân viên	2.665.829.516.626	2.402.673.846.697
Chi phí khấu hao	471.172.463.800	491.375.748.133
Chi phí liên quan các hợp đồng xây dựng	3.178.401.264.225	4.720.735.955.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.224.348.601.180	3.275.498.992.713
Khác	986.057.348.126	657.832.184.903
	16.364.817.366.408	14.165.917.827.866

41. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 51,38% vốn cổ phần của Tổng công ty (Thuyết minh 27). Theo đó, PVN, các công ty thành viên cùng Tập đoàn PVN, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty được xem là các bên liên quan của Tổng công ty. Ngoài các công ty liên doanh, liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1 và Thuyết minh 4, trong năm Tổng công ty có các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP PVI	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí nước ngoài	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2022	2021
	VND	VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Khí Việt Nam	1.327.606.947.966	951.062.523.236
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	859.814.788.815	1.218.045.098.968
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	452.065.990.360	480.289.833.165
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	405.541.429.471	282.858.759.133
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	396.424.346.251	430.697.465.303
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	300.252.282.587	114.933.406.150
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	270.362.530.408	265.992.619.834
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	80.427.973.936	28.750.036.702
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	51.631.641.033	39.489.441.555
PTSC Ca Rong Do Limited	-	167.778.181.818
Bên liên quan khác	161.650.866.180	183.295.057.371
	4.305.778.797.007	4.163.192.423.235
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PTSC Asia Pacific Pte Limited	458.154.365.699	600.250.419.680
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	184.378.153.567	111.822.150.985
PTSC South East Asia Pte Limited	173.111.066.645	182.314.152.025
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	144.899.290.513	77.546.348.135
Tổng công ty Dầu Việt Nam	140.360.790.900	50.971.583.741
Tổng công ty Khí Việt Nam	118.412.302.817	86.269.973.678
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	117.849.757.280	5.204.619.216
Công ty CP PVI	97.512.932.917	85.272.331.343
Bên liên quan khác	119.270.880.124	111.520.942.968
	1.553.949.540.462	1.311.172.521.771

	2022	2021
	VND	VND
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	36.802.489.400	21.950.121.000
Trong đó:		
Ông Phan Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT	3.159.513.000	2.008.745.000
Ông Lê Mạnh Cường - Tổng Giám đốc	3.072.405.000	2.110.718.000
Ông Đỗ Quốc Hoan - Thành viên HĐQT	2.627.957.000	1.614.248.000
Ông Nguyễn Xuân Ngọc - Thành viên HĐQT	2.435.920.000	1.470.798.000
Ông Trần Ngọc Chương - Thành viên HĐQT	2.216.434.000	-
Các quản lý khác	23.290.260.400	14.745.612.000
iv) Nhận tiền bồi thường bảo hiểm liên quan đến rò rỉ đường ống Sao Vàng Đại Nguyệt		
Công ty CP PVI	103.365.000.000	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022	2021
	VND	VND
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.674.097.577.097	1.635.248.057.021
Tổng công ty Khí Việt Nam	289.178.126.432	125.909.830.714
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	157.176.228.387	156.738.176.730
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	87.004.855.241	118.773.558.216
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	78.601.214.063	82.293.897.273
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	61.921.861.414	67.053.976.870
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	58.047.251.404	71.317.203.829
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	55.521.290.635	34.200.373.634
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	42.333.538.764	38.513.085.853
Công ty CP Lọc hoá dầu Bình Sơn	42.018.944.002	30.073.584.916
Ban QLDA Công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	37.203.110.659	37.203.110.659
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	27.422.792.587	43.254.728.491
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	21.134.066.548	7.070.384.093

	2022	2021
Bên liên quan khác	27.844.149.457	24.897.305.073
	2.659.505.006.690	2.472.547.273.372
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.812.100.373	-
Bên liên quan khác	1.467.979.390	2.225.926.853
	3.280.079.763	2.225.926.853
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	24.394.736.436	12.188.084.868
Tập đoàn Dầu khí Việt nam	10.632.042.898	10.632.042.898
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	10.201.866.972	4.291.319.436
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	10.061.561.353	10.061.561.353
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	44.602.700	10.047.098.575
Bên liên quan khác	13.908.709.021	85.033.685.533
	69.243.519.380	132.253.792.663
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PTSC Asia Pacific Private Limited	1.524.200.231.117	1.506.278.128.866
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	120.981.575.780	31.501.779.473
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	31.472.096.144	19.305.709.587
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	25.172.836.075	27.021.667.086
PTSC South East Asia Private Limited	14.789.841.150	56.218.405.200
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	10.192.872.876	13.020.056.401
Bên liên quan khác	41.831.167.816	20.915.429.967
	1.768.640.620.958	1.674.261.176.580
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Tổng công ty Khí Việt Nam	51.514.955.821	37.791.032.173
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	45.816.725.642	45.816.725.642
Tổng công ty Dầu Việt Nam	10.900.068.788	-
Bên liên quan khác	2.557.192.175	2.426.826.870
	110.788.942.426	86.034.584.685
vi) Người mua trả tiền trước dài hạn (Thuyết minh 18(b))		

	2022	2021
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	781.044.054.435	781.044.054.435
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	65.986.958.343
	781.044.054.435	847.031.012.778
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 22(a))		
Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn	24.515.340.677	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	5.977.154.193	2.692.225.602
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	6.536.414.822
Bên liên quan khác	1.092.203.471	471.044.135
	33.253.910.575	11.368.896.793

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
Tổng công ty hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh
Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO, FPSO	Cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO")
Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Dịch vụ căn cứ cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho tài sản và nợ phải trả như sau:

2022											
	Dịch vụ tàu kỹ thuật đầu khí	Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất dầu thô F50/FP50	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	2.597.948.026.597	5.149.693.712.210	1.063.541.041.183	3.151.000.002.046	8.578.193.624.756	1.947.086.006.264	1.379.934.270.566	(4.415.753.877.557)	19.451.642.806.065		
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									3.276.056.600.426		
Tài sản không phân bổ									3.100.072.233.427		
Tổng tài sản									25.827.771.639.918		
Nợ phải trả bộ phận	1.764.123.025.566	2.471.666.639.338	1.742.193.723.706	1.077.434.807.294	5.694.232.609.273	755.650.434.495	464.623.555.969	(2.114.742.297.826)	11.855.182.497.815		
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									525.118.026.591		
Nợ phải trả không phân bổ									498.876.314.255		
Tổng nợ phải trả									12.879.176.838.661		

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

2021											
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất dầu thô F50/FP50	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	2.199.308.448.748	6.421.656.349.024	933.715.591.999	3.256.687.813.289	7.724.967.835.496	2.039.804.576.228	1.543.306.728.745	(4.232.746.902.114)	19.886.700.441.415		
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									3.199.653.580.210		
Tài sản không phân bổ									1.784.584.780.263		
Tổng tài sản									24.870.938.801.888		
Nợ phải trả bộ phận	1.318.892.718.705	2.520.040.619.812	1.669.644.810.439	1.177.864.780.878	5.284.909.114.931	831.665.466.905	448.068.600.431	(2.263.822.464.021)	10.987.263.648.080		
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									554.067.854.137		
Nợ phải trả không phân bổ									721.842.711.558		
Tổng nợ phải trả									12.263.174.213.775		

Mẫu số B 09 – DN/HN



Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho doanh thu và giá vốn như sau:

2022									
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô F50/FP50	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ cẩu cù cảng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	1.569.961.573.888	1.874.174.246.051	510.485.548.290	1.455.197.718.558	8.697.061.554.613	1.554.804.359.457	710.827.519.974	-	16.372.512.520.831
Doanh thu thuần cho bên liên quan	375.955.966.824	391.377.104.331	-	161.154.507.850	463.125.194.861	343.492.877.916	124.392.471.069	(1.859.498.122.851)	-
	1.945.917.540.712	2.265.551.350.382	510.485.548.290	1.616.352.226.408	9.160.186.749.474	1.898.297.237.373	835.219.991.043	(1.859.498.122.851)	16.372.512.520.831
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.425.033.481.160)	(1.734.967.870.118)	(465.542.165.267)	(1.127.955.997.986)	(8.535.373.421.394)	(1.520.890.894.957)	(648.121.170.661)	-	(15.457.885.001.543)
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(374.167.259.664)	(390.010.449.331)	-	(167.482.488.045)	(515.460.426.637)	(343.492.877.916)	(79.964.936.937)	1.870.578.438.530	-
	(1.799.200.740.824)	(2.124.978.319.449)	(465.542.165.267)	(1.295.438.486.031)	(9.050.833.848.031)	(1.864.383.772.873)	(728.086.107.598)	1.870.578.438.530	(15.457.885.001.543)
Lợi nhuận bộ phận gộp	144.928.092.728	139.206.375.933	44.943.383.023	327.241.720.572	161.688.133.219	33.913.464.500	62.706.349.313	-	914.627.519.288

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2022									
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô F50/FP50	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ cẩu cù cảng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(907.262.006.949)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									326.428.184.678
Phân lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									657.204.081.658
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									990.997.778.675
Lãi thuần từ hoạt động khác									182.642.362.723
Lợi nhuận trước thuế									1.173.640.141.398
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(158.908.973.295)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(70.279.230.860)
Lợi nhuận sau thuế									944.451.937.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2021									
Dịch vụ tàu kỹ thuật đầu khí	Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất đầu thô FSO/FP50	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ cẩu cở cảng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng	
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	1.567.360.741.880	1.977.452.302.243	285.148.180.581	1.567.630.916.655	7.239.313.360.672	1.096.379.885.542	526.702.929.851	-	14.259.988.317.424
Doanh thu thuần cho bên liên quan	234.939.338.396	392.649.259.372	17.208.545.269	168.771.832.632	597.303.898.949	1.144.140.616.081	108.323.251.541	(2.663.336.742.240)	-
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	1.802.300.080.276	2.370.101.561.615	302.356.725.850	1.736.402.749.287	7.836.617.259.621	2.240.520.501.623	635.026.181.392	(2.663.336.742.240)	14.259.988.317.424
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(1.441.794.240.474)	(1.767.848.919.019)	(262.165.490.485)	(1.242.566.795.379)	(7113.493.476.783)	(1.046.716.337.251)	(517.947.368.762)	-	(13.392.532.628.153)
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(234.939.338.396)	(390.982.089.702)	(18.543.864.825)	(168.594.661.192)	(584.689.101.409)	(1.071.229.994.201)	(83.156.473.144)	2.552.135.522.869	-
Lợi nhuận bộ phận góp	125.566.501.406	209.603.383.224	22.982.690.096	325.064.121.276	125.819.883.889	49.663.548.291	8.755.561.089	-	867.455.689.271
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(801.921.994.509)

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2021									
Dịch vụ tàu kỹ thuật đầu khí	Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất đầu thô FSO/FP50	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ cẩu cở cảng	Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng	
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Lãi thuần từ hoạt động tài chính								183.174.564.173	
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết								506.796.118.343	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								755.504.377.278	
Lãi thuần từ hoạt động khác								213.907.746.469	
Lợi nhuận trước thuế								969.412.123.747	
Chi phí thuế TNDN hiện hành								(329.426.287.184)	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								110.721.051.886	
Lợi nhuận sau thuế								750.706.888.449	

Mẫu số B 09 – DN/HN



43. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Tổng công ty là bên đi thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Dưới 1 năm	447.849.951.123	891.454.149.512
Từ 1 năm đến 5 năm	174.682.663.939	1.495.360.199.442
Trên 5 năm	991.830.548.983	1.211.929.786.207
Tổng các khoản thanh toán tối thiểu	1.614.363.164.045	3.598.744.135.161

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu dịch vụ, kho nổi, thuê văn phòng, thuê đất tại Vũng Tàu, thuê đất tại cảng Sơn Trà, thuê đất tại cảng Hòn La trong đó:

- » Các hợp đồng thuê kho nổi và tàu dịch vụ được ký với thời hạn 1 năm;
- » Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002;
- » Hợp đồng thuê đất tại Cảng Sơn Trà có thời hạn 50 năm tính từ năm 2008; và
- » Hợp đồng thuê đất tại Cảng Hòn La có thời hạn 50 năm tính từ năm 2014.

(b) Tổng công ty là bên cho thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết phải thu tối thiểu đối với các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Dưới 1 năm	1.335.503.855.724	1.397.095.325.019
Từ 1 năm đến 5 năm	2.743.163.308.151	3.102.233.789.161
Trên 5 năm	1.204.373.573.382	2.311.701.399.429
Tổng các khoản phải thu tối thiểu	5.283.040.737.257	6.811.030.513.609

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có các khoản cam kết cho thuê tàu dịch vụ được ký kết trong các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang với thời hạn là 15 năm và hợp đồng thuê kho nổi với thời hạn từ 1 đến 5 năm.



44. NỢ TIỀM TÀNG

Tiến độ dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, Công ty Power Machines ("PM") - thành viên đứng đầu liên danh nhà thầu thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 đã gửi đơn kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Singapore về tranh chấp chưa được giải quyết với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Hợp đồng EPC số 9488/HĐ-DKVN ngày 27 tháng 12 năm 2013 ký giữa Liên doanh nhà thầu Công ty Power Machines - Tổng công ty với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện trên vẫn đang được Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Singapore xem xét và chưa có kết luận. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá và tin tưởng rằng vụ kiện sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty chưa ghi nhận bất năm khoản dự phòng nào liên quan tới vụ kiện này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Chi phí liên quan đến dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt

Trong quá trình Tổng công ty thực hiện dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt theo hợp đồng đã ký giữa Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (Chủ đầu tư) và Tổng công ty (nhà thầu chính), một số nhà thầu phụ của Tổng công ty có phát sinh chi phí ngoài hợp đồng chủ yếu liên quan đến việc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid - 19 trong năm 2020 theo yêu cầu chung của Chính phủ Việt Nam trong thời gian giãn cách xã hội. Trong năm 2020 các nhà thầu đã đề nghị Tổng công ty xem xét, thanh toán lại các chi phí phát sinh nêu trên. Tuy nhiên, đến nay các chi phí phát sinh nêu trên vẫn chưa đạt được sự thống nhất giữa Chủ đầu tư và Tổng công ty cũng như giữa Tổng công ty và các nhà thầu phụ. Do đó, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty chưa ghi nhận bất kỳ nghĩa vụ nợ hoặc khoản dự phòng nào liên quan đến đề nghị thanh toán từ các nhà thầu phụ.

45. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Căn cứ vào Biên bản thanh tra tài chính của Thanh tra Bộ Tài Chính ("TTBTC") ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc thanh tra tài chính tại Tổng công ty đối với kỳ thanh tra năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo kết quả thanh tra của TTBTC. Theo đó, ảnh hưởng của việc trình bày lại này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
	Theo báo cáo đã phát hành	Điều chỉnh lại	Số liệu trình bày lại	
	VND	VND	VND	
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	15.378.378.675.062	16.969.170.872	15.395.347.845.934
140	Hàng tồn kho	2.086.094.175.564	16.969.170.872	2.103.063.346.436
141	Hàng tồn kho	2.088.285.341.725	16.969.170.872	2.105.254.512.597
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	9.466.598.388.289	8.992.567.665	9.475.590.955.954
220	Tài sản cố định	2.981.748.785.565	8.992.567.665	2.990.741.353.230
221	Tài sản cố định hữu hình	2.968.414.845.549	8.992.567.665	2.977.407.413.214
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(9.149.930.875.888)	8.992.567.665	(9.140.938.308.223)
270	TỔNG TÀI SẢN	24.844.977.063.351	25.961.738.537	24.870.938.801.888
300	NỢ PHẢI TRẢ	12.310.655.145.782	(47.480.932.007)	12.263.174.213.775
310	Nợ ngắn hạn	8.735.376.980.582	(43.186.206.080)	8.692.190.774.502
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	184.438.171.379	18.360.667.636	202.798.839.015
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	292.132.423.826	(61.546.873.716)	230.585.550.110
330	Nợ dài hạn	3.575.278.165.200	(4.294.725.927)	3.570.983.439.273
342	Dự phòng phải trả dài hạn	1.088.089.864.739	(4.294.725.927)	1.083.795.138.812
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.534.321.917.569	73.442.670.544	12.607.764.588.113
410	Vốn chủ sở hữu	12.534.321.917.569	73.442.670.544	12.607.764.588.113
421	LNST chưa phân phối	3.620.836.912.033	73.442.670.544	3.694.279.582.577
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	584.952.378.615	73.442.670.544	658.395.049.159
440	TỔNG NGUỒN VỐN	24.844.977.063.351	25.961.738.537	24.870.938.801.888

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mã số	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
	Theo báo cáo đã phát hành	Điều chỉnh lại	Số liệu trình bày lại	
	VND	VND	VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.215.477.732.078	61.546.873.716	14.277.024.605.794
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.198.441.443.708	61.546.873.716	14.259.988.317.424
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(13.422.789.092.617)	30.256.464.464	(13.392.532.628.153)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	775.652.351.091	91.803.338.180	867.455.689.271
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	663.701.039.098	91.803.338.180	755.504.377.278
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	877.608.785.567	91.803.338.180	969.412.123.747
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(311.065.619.548)	(18.360.667.636)	(329.426.287.184)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	677.264.217.905	73.442.670.544	750.706.888.449
61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	601.160.329.023	73.442.670.544	674.602.999.567
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	911	(24)	887
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	911	(24)	887

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mã số	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
		Theo báo cáo đã phát hành	Điều chỉnh lại	Số liệu trình bày lại
		VND	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	877.608.785.567	91.803.338.180	969.412.123.747
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao TSCĐ	500.368.315.798	(8.992.567.665)	491.375.748.133
03	Các khoản dự phòng	(204.553.185.724)	(4.294.725.927)	(208.847.911.651)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	490.925.978.814	78.516.044.588	569.442.023.402
10	Tăng/(giảm) hàng tồn kho	88.154.685.553	(16.969.170.872)	71.185.514.681
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	(1.352.896.958.995)	(61.546.873.716)	(1.414.443.832.711)

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2023.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



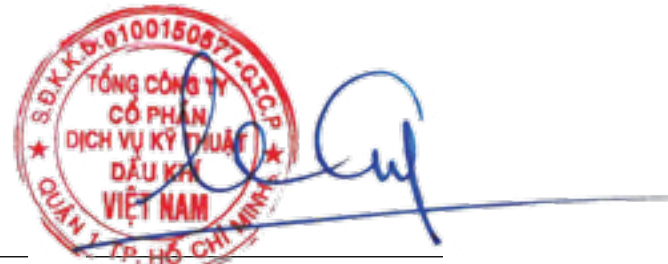
Lê Mạnh Cường



Dương Thị Ngọc Quý
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2023



TRỌN GIẢI PHÁP, VỀ NIỀM TIN

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PTSC)

Tầng 5, Tòa nhà Petrovietnam, 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Đt: (+84).28.39102828 | Fax:(+84).28.39102929 | www.ptsc.com.vn